

Phụ lục I
YÊU CẦU VỀ TRUYỀN DỮ LIỆU QUẢN LÝ DAT
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

YÊU CẦU VỀ TRUYỀN DỮ LIỆU QUẢN LÝ DAT

I. Yêu cầu truyền dữ liệu DAT

1. Dữ liệu quản lý DAT được truyền về hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam gồm dữ liệu định danh và dữ liệu phiên học.

a) Dữ liệu định danh gồm các thông tin:

- Thông tin được trích xuất thông qua việc tiếp nhận báo cáo 1:

+ Thông tin cơ sở đào tạo: Mã cơ sở đào tạo.

+ Thông tin khóa học: Mã khóa học, ngày khai giảng, ngày bế giảng, hạng đào tạo, mã báo cáo 1.

+ Thông tin học viên: Mã học viên, họ và tên, ngày sinh, số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu, giới tính, ảnh chân dung).

- Thông tin do cơ sở đào tạo nhập liệu:

+ Thông tin giáo viên dạy thực hành lái xe: Mã giáo viên, họ và tên, ngày sinh, số chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân, giới tính, ảnh chân dung, số giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe, hạng tập huấn giáo viên dạy thực hành lái xe.

+ Thông tin xe tập lái: Biển số xe tập lái, số giấy phép xe tập lái, loại phương tiện, nhãn hiệu xe, màu sơn, hạng xe tập lái, thời hạn giấy phép xe tập lái.

+ Thông tin thiết bị DAT: Mã đơn vị cung cấp, model, số serial, số imei.

b) Dữ liệu phiên học gồm các thông tin:

- Thông tin học viên: Mã học viên.

- Thông tin đăng nhập: Ảnh chụp, thời điểm và tọa độ đăng nhập.

- Thông tin đăng xuất: Ảnh chụp, thời điểm và tọa độ đăng xuất.

- Thông tin hành trình xe chạy: Thời điểm, tọa độ, tốc độ mỗi 30 giây trong phiên học.

- Thông tin kết quả xác thực: Ảnh chụp và kết quả xác thực mỗi 5 phút trong phiên học.

- Thông tin giáo viên: Mã giáo viên.

- Thông tin xe tập lái: Biển số xe tập lái.

- Thông tin thiết bị DAT: Số imei, số serial.

- Thông tin kết quả phiên học: Thời gian, quãng đường của phiên học.

2. Dữ liệu quản lý DAT phải đầy đủ các thông tin theo cấu trúc phù hợp với cấu trúc truyền dữ liệu do Cục Đường bộ Việt Nam ban hành và các yêu cầu sau:

a) Dữ liệu truyền đến hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam phải đảm bảo chính xác, toàn vẹn và trong khoảng thời gian không quá 02 phút kể từ thời điểm máy chủ của cơ sở đào tạo nhận được thông tin kết thúc phiên học;

b) Dữ liệu được truyền đến hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam theo trình tự thời gian. Trường hợp dữ liệu phiên học không tự động truyền được thì cơ sở đào tạo thực hiện truyền lại và báo cáo Sở Giao thông vận tải để được xem xét tiếp nhận bổ sung.

3. Máy chủ của cơ sở đào tạo và Cục Đường bộ Việt Nam tham gia việc truyền, nhận dữ liệu DAT và dữ liệu quản lý DAT phải được đồng bộ với thời gian chuẩn Quốc gia theo chuẩn NTP.

II. Cách xác định phiên học thực hành lái xe

1. Thời gian của phiên học thực hành lái xe được xác định từ thời điểm học viên đăng nhập vào thiết bị DAT đến thời điểm đăng xuất khỏi thiết bị. Mỗi phiên học có thời gian tối thiểu 5 phút và không quá 4 giờ, khoảng cách giữa 2 phiên học liên tiếp tối thiểu 15 phút. Tổng thời gian các phiên học trong ngày không quá 10 giờ.

2. Quãng đường của phiên học thực hành lái xe là chiều dài hành trình di chuyển của xe tập lái được xác định từ vị trí học viên đăng nhập vào thiết bị DAT đến vị trí đăng xuất khỏi thiết bị.

3. Phiên học không được ghi nhận khi không đáp ứng một trong các quy định sau:

a) Quy định về dữ liệu phiên học tại điểm b mục 1 phần I của Phụ lục này;

b) Quy định thời gian truyền dữ liệu tại điểm a mục 2 phần II của Phụ lục này. (Trường hợp quá 02 phút, cơ sở đào tạo báo cáo Sở Giao thông vận tải để được xem xét, tiếp nhận);

c) Quy định thời gian tối đa mỗi phiên học và tổng thời gian các phiên học trong ngày. (Đối với trường hợp tổng thời gian các phiên học trong ngày quá 10 giờ thì các phiên học gây quá tổng thời gian sẽ không được ghi nhận);

d) Tỷ lệ số lần xác thực khuôn mặt đạt (phù hợp với thông tin đăng ký) trên tổng số lần xác thực trong phiên đạt dưới 75%. (Trường hợp phát hiện thiết bị xác thực không chính xác, cơ sở đào tạo báo cáo Sở Giao thông vận tải để được xem xét, tiếp nhận).

4. Dữ liệu được truyền đến hệ thống thông tin DAT của Cục Đường bộ Việt Nam theo trình tự thời gian. Trường hợp dữ liệu phiên học không tự động truyền được thì cơ sở đào tạo thực hiện truyền lại và báo cáo Sở Giao thông vận tải để được xem xét tiếp nhận bổ sung.

5. Máy chủ của cơ sở đào tạo và Cục Đường bộ Việt Nam tham gia việc truyền, nhận dữ liệu DAT và dữ liệu quản lý DAT phải được đồng bộ với thời gian chuẩn Quốc gia theo chuẩn NTP.

III. Cách xác định hoàn thành nội dung đào tạo thực hành lái xe

1. Học viên được coi là hoàn thành thời gian học thực hành lái xe trên đường nếu số giờ học thực hành lái xe trên đường giao thông không ít hơn 50% số giờ học thực hành lái xe trên đường giao thông được quy định tại khoản 2 Điều 13 và khoản 2 Điều 14 của Thông tư này.

2. Học viên được coi là hoàn thành quãng đường học thực hành lái xe trên đường nếu đạt số km học thực hành lái xe trên đường giao thông được quy định tại khoản 2 Điều 13 và khoản 2 Điều 14 của Thông tư này.

Phụ lục II
BIỂU MẪU BÁO CÁO

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Biểu mẫu Báo cáo

Mẫu số 01	Báo cáo kết quả công tác đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe
Mẫu số 02	Báo cáo kết quả công tác đào tạo, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ (mẫu dùng cho cơ sở bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ)
Mẫu số 03	Báo cáo kết quả công tác đào tạo, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ (mẫu dùng cho Sở Giao thông vận tải)

**Mẫu số 01. MẪU BÁO CÁO CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, SÁT HẠCH, CẤP GIẤY PHÉP
LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ**

UBND TỈNH....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI...
Số:/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
....., ngày.....tháng,.....năm.....

Kính gửi: Cục Đường bộ Việt Nam

I. Công tác đào tạo lái xe:

1. Số lượng cơ sở đào tạo lái xe quản lý
2. Công tác kiểm tra cấp giấy phép đào tạo lái xe
3. Công tác kiểm tra cấp giấy phép xe tập lái
4. Công tác kiểm tra cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe
5. Công tác chỉ đạo điều hành đào tạo lái xe trên địa bàn.

II. Công tác sát hạch, cấp giấy phép lái xe

1. Số lượng trung tâm sát hạch lái xe quản lý.
2. Công tác chỉ đạo điều hành sát hạch lái xe trên địa bàn.
3. Báo cáo số lượng cấp giấy phép lái xe, gồm: cấp mới giấy phép lái xe, cấp đổi giấy phép lái xe và cấp lại giấy phép lái xe.

III. Khó khăn, tồn tại và kiến nghị

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu VT,

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. KẾT QUẢ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ CẤP CHỨNG CHỈ

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số...../BCXMCD

....., ngày.....tháng.....năm 20....

BÁO CÁO
KẾT QUẢ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT
VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ VÀ CẤP CHỨNG CHỈ

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

Thực hiện Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; cấp, thu hồi chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ, cơ sở đào tạo..... báo cáo kết quả bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ thực hiện từ 01/01/20.....đến hết 25/12/20..... như sau:

1. Tổng số lớp bồi dưỡng đã thực hiện:.....; số lớp đang thực hiện:.....

2. Số lượng Chứng chỉ đã cấp:

Trong đó: - Đã cấp cho đối tượng dự học là:.....người.

- Đổi, cấp lại cho các đối tượng là:.....người.

(Có danh sách trích ngang gửi kèm)

3. Tình hình chung; những khó khăn, thuận lợi; đề xuất, kiến nghị trong công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ và cấp Chứng chỉ.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

DANH SÁCH TRÍCH NGANG

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi thường trú	Số Chứng chỉ; ngày, tháng, năm cấp	Đổi, cấp lại Chứng chỉ; số, ngày, tháng, năm	Ghi chú

**Mẫu số 03. BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, CẤP CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

UBND TỈNH....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI...

Số:/

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng,.....năm.....

Kính gửi: Cục Đường bộ Việt Nam

I. Công tác đào tạo lái xe:

1. Số lượng cơ sở đào tạo, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ quản lý.
2. Số lượng học sinh được đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ.
3. Công tác kiểm tra, giám sát đào tạo bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ.

II. Công tác kiểm tra cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ

1. Số lượng học sinh được kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ:
 - Số lượng học sinh đạt kết quả được cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ:....
 - Số lượng học sinh không đạt kết:....
2. Công tác kiểm tra, giám sát kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ.

III. Công tác chỉ đạo điều hành đào tạo lái xe trên địa bàn.

Nơi nhận :

- Như trên;
- Lưu VT,

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN VỀ NGHIỆP VỤ GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

A. CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN VỀ NGHIỆP VỤ GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE CÁC HẠNG A1, A và B1

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Chương trình tập huấn về nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe các hạng A1, A và B1 trang bị những kiến thức cơ bản về phương pháp sư phạm nhằm mục tiêu giúp giáo viên dạy thực hành lái xe truyền đạt hiệu quả nhất những kiến thức về thực hành lái xe đến học viên.

2. Yêu cầu

Thông qua Chương trình tập huấn dạy thực hành lái xe các hạng A1, A và B1:

- Trang bị cho giáo viên dạy thực hành lái xe các kiến thức về phương pháp sư phạm trong dạy học thực hành lái xe.

- Biết vận dụng thành thạo, linh hoạt phương pháp sư phạm để hướng dẫn thực hành lái xe các hạng A1, A và B1.

II. Nội dung chương trình

TT	NỘI DUNG
PHẦN I	LÝ THUYẾT PHƯƠNG PHÁP SƯ PHẠM CÁC HẠNG A1, A và B1
1	Giao tiếp sư phạm
1.1	Khái niệm về giao tiếp sư phạm
1.2	Đặc trưng trong giao tiếp sư phạm
1.3	Các yếu tố tham gia vào quá trình giao tiếp
1.4	Văn hóa giao tiếp
1.5	Kỹ năng giao tiếp sư phạm
2	Ứng dụng phương pháp dạy học tích hợp trong đào tạo lái xe các

	hạng A1, A và B1
2.1	Khái niệm
2.2	Đặc điểm của dạy học tích hợp
2.3	Các điều kiện cơ bản để tiến hành tổ chức giảng dạy tích hợp
3	Ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị dạy học hiện đại trong đào tạo lái xe các hạng A1, A và B1
3.1	Khái niệm giáo án điện tử
3.2	Khái niệm bài giảng điện tử
3.3	Quy trình thiết kế bài giảng điện tử
3.4	Hiệu quả của giáo án điện tử
PHẦN II	PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LÁI XE MÔ TÔ HẠNG A1, A
1	Giới thiệu các bộ phận chủ yếu của xe
2	Kiểm tra xe trước khi sử dụng
3	Tư thế ngồi lái xe
4	Các thao tác khi lên và xuống xe
5	Kỹ năng lái xe cơ bản
6	Thực hành các kỹ năng lái xe cơ bản: bài lái xe trong hình số 3, số 8, lái xe thẳng, lái xe trong hình có vạch cản và lái xe qua đường gồ ghề
PHẦN III	PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LÁI XE CÁC HẠNG B1
1	Giới thiệu các bộ phận chủ yếu của xe
2	Kiểm tra xe trước khi sử dụng
3	Tư thế ngồi lái xe
4	Các thao tác khi lên và xuống xe
5	Thực hành lái xe các hạng B1

III. Thời gian tập huấn, nội dung kiểm tra, đánh giá

1. Thời gian và nội dung tập huấn

- Thời gian tập huấn do cơ sở đào tạo lái xe tổ chức tối thiểu 04 ngày, trong đó: nội dung lý thuyết 02 ngày; nội dung thực hành 02 ngày.

- Thời gian kiểm tra do Sở Giao thông vận tải thực hiện: 01 ngày.

2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

- Phương pháp sư phạm, phương pháp hướng dẫn thực hành lái xe: Thi viết (thời gian 90 phút).

- Nội dung lý thuyết (trắc nghiệm trên máy tính).

- Nội dung thực hành lái xe trong hình tại Trung tâm sát hạch lái xe; học viên thực hiện theo hạng giấy phép lái xe tập huấn.

B. CHƯƠNG TRÌNH TẬP HUẤN VỀ NGHIỆP VỤ GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE Ô TÔ

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

Chương trình tập huấn về nghiệp vụ giáo viên dạy thực hành lái xe ô tô nhằm trang bị cho giáo viên hiểu biết về hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trang bị kiến thức cơ bản về phương pháp sư phạm, phương pháp hướng dẫn thực hành lái xe, phương pháp bảo hiểm tay lái trong dạy thực hành lái xe.

2. Yêu cầu

- Trang bị cho giáo viên dạy thực hành lái xe các kiến thức về phương pháp sư phạm, soạn giáo án trong dạy học thực hành.

- Biết vận dụng thành thạo, linh hoạt phương pháp sư phạm để hướng dẫn thực hành lái xe ô tô và phương pháp bảo hiểm tay lái trong dạy học thực hành lái xe.

II. Nội dung chương trình

TT	NỘI DUNG
PHẦN I	LÝ THUYẾT PHƯƠNG PHÁP SƯ PHẠM, PHƯƠNG PHÁP SOẠN GIÁO ÁN VÀ BÀI GIẢNG THỰC HÀNH LÁI XE
1	Giao tiếp sư phạm
1.1	Khái niệm về giao tiếp sư phạm
1.2	Đặc trưng trong giao tiếp sư phạm
1.3	Các yếu tố tham gia vào quá trình giao tiếp
1.4	Văn hóa giao tiếp
1.5	Kỹ năng giao tiếp sư phạm
2	Ứng dụng phương pháp dạy học tích hợp trong đào tạo lái xe
2.1	Khái niệm
2.2	Đặc điểm của dạy học tích hợp
2.3	Các điều kiện cơ bản để tiến hành tổ chức giảng dạy tích hợp

3	Ứng dụng công nghệ thông tin và thiết bị dạy học hiện đại trong đào tạo lái xe ô tô
3.1	Khái niệm giáo án điện tử
3.2	Khái niệm bài giảng điện tử
3.3	Quy trình thiết kế bài giảng điện tử
3.4	Hiệu quả của giáo án điện tử
4	Phương pháp soạn bài giảng thực hành lái xe ô tô
4.1	Chuẩn bị bài giảng
4.2	Hướng dẫn bài giảng
PHẦN II	PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH LÁI XE Ô TÔ
1	Thao tác cơ bản
1.1	Giới thiệu các bộ phận chủ yếu của xe
1.2	Kiểm tra xe trước khi sử dụng
1.3	Lên, xuống xe ô tô
1.4	Tư thế ngồi lái xe
1.5	Điều khiển vô lăng lái
1.6	Điều khiển bàn đạp ly hợp (bàn đạp côn)
1.7	Điều khiển cần số
1.8	Điều khiển bàn đạp chân ga
1.9	Điều khiển bàn đạp chân phanh
1.10	Thao tác tăng, giảm số
1.11	Khởi hành, dừng xe
2	Kỹ năng lái xe cơ bản
2.1	Lái xe trên bãi phẳng
2.2	Lái xe trên đường bằng
2.3	Lái xe trên đường trung du, đèo núi
2.4	Lái xe trên đường phức tạp
2.5	Quay trở đầu xe
2.6	Kéo xe
2.7	Lái xe ô tô qua đường sắt
2.8	Lái xe tiến và lùi hình chữ chi
2.9	Lái xe hình số 3 số 8

3	Hướng dẫn thực hiện các bài thi trong hình theo các hạng giấy phép lái xe
4	Hướng dẫn thực hiện bài thi trên đường giao thông công cộng
PHẦN III	PHƯƠNG PHÁP BẢO HIỂM TAY LÁI
1	Dùng tín hiệu ngôn ngữ không lời để điều khiển và truyền đạt trong giảng dạy
2	Phương pháp căn đường
3	Hỗ trợ tay lái cho học viên (sử dụng phanh phụ và phanh tay khi cần thiết)
4	Làm chủ tốc độ của xe
5	Bảo hiểm trong các trường hợp
6	Phán đoán trạng thái tâm lý

III. Thời gian tập huấn, phương pháp kiểm tra, đánh giá

1. Thời gian tập huấn

- Thời gian tập huấn do cơ sở đào tạo lái xe tổ chức tối thiểu 10 ngày, trong đó: nội dung lý thuyết 04 ngày; nội dung thực hành 06 ngày.
- Thời gian kiểm tra do Sở Giao thông vận tải thực hiện: 01 ngày;
- Số lượng học viên/01 lớp tập huấn: không quá 50 học viên.

2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

- Phương pháp sư phạm, phương pháp hướng dẫn thực hành lái xe, phương pháp bảo hiểm tay lái trong thực hành lái xe: thi viết (thời gian 120 phút);
- Nội dung lý thuyết (trắc nghiệm trên máy tính).
- Nội dung thực hành lái xe trong hình tại Trung tâm sát hạch lái xe; học viên thực hiện theo hạng giấy phép lái xe tập huấn:
 - + Đối với hạng B: thực hiện 11 bài sát hạch lái xe trong hình;
 - + Đối với hạng C1, C, D1, D2 và D: thực hiện 10 bài sát hạch lái xe trong hình;
 - + Đối với hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E và DE: thực hiện 02 bài sát hạch lái xe trong hình;
- Thực hành bảo hiểm tay lái.

Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2024 /TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ DỮ LIỆU DAT

Mẫu số 01	Báo cáo quá trình đào tạo thực hành lái xe của học viên
Mẫu số 02	Báo cáo kết quả đào tạo thực hành lái xe của khóa học
Mẫu số 03	Báo cáo số lượng học viên hoàn thành nội dung đào tạo thực hành lái xe trên toàn quốc
Mẫu số 04	Báo cáo số lượng học viên hoàn thành nội dung đào tạo thực hành lái xe của Sở Giao thông vận tải
Mẫu số 05	Báo cáo số lượng học viên hoàn thành nội dung đào tạo thực hành lái xe của cơ sở đào tạo
Mẫu số 06	Báo cáo kết quả đào tạo thực hành lái xe theo danh sách thí sinh dự sát hạch

Mẫu số 01. Báo cáo quá trình đào tạo thực hành lái xe của học viên
MẪU BÁO CÁO QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN
ĐƯỜNG GIAO THÔNG CỦA HỌC VIÊN
(Ngày báo cáo:...../...../.....)

I. Thông tin học viên

1. Họ và tên:
2. Mã học viên:
3. Ngày sinh:
4. Mã khóa học:
5. Hạng đào tạo:
6. Cơ sở đào tạo:

II. Thông tin quá trình đào tạo

STT	Mã phiên học	Ngày đào tạo	Đào tạo thực hành lái xe trên đường giao thông		Ghi chú
			Thời gian	Quãng đường	
Tổng					

Mẫu số 02. Báo cáo kết quả đào tạo thực hành lái xe của khóa học

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG GIAO THÔNG CỦA KHÓA HỌC

(Ngày báo cáo:...../...../.....)

I. Thông tin khóa học

1. Mã khóa học:
2. Hạng đào tạo:
3. Ngày khai giảng:
4. Ngày bế giảng:
5. Cơ sở đào tạo:

II. Thông tin quá trình đào tạo

STT	Mã học viên	Họ và tên	Ngày sinh	Đào tạo thực hành lái xe trên đường giao thông		Ghi chú
				Tổng thời gian	Tổng quãng đường	

3													
...													

6. Xe tập lái: số lượng xe tập lái hiện có, thiếu hay đủ để học viên tập.

- *Chủng loại:*
- Tình trạng chất lượng kỹ thuật (còn bao nhiêu %).
- Thiết bị dạy lái trên xe.
- Số xe có Giấy chứng nhận kiểm định.

DANH SÁCH XE TẬP LÁI

Số TT	Số đăng ký xe	Nhãn xe	Hạng xe	Năm sản xuất	Chủ sở hữu/hợp đồng	Hệ thống phanh phụ (có, không)	Giấy phép xe tập lái (có, không)
1							
2							
....							

7. Sân tập lái có diện tích:..... m².

- Đã tạo lập các tình huống để tập lái trên bãi tập.
- Có hiện trường tập lái thực tế.

8. Đánh giá chung:

.....

9. Đăng ký đào tạo:

- Hạng:.....
- Lưu lượng:(đối với hạng B1).

10. Thời gian đào tạo: từ ngày.....

XÁC NHẬN
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2024 /TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUẢN LÝ DỮ LIỆU DAT

Mẫu số 01	Mẫu Phù hiệu giáo viên dạy lái xe
Mẫu số 02	Mẫu Phù hiệu học viên tập lái xe

Mẫu số 01. MẪU PHÙ HIỆU GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE

PHÙ HIỆU GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO	
Ảnh màu 3 cm x 4 cm (có dấu giáp lai)	GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE NGUYỄN VĂN A Dạy lái xe hạng:

Quy cách:

- Kích thước: 50 mm x 85 mm;
- Được in trên giấy trắng chất lượng tốt, ép plastic kẹp trong mica đeo ở phía ngực trái hoặc ở cổ;
- Phía trên ghi tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và tên cơ sở đào tạo - phong chữ Times New Roman in hoa, cỡ chữ 10;
- Phía dưới bên trái là ảnh màu 3 cm x 4 cm (có đóng dấu giáp lai của cơ sở đào tạo);
- Phía dưới bên phải ghi:
 - + Dòng chữ **GIÁO VIÊN DẠY LÁI XE** - phong chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 13;
 - + Họ tên giáo viên - phong chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 14;
 - + Hạng giấy phép lái xe dạy lái - phong chữ Times New Roman in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 14.

Mẫu số 02. MẪU PHÙ HIỆU HỌC VIÊN TẬP LÁI XE

PHÙ HIỆU HỌC VIÊN TẬP LÁI XE

TÊN CƠ QUAN QUẢN LÝ CẤP TRÊN TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO	
Ảnh màu 3 cm x 4 cm (chụp không quá 06 tháng), có dấu giáp lai	HỌC VIÊN TẬP LÁI XE NGUYỄN VĂN B Tập lái xe hạng: B2

Quy cách:

- Kích thước: 50 mm x 85 mm;
- Được in trên giấy trắng chất lượng tốt, ép plastic kẹp trong mica đeo ở phía ngực trái hoặc ở cổ;
- Phía trên ghi tên cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp và tên cơ sở đào tạo - phong chữ Times New Roman, in hoa, đứng, cỡ chữ 10;
- Phía dưới bên trái là ảnh màu 3 cm x 4 cm (có đóng dấu giáp lai của cơ sở đào tạo);
- Phía dưới bên phải ghi:
 - + Dòng **HỌC VIÊN TẬP LÁI XE** - phong chữ Times New Roman, in hoa đứng, đậm, cỡ chữ 13;
 - + Họ tên học viên - phong chữ Times New Roman, in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 14;
 - + Hạng giấy phép lái xe học lái - phong chữ Times New Roman, in hoa, đứng, đậm, cỡ chữ 14.

Phụ lục VII

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2018/TT-BGTVT
ngày tháng năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

ĐIỆN THOẠI: 04.38888888

1. Vị trí:

- Hai bên cửa xe đối với xe ô tô hạng B;
- Hai bên thành xe đối với xe ô tô các hạng C1, C, D1, D2, D;
- Hai bên cửa của xe đầu kéo đối với xe ô tô hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE.

2. Kích thước chữ: Sử dụng phông chữ Times New Roman in hoa.

a) Đối với xe ô tô tập lái hạng B1, B2 và F:

- Cỡ chữ tên cơ sở đào tạo cao: 3 cm;
- Cỡ chữ, số điện thoại cao: 4 cm.

b) Đối với xe ô tô tập lái hạng C, D, E:

- Cỡ chữ tên cơ sở đào tạo cao: 4 cm;
- Cỡ chữ, số điện thoại cao: 5 cm.

Phụ lục VIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG TẬP HUẤN NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE

1. Thời gian tập huấn: 05 ngày

Trong đó:

- Khai giảng: 0,25 ngày
- Kiểm tra đánh giá: 0,5 ngày
- Bế giảng: 0,25 ngày
- Thực học: 4 ngày

2. Danh mục các môn học bắt buộc, thời gian và phân bổ thời gian

TT	Tên môn học	Thời gian của môn (giờ)			
		Tổng số giờ	Trong đó		
			Lý Thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Văn bản quy phạm pháp luật về dạy nghề	6	4		2
3	Giao tiếp sư phạm	4	4		
5	Soạn giáo án và trình giảng các môn học lý thuyết và thực hành lái xe ô tô theo phương pháp dạy học tích cực để nâng cao chất lượng đào tạo (Cập nhật kiến thức mới và kỹ năng xử lý tình huống lái xe an toàn)	22	4	16	2
6	Ứng dụng công nghệ thông tin, thiết bị dạy học hiện đại trong đào tạo nghề và kiến thức mới	4	2	2	
	Tổng cộng	36	14	16	4

Phụ lục IX

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../

....., ngày tháng năm 20

**BÁO CÁO ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH
CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE MÔ TÔ CÁC HẠNG A1, A**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Thực hiện Phương án đào tạo lái xe mô tô hạng A1, A được Sở Giao thông vận tải phê duyệt, Trường (Trung tâm) đã tổ chức khóa đào tạo đề sát hạch cấp giấy phép lái xe mô tô hạng, với danh sách học viên kèm theo.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải chấp thuận và tổ chức sát hạch, cấp giấy phép lái xe cho các học viên hoàn thành khóa đào tạo.

DANH SÁCH HỌC VIÊN

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nơi cư trú	Hạng giấy phép lái xe	Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày sát hạch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
	Xếp tên theo vần A, B, C							

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục X

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ KỶ SÁT HẠCH Ô TÔ

Mẫu số 01	Mẫu Báo cáo Đăng ký kỳ sát hạch ô tô
Mẫu số 02	Mẫu Danh sách học viên
Mẫu số 03	Mẫu Danh sách đề nghị học viên xác minh giấy phép lái xe đã cấp đối với nâng hạng
Mẫu số 04	Mẫu Kế hoạch đào tạo

Mẫu số 01. MẪU BÁO CÁO ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH LÁI XE

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../ , ngày tháng năm 20

BÁO CÁO ĐĂNG KÝ SÁT HẠCH LÁI XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải...

Thực hiện Giấy phép đào tạo lái xe số:..... ngày / /..... do Sở Giao thông vận tải..... cấp, Trường (Trung tâm)..... đã tổ chức xét tuyển học viên và khai giảng các lớp như sau:

TT	Khóa - Lớp	Hạng giấy phép lái xe	Số lượng học viên		Ngày khai giảng	Ngày bế giảng	Ngày đăng ký sát hạch	Ghi chú
			Học tập trung	Học từ xa/tự học có hướng dẫn				
I	Hệ đào tạo mới							
1	B							
...	C1							
II	Hệ đào tạo nâng hạng							
1								
...								

(có danh sách học viên các khóa học kèm theo)

Tài khoản và mật khẩu quản lý lớp học từ xa/tự học có hướng dẫn:....

Trường (Trung tâm)..... đề nghị Sở Giao thông vận tải..... chấp nhận kế hoạch sát hạch cho học viên các lớp như lịch đề nghị.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. MẪU DANH SÁCH HỌC VIÊN (BÁO CÁO 1)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Số:...../

Học lái xe hạng: Khóa:
(Mỗi hạng lập 1 danh sách riêng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20

BÁO CÁO 1

Thời gian đào tạo: tháng
Khai giảng ngày tháng năm 20.....
Bế giảng ngày tháng năm 20.....

ST T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/CC/ HC	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khoẻ hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Thâm niên lái xe		Ghi chú
							Số năm lái xe	Số km lái xe an toàn	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
	Tên xếp theo vần A, B, C...								

....., ngày tháng năm 20.....

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03. MẪU DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE ĐÃ CẤP

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE ĐÃ CẤP

Học lái xe hạng: Khóa:
(Mỗi hạng lập 1 danh sách riêng)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/ CC/HC	Nơi cư trú	Đã có giấy phép lái xe			
					Hạng	Số	Ngày tháng năm cấp	Cơ quan cấp
				(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

....., ngày tháng năm 20.....

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 04. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO

CƠ QUAN CHỦ QUẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

CƠ SỞ ĐÀO TẠOĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO**

Khóa:..... Hạng:.....

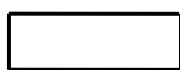
Thời gian đào tạo: tháng (từ ngày /...../đến ngày /..... /

I. Phân phối giờ học

STT	Môn học	Tổng số (giờ)	Lý thuyết (giờ)		Thực hành trong hình (giờ)	Thực hành trên đường (giờ)	Kiểm tra hết Môn (giờ)	Ghi chú
			LT	TH				

II. Lịch học toàn khóa

Phân giai đoạn	Tháng	10				11				12							
		Tuần	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	...
	Từ ngày đến																	
Lý thuyết																		
Thực hành trong hình																		
Thực hành trên đường																		
Kiểm tra																		
Dự phòng																		



Lý thuyết



Thực hành



Kiểm tra



Nghỉ



Dự phòng

III. Số lượng giáo viên, xe tập lái:

1. Số giáo viên khóa đào tạo/Tổng số giáo viên hiện có: (VD: 15/100).

2. Số xe tập lái khóa đào tạo/Tổng số xe tập lái hiện có: (VD: 15/100)

Phụ lục XI

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO LÁI XE

A. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO LÁI XE MÔ TÔ HẠNG A1, A

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

a) Để thiết kế các bài giảng cho chương trình đào tạo lái xe các hạng A1, A nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về Pháp luật giao thông đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ và kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chờ hàng, có khả năng điều khiển được các loại xe mô tô khác nhau, ở các điều kiện giao thông khác nhau;

b) Thông qua chương trình học sẽ xây dựng ý thức chấp hành Pháp luật giao thông đường bộ giúp cho người học điều khiển xe đảm bảo trật tự và an toàn giao thông.

2. Yêu cầu

a) Cung cấp cho người học Hiểu và nắm vững luật lệ giao thông, hệ thống báo hiệu đường bộ Việt Nam;

b) Người học Biết vận dụng thành thạo, linh hoạt xử lý các tình huống giao thông, điều khiển xe đúng luật và đảm bảo an toàn.

II. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	Pháp luật giao thông đường bộ
	Những kiến thức cơ bản về Pháp luật giao thông đường bộ
	Ý thức chấp hành và xử lý tình huống giao thông đường bộ
	Phòng chống tác hại rượu, bia khi tham gia giao thông
	Thực hành cấp cứu tai nạn giao thông
	Hướng dẫn kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ
2	Kỹ thuật lái xe
	Vị trí, tác dụng các bộ phận chủ yếu của xe mô tô
	Kỹ thuật lái xe cơ bản
	Nội dung đào tạo cho người khuyết tật
	Tập lái xe trong sân tập
	Tập phanh gấp

B. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO LÁI XE CÁC HẠNG B1

I. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

a) Để thiết kế các bài giảng cho chương trình đào tạo lái xe các hạng B1 nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về Pháp luật giao thông đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ, một số cấu tạo, sửa chữa thông thường, phân loại hàng hóa, kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chở hàng, có khả năng điều khiển được các loại xe hạng B1 khác nhau, ở các điều kiện giao thông khác nhau;

b) Thông qua chương trình học sẽ xây dựng ý thức chấp hành Pháp luật giao thông đường bộ giúp cho người học điều khiển xe đảm bảo trật tự và an toàn giao thông.

2. Yêu cầu

a) Cung cấp cho người học Hiểu và nắm vững luật lệ giao thông, hệ thống báo hiệu đường bộ Việt Nam, một số cấu tạo, sửa chữa thông thường, phân loại hàng hóa, kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chở hàng;

b) Người học Biết vận dụng thành thạo, linh hoạt xử lý các tình huống giao thông, điều khiển xe đúng luật và đảm bảo an toàn.

II. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	Pháp luật giao thông đường bộ
	<i>Phần I. Luật Giao thông đường bộ</i>
	Chương I: Những quy định chung
	Chương II: Quy tắc giao thông đường bộ
	Chương III: Phương tiện tham gia giao thông đường bộ
	Chương IV: Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ
	Chương V: Phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông
	Chương VI: Hướng dẫn kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ
	<i>Phần II. Biển báo hiệu đường bộ</i>
	Chương I: Quy định chung
	Chương II: Hiệu lệnh điều khiển giao thông
	Chương III: Biển báo hiệu
	Chương IV: Các báo hiệu đường bộ khác
	<i>Phần III. Xử lý các tình huống giao thông</i>
	Các tính chất của sa hình
	Các nguyên tắc đi sa hình
Kiểm tra	
2	Cấu tạo và sửa chữa thông thường

	Sơ lược về Cấu tạo
	Cách sử dụng các trang thiết bị điều khiển
	Sơ lược về các hỏng hóc
3	Nghiệp vụ vận tải
	Phân loại hàng hóa, phân loại hành khách
	Các thủ tục giấy tờ trong vận tải
	Trách nhiệm của người lái xe kinh doanh vận tải
4	Kỹ thuật lái xe
	Kỹ thuật lái xe cơ bản
	Lái xe trên bãi và lái xe trong hình số 8, số 3
	Lái xe trên đường phức tạp và lái xe ban đêm
	Bài tập tổng hợp

C. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LÁI XE Ô TÔ

I. Môn học Pháp luật giao thông đường bộ

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

a) Để thiết kế các bài giảng Môn học Pháp luật giao thông đường bộ, nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về Pháp luật giao thông đường bộ, hệ thống báo hiệu đường bộ và phương pháp xử lý các tình huống khi tham gia giao thông;

b) Thông qua Môn học Pháp luật giao thông đường bộ sẽ xây dựng ý thức chấp hành Pháp luật giao thông đường bộ giúp cho người học điều khiển xe đảm bảo trật tự và an toàn giao thông.

1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học Pháp luật giao thông đường bộ: Cung cấp cho người học hiểu và nắm vững luật lệ giao thông, hệ thống báo hiệu đường bộ Việt Nam. Người học biết vận dụng thành thạo, linh hoạt xử lý các tình huống giao thông, điều khiển xe đúng luật và đảm bảo an toàn.

2. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	Phần I. Luật Giao thông đường bộ
	Chương I: Những quy định chung
	Chương II: Quy tắc giao thông đường bộ
	Chương III: Xe ô tô tham gia giao thông đường bộ
	Chương IV: Người lái xe ô tô tham gia giao thông đường bộ
2	Phần II. Hệ thống báo hiệu đường bộ
	Chương I: Quy định chung

	Chương II: Hiệu lệnh điều khiển giao thông
	Chương III: Biển báo hiệu
	Phân nhóm và hiệu lực của biển báo hiệu
	Biển báo cấm
	Biển báo nguy hiểm
	Biển hiệu lệnh
	Biển chỉ dẫn
	Biển phụ
	Chương IV: Các báo hiệu đường bộ khác
	Vạch kẻ đường
	Cọc tiêu, tường bảo vệ và hàng rào chắn
	Cột kilômét
	Mốc lộ giới
	Gương cầu lồi và dải phân cách tôn sóng
	Báo hiệu trên đường cao tốc
	Báo hiệu cấm đi lại
	Chương IV: Tốc độ và khoảng cách
	Quy định về tốc độ của phương tiện tham gia giao thông đường bộ
	Khoảng cách an toàn giữa hai xe khi tham gia giao thông
3	Phần III. Xử lý các tình huống giao thông
	Chương I: Các đặc điểm của sa hình
	Chương II: Các nguyên tắc đi sa hình

II. Môn học Cấu tạo và sửa chữa thông thường

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

a) Để thiết kế các bài giảng Môn học Cấu tạo và sửa chữa thông thường, nhằm trang bị cho học viên có được những kiến thức cơ bản về tác dụng, cấu tạo, nguyên lý làm việc của các cụm, các hệ thống trên xe ô tô thông dụng và làm quen một số đặc điểm kết cấu trên xe ô tô hiện đại;

b) Thông qua môn học người học có thể hiểu được việc Bảo dưỡng các cấp và các hư hỏng thông thường.

1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học Cấu tạo và sửa chữa thông thường người học: Có khả năng đọc được các sơ đồ, bản vẽ đơn giản về cấu tạo ô tô. Hiểu được tác dụng, sơ đồ cấu tạo, nguyên lý làm việc và những chú ý trong sử dụng các cụm, các hệ

thông chính trên xe ô tô thông dụng. Nắm được việc Bảo dưỡng các hư hỏng thông thường và bảo dưỡng định kỳ tới tuổi thọ của xe ô tô.

2. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	Giới thiệu chung về xe ô tô
2	Động cơ xe ô tô
3	Cấu tạo Gầm ô tô
4	Hệ thống Điện xe ô tô
5	Các hệ thống an toàn chủ động trang bị trên xe ô tô
6	Hệ thống tự chẩn đoán trên ô tô và các hư hỏng thông thường
7	Nội quy xưởng và kỹ thuật an toàn
8	Các hư hỏng thông thường

III. Môn học Đạo đức người lái xe và văn hóa giao thông

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

Để thiết kế các bài giảng Môn học nhằm trang bị cho học viên trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về phẩm chất, đạo đức của người lái xe, cơ chế thị trường và cạnh tranh trong hoạt động vận tải, trách nhiệm của người sử dụng lao động, văn hóa khi tham gia giao thông và tác hại rượu bia.

1.2. Yêu cầu

Thông qua Môn học Đạo đức người lái xe và văn hóa giao thông người học: Nắm được đạo đức nghề nghiệp của người lái xe, trách nhiệm của người sử dụng lao động trong kinh doanh vận tải. Có kiến thức về văn hóa giao thông và phòng chống tác hại rượu bia khi tham gia giao thông, các kiến thức cơ bản về sơ, cấp cứu.

2. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	Những vấn đề cơ bản về phẩm chất đạo đức trong giai đoạn hiện nay
2	Đạo đức nghề nghiệp của người lái xe
3	Trách nhiệm, quyền hạn của người sử dụng lao động, của lái xe trong kinh doanh vận tải
4	Văn hóa giao thông
5	Phòng, chống tác hại của rượu, bia khi tham gia giao thông

6	Thực hành cấp cứu
7	Hướng dẫn kỹ năng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

IV. Môn kiến thức mới về nâng hạng

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

- Để thiết kế các bài giảng cho chương trình đào tạo lái xe nhằm trang bị cho học viên những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng cơ bản về an toàn trong phòng cháy chữa cháy.

- Thông qua chương trình học học viên được trang bị kiến thức và khả năng ứng phó khi gặp các trường hợp cháy nổ trong quá trình điều khiển vận hành phương tiện.

1.2. Yêu cầu

Cung cấp cho người học hiểu và nắm vững kiến thức, kỹ năng cơ bản về an toàn trong phòng cháy chữa cháy. Người học biết vận dụng linh hoạt kiến thức và khả năng ứng phó khi gặp các trường hợp cháy nổ trong quá trình điều khiển vận hành phương tiện.

2. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	Giới thiệu cấu tạo chung, vị trí, cách sử dụng các thiết bị trong buồng lái
2	Một số đặc điểm về kết cấu điển hình trên động cơ xe ô tô nâng hạng
3	Một số đặc điểm điển hình về hệ thống điện xe ô tô hiện đại
4	Đặc điểm về kết cấu điển hình hệ thống truyền động xe ô tô nâng hạng
5	Kiểm tra

V. Môn học Kỹ thuật lái xe

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

Để thiết kế các bài giảng Môn học Kỹ thuật lái xe, nhằm trang bị cho người học lái xe:

- Những kiến thức cơ bản về các bộ phận trong buồng lái, kỹ thuật lái xe ô tô.

- Các kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chở hàng, có khả năng điều khiển được các loại ô tô khác nhau, ở các điều kiện giao thông khác nhau.

1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học Kỹ thuật lái xe người học: Có kiến thức cơ bản về các bộ phận trong buồng lái, kỹ thuật lái xe ô tô. Nắm được các kiến thức và biết vận

dụng kỹ năng lái xe an toàn để điều khiển xe trong các điều kiện giao thông khác nhau, xử lý được các tình huống giao thông trên đường an toàn.

2. Nội dung chương trình môn học

TT	NỘI DUNG
1	Vị trí, tác dụng các bộ phận trong buồng lái
2	Kỹ thuật lái xe cơ bản
3	Kỹ thuật lái xe trên các loại đường
	- Lái xe ô tô trên bãi phẳng, đường bằng
	- Lái xe ô tô trên đường đèo núi, trung du
	- Lái xe qua trạm thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ, qua cầu, phà
	- Lái xe trên đường phức tạp qua: chỗ hẹp, đường sắt, đường xấu, đường ngập nước, đường ngầm
	- Lái xe ô tô ban đêm, khu vực sương mù
	- Lái xe ô tô trên đường cao tốc
4	Kỹ thuật lái xe an toàn chủ động
5	Kỹ thuật lái xe ô tô chở hàng hóa
6	Tâm lý điều khiển xe ô tô
7	Phương pháp thực hành lái xe tổng hợp

VI. Nội dung dạy thực hành lái xe

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

Để thiết kế các bài giảng Môn học thực hành lái xe, nhằm trang bị cho người học lái xe:

- Các kỹ năng cơ bản lái xe an toàn, kỹ năng lái xe chở hàng, có khả năng điều khiển được các loại ô tô khác nhau, ở các điều kiện giao thông khác nhau.

1.2. Yêu cầu

Thông qua môn học Thực hành lái xe người học: Có kỹ năng lái xe an toàn để điều khiển xe trong các điều kiện giao thông khác nhau, xử lý được các tình huống giao thông trên đường an toàn.

2. Nội dung

TT	NỘI DUNG
1	Tập lái tại chỗ không nổ máy

2	Tập lái xe tại chỗ có nổ máy
3	Tập lái xe trong bãi phẳng (sân tập lái)
4	Tập lái xe trong hình số 3, số 8 ghép; tiến lùi theo hình chữ chi (sân tập lái)
5	Tập lái xe trên đường bằng
6	Tập lái trên đường đèo núi
7	Tập lái xe trên đường phức tạp
8	Tập lái ban đêm
9	Tập lái xe có tải
10	Bài tập lái trên đường cao tốc và đường cao tốc phân kỳ đầu tư
11	Tập lái trên đường với xe ô tô số tự động đối với học hạng B số cơ khí và hạng C1 (thực hiện sau khi học viên học xong các bài tập có số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5 và 6)
12	Tập lái trên đường với xe tải hạng C đối với học nâng hạng từ hạng B lên hạng D1 hoặc D2 (thực hiện sau khi học viên học xong các bài tập có số thứ tự 1, 2, 3, 4, 5 và 6)
13	Bài tập lái tổng hợp

Ghi chú:

Nội dung học thực hành trên đường giao thông thực hiện sau khi học viên học xong các bài tập có số thứ tự 1, 2, 3 và 4.

Phụ lục XII

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO LÁI XE THEO HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TỪ XA, TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN

I. Chương trình, giáo trình đào tạo

1. Chương trình, giáo trình đào tạo lái xe theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn được cơ sở đào tạo điều chỉnh cho phù hợp với năng lực của người học, hình thức đào tạo, thời gian đào tạo và do người đứng đầu cơ sở đào tạo nghề nghiệp quyết định.

2. Chương trình, giáo trình đào tạo lái xe theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn do người đứng đầu cơ sở đào tạo nghề nghiệp tự chủ, tự chịu trách nhiệm xây dựng hoặc lựa chọn, phê duyệt, sử dụng.

3. Chương trình đào tạo đã được phê duyệt phải công khai trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo trước khi tổ chức tuyển sinh.

II. Học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn

1. Học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn phải có nội dung bám sát mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo, có tính sư phạm cao, dễ dùng, đáp ứng được nhu cầu tự học của người học.

2. Học liệu phục vụ các môn học đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn phải được chuẩn bị đầy đủ và ở trạng thái sẵn sàng trước khi tổ chức đào tạo.

3. Học liệu đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn do các cơ sở đào tạo tự thiết kế, sản xuất, thuê, mua ngoài hoặc sử dụng từ các nguồn hợp pháp khác, đảm bảo các quy định về sở hữu trí tuệ.

III. Hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn

1. Hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn bao gồm: hệ thống quản lý học tập và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn.

2. Hệ thống quản lý học tập:

a) Cổng thông tin: Để công bố, giới thiệu các nội dung về chương trình đào tạo; thông tin tuyển sinh, điều kiện tuyển sinh;

b) Phân hệ học tập: Để người học truy cập vào các nội dung học tập từ xa và có thể tự học tập, tự đánh giá, nắm bắt được tiến trình, kết quả học tập của bản thân;

c) Phân hệ giảng dạy: Để giáo viên quản lý học liệu đào tạo từ xa, thiết lập quy luật học, trả bài; theo dõi, tương tác, trợ giúp, hướng dẫn người học; xác thực và kiểm soát quá trình học của học viên; quản lý học viên, lớp học;

d) Phân hệ lớp học trực tuyến: Để tổ chức các lớp học trực tuyến theo thời gian thực;

đ) Ứng dụng trên thiết bị di động: Để thực hiện giảng dạy, học tập dễ dàng, thuận tiện trên các thiết bị di động;

e) Phân hệ báo cáo: Để trích xuất được các thông tin của quá trình đào tạo và các hoạt động của người dạy, người học;

g) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ kỹ thuật, cán bộ hỗ trợ, cán bộ quản lý hệ thống để tổ chức đào tạo và quản trị vận hành hệ thống.

3. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

Hệ thống máy chủ và hạ tầng kết nối mạng phải có đủ băng thông, năng lực đáp ứng nhu cầu truy cập của người dùng; phải duy trì tối thiểu hai hệ thống hạ tầng kỹ thuật để dự phòng lẫn nhau.

Trường hợp thuê ngoài hay hợp tác các đơn vị cung cấp giải pháp đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn phải đáp ứng các yêu cầu về hệ thống máy chủ, bảo mật, hạ tầng lưu trữ và an toàn dữ liệu theo quy định của pháp luật.

IV. Tổ chức đào tạo

1. Cơ sở đào tạo chỉ được đào tạo nội dung Lý thuyết theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn sau khi có Báo cáo đăng ký thực hiện chương trình đào tạo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục này, gửi Sở Giao thông vận tải và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, quản lý.

2. Quá trình tổ chức đào tạo phải đảm bảo sự tương tác giữa người dạy và người học, giữa người học với người học thể hiện ở việc tham dự các buổi học, buổi hướng dẫn, thảo luận; hoàn thành việc học tập các nội dung từ các học liệu chính, học liệu bổ trợ; thực hiện các bài tập, đánh giá; phản hồi với người dạy về những nội dung giảng dạy.

3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giám sát và đánh giá mức độ chuyên cần của người học.

V. Cơ sở đào tạo nghề nghiệp

1. Xây dựng, ban hành quy chế về đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn và công khai bằng hình thức niêm yết tại trụ sở, cơ sở đào tạo, trong thông báo tuyển sinh và đăng trên trang thông tin điện tử của cơ sở đào tạo để tổ chức thực hiện.

2. Tổ chức đào tạo nội dung lý thuyết theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn theo quy định tại Thông tư này.

VI. Biểu mẫu

Mẫu số 01	Báo cáo đăng ký thực hiện Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn
------------------	---

Mẫu số 01. Báo cáo đăng ký thực hiện Chương trình đào tạo theo hình thức đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.....

....., ngày ... tháng ... năm 20...

BÁO CÁO
ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HÌNH
THỨC ĐÀO TẠO TỪ XA, TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở đào tạo :
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại:Fax:
- Website:, Email:
- Giấy phép đào tạo lái xe số:, ngày, tháng, năm cấp (*kèm theo bản photo*):

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO

TT	Hạng GPLX	Kết quả tuyển sinh trong 03 năm liên tục trước năm báo cáo tuyển sinh đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn	Số học sinh đã tốt nghiệp (tính sau 3 tháng sau khi tốt nghiệp)
1	Hạng B		
2	Hạng C1		
3	Hạng C		
...	...		

III. DỰ KIẾN ĐÀO TẠO TỪ XA, TỰ HỌC CÓ HƯỚNG DẪN

TT	Hạng GPLX	Lưu lượng tuyển sinh	Ghi chú
1			
2			
3			
...			

IV. CÁC GIẢI PHÁP ĐẢM BẢO ĐỂ TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

1. Chương trình, giáo trình, học liệu đào tạo

- Chương trình, giáo trình đào tạo, tài liệu hướng dẫn (có các bản mềm kèm theo).
- Học liệu đào tạo bao gồm: học liệu chính, học liệu bổ trợ; các phần mềm, băng đĩa, video, sách, các phần mềm mô phỏng.

2. Hệ thống quản lý đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn

2.1. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Hệ thống máy chủ; đường truyền (dung lượng).
- Địa điểm đặt trạm đào tạo (nếu có).
- Hạ tầng cơ sở đảm bảo (ít nhất phải có 2 hệ thống hạ tầng kỹ thuật để dự phòng lẫn nhau).

2.2. Hệ thống quản lý học tập

- Cổng thông tin.
- Phân hệ học tập, giảng dạy, tổ chức lớp học, tổ chức thi, báo cáo.
- Phần mềm ứng dụng trên thiết bị di động.
- Ứng dụng quản lý quá trình học tập, chế độ báo cáo, lưu trữ, trích xuất dữ liệu.
- Phương thức tổ chức thực hiện (tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi, quản lý học viên...).

3. Đội ngũ nhà giáo, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý, quản trị hệ thống

- Đội ngũ nhà giáo, người hướng dẫn.
- Cán bộ hỗ trợ kỹ thuật.
- Cán bộ quản lý, quản trị hệ thống.

4. Quy chế đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn (gửi kèm theo)

V. CAM KẾT CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Nơi nhận:

- Sở GTVT (để báo cáo);
- Sở LĐ, TB&XH (để báo cáo);
- Lưu VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH
ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE**

Ảnh màu
3 cm x 4 cm
chụp không
quá 06
tháng

Kính gửi:.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Căn cước:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã có giấy phép lái xe số:..... hạng.....

do:..... cấp ngày: /..... /

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng:

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có không

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục XIV

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI
THỜI GIAN HÀNH NGHỀ LÁI XE AN TOÀN

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số căn cước:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số:, hạng

do: cấp ngày:

..... /..... /

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có năm lái xe an toàn.

Đề nghị cho tôi được dự sát hạch

nâng hạng lấy giấy phép lái xe hạng

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Phụ lục XV
MẪU SỔ PHÂN CÔNG GIÁO VIÊN, XE TẬP LÁI THAM GIA GIẢNG DẠY
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Biểu mẫu sổ phân công giáo viên và xe tập lái

Mẫu số 01	Sổ phân công giáo viên
Mẫu số 02	Sổ phân công xe tập lái

Số TT	Giáo viên	Thời gian	Khoá đào tạo	Số đăng ký xe tập lái	Ghi chú
	Nguyễn Văn A				
	Nguyễn Văn B				

Mẫu số 01. SỔ PHÂN CÔNG GIÁO VIÊN

Ghi chú: Nâng hạng B lên C1 học 18 ngày; B lên D1, C lên D và lên các hạng BE, C1E, CE, D1E, D2E, DE học 30 ngày; B lên D1 và C lên D học 52 ngày. Theo hàng ngang biết được độ dài thời gian đào tạo, nâng hạng từng lớp/khóa, cộng số học sinh theo cột dọc có tổng số học sinh hiện có (lưu lượng đào tạo).

Ký hiệu:

- H: Học lý thuyết (nếu tô màu thì tô ô xanh).
- T: Tập lái trong hình (nếu tô màu thì tô ô vàng)
- Đ: Tập lái trên đường (nếu tô màu thì tô ô vàng).
- •: Thi tốt nghiệp (nếu tô màu thì tô ô đỏ).

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20...
THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XVIII
SỔ TAY GIÁO VIÊN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

SỔ TAY GIÁO VIÊN

1. Trang bìa

<p>Đơn vị quản lý trực tiếp (nếu có)</p> <p>.....</p> <p>Cơ sở đào tạo</p> <p>.....</p> <p>(Trang bìa 1)</p> <p>Sổ tay giáo viên</p> <p>Môn:.....</p> <p>Lớp:.....</p> <p>Hạng GPLX :</p> <p>Họ và tên giáo viên:.....</p> <p>Khóa:.....</p>
--

Số TT	Nội dung	Trang
1	Thông tin về lớp học	
2	Kết quả học tập	
3	Số giờ nghỉ học Môn học	

I. Thông tin về lớp học/khóa học

1. Hạng giấy phép lái xe đào tạo:

2. Quyết định thành lập lớp học:

.....

3. Tổ chức lớp học

a) Sĩ số lớp học:

b) Giáo viên chủ nhiệm:

c) Phương thức tổ chức đào tạo:

.....

Phụ lục **XX**

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT, CHUYÊN MÔN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO LÁI XE CÁC HẠNG A1, A VÀ B1

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT, CHUYÊN MÔN CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO LÁI XE CÁC HẠNG A1, A VÀ B1

1. Hệ thống phòng học chuyên môn:

a) Phòng học Pháp luật giao thông đường bộ: có thiết bị nghe nhìn (màn hình, máy chiếu), tranh vẽ hệ thống biển báo hiệu đường bộ, sa hình;

b) Phòng học Cấu tạo và sửa chữa thông thường các hạng B1: có hình hoặc tranh vẽ sơ đồ mô tả cấu tạo và nguyên lý hoạt động của động cơ, hệ thống phanh, hệ thống lái;

c) Phòng học Kỹ thuật lái xe: có hình hoặc tranh vẽ mô tả các thao tác lái xe cơ bản;

d) Phòng học Nghiệp vụ vận tải các hạng B1: có hệ thống bảng, biểu về vận tải hàng hoá, hành khách; có các tranh vẽ ký hiệu trên kiện hàng;

đ) Phòng học thực tập bảo dưỡng sửa chữa các hạng B1: có hệ thống thông gió và chiếu sáng bảo đảm các yêu cầu về an toàn, vệ sinh lao động; nền nhà không gây bụi; có trang bị đồ nghề chuyên dùng để bảo dưỡng sửa chữa; có bàn tháo lắp, bảng, bàn ghế cho giảng dạy, thực tập.

2. Xe tập lái: thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe.

3. Sân tập lái: thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cơ sở đào tạo lái xe; diện tích tối thiểu 1000m², bố trí đủ kích thước các hình tập lái phù hợp Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.

4. Giáo viên dạy lái xe

a) Tiêu chuẩn chung: có phẩm chất, tư cách đạo đức tốt; có đủ sức khỏe theo quy định; có chứng chỉ sư phạm dạy nghề hoặc chứng chỉ bồi dưỡng sư phạm hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

b) Giáo viên dạy lý thuyết: có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên; giáo viên dạy môn Kỹ thuật lái xe phải có giấy phép lái xe hạng tương ứng hạng xe đào tạo trở lên;

c) Giáo viên dạy thực hành lái xe: có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên; có giấy phép lái xe hạng tương ứng, có thời hạn từ 03 năm trở lên kể từ ngày cấp giấy phép lái xe; phải được cơ sở đào tạo lái xe qua tập huấn về nghiệp vụ dạy thực hành lái xe theo chương trình quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Phụ lục XXI

QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG A1 VÀ A

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG A1 VÀ A

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Thực hiện sát hạch bằng phương pháp trắc nghiệm trên máy vi tính để cấp giấy phép lái xe hạng A1, A

1. Đối với sát hạch viên: mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết.

1.2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của học viên; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với trường hợp được miễn sát hạch lý thuyết); ký xác nhận tại phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lý thuyết của thí sinh; sắp xếp máy tính cho thí sinh.

1.3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

1.4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

1.5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận máy tính: số báo danh dự sát hạch;

2.2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.2.1. Thời gian làm bài: 19 phút.

2.2.2. Đề thi được thiết kế dưới dạng 25 câu hỏi trắc nghiệm, trong đó: có 24 câu hỏi được tính 01 điểm mỗi câu và có 01 câu nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra

đáp án đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết.

2.2.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định tại điểm 2.2.1 khoản này, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Điểm đạt yêu cầu đối với hạng A1: từ 21/25 điểm trở lên;

3.2. Điểm đạt yêu cầu đối với hạng A: từ 23/25 điểm trở lên;

3.3. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.4. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

II. Thực hiện sát hạch bằng phương pháp trắc nghiệm trên giấy để cấp giấy phép lái xe hạng A1, A

1. Đối với sát hạch viên: mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, bộ đề sát hạch, đáp án sát hạch.

1.2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của học viên; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với trường hợp được miễn sát hạch lý thuyết); ký xác nhận tại phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lý thuyết của thí sinh; sắp xếp máy tính cho thí sinh.

1.3. Bố trí chỗ ngồi, phát đề sát hạch cho thí sinh (mỗi đợt sát hạch bố trí 20 thí sinh), ký tên vào bài sát hạch lý thuyết của thí sinh (theo mẫu số 01 tại Phụ lục này) trước khi phát đề sát hạch lý thuyết.

1.4. Phát lệnh sát hạch, công bố thời gian bắt đầu, kết thúc sát hạch lý thuyết.

1.5. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

1.6. Thu bài sát hạch lý thuyết của thí sinh khi hết giờ làm bài và sử dụng đáp án sát hạch để chấm điểm.

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Nhận đề sát hạch: ghi số đề sát hạch và số báo danh vào bài sát hạch lý thuyết.

2.2. Thực hiện nội dung sát hạch

a) Thời gian làm bài: 19 phút;

b) Đề thi được thiết kế gồm 25 câu hỏi trắc nghiệm, trong đó: có 24 câu hỏi được tính 01 điểm mỗi câu và có 01 câu nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra đáp án đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết;

c) Ý trả lời của thí sinh chỉ được đánh dấu bằng dấu nhân (x) trong ô tương ứng; những trường hợp đánh dấu nhân vào 02 ô trở lên trên một cột hoặc tẩy xóa đều bị coi là trả lời sai; không được dùng bút có mực màu đỏ hoặc bút chì để đánh dấu trả lời câu hỏi sát hạch.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Điểm đạt yêu cầu đối với hạng A1: từ 21/25 điểm trở lên.

3.2. Điểm đạt yêu cầu đối với hạng A: từ 23/25 điểm trở lên.

3.3. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và phân kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.4. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phân kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

B. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Đối với sát hạch viên

1. Trường hợp sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch, gọi thí sinh, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh.

1.2. Kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu với thí sinh và tên thí sinh kê khai trong biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình; ký tên vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình của thí sinh; sau khi thí sinh hoàn thành nội dung sát hạch, yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình.

1.3. Phát lệnh sát hạch và theo dõi quá trình thực hiện bài sát hạch của thí sinh, phân tích và chấm điểm độc lập các lỗi vi phạm của thí sinh tại các bài sát hạch theo quy trình.

1.4. Theo dõi quá trình sát hạch, không để người không có nhiệm vụ vào sân sát hạch và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp lỗi kỹ thuật của thiết bị chấm điểm tự động (nếu có).

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Trường hợp sát hạch bằng thiết bị chấm điểm tự động

2.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, thiết bị chấm điểm tự động.

2.2. Kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu với thí sinh và tên thí sinh kê khai trong biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình; theo dõi, giám sát thí sinh tiếp nhận xe sát hạch được giao; ký tên vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình của thí sinh; sau khi thí sinh hoàn thành nội dung sát hạch, yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình.

2.3. Điều hành thiết bị chấm điểm tự động, gọi thí sinh, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh, phát lệnh sát hạch, theo dõi quá trình sát hạch và thông qua thiết bị trong phòng điều hành trực tiếp ghi các lỗi vi phạm của thí sinh. Trường hợp giao nhân viên kỹ thuật của Trung tâm điều hành thì phải giám sát:

2.3.1. Đình chỉ sát hạch: Khi hai bánh xe của xe sát hạch ra ngoài hình sát hạch.

2.3.2. Đình chỉ sát hạch: Khi xe sát hạch bị đổ trong quá trình sát hạch.

2.3.3. Trừ 05 điểm: Mỗi lần chạm chân xuống đất trong quá trình sát hạch.

2.4. Theo dõi quá trình sát hạch, không để người không có nhiệm vụ vào sân sát hạch và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp lỗi kỹ thuật của thiết bị chấm điểm tự động (nếu có).

2.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận xe sát hạch được giao và đội mũ bảo hiểm, cài quai đúng quy cách theo quy định của **Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ**.

2. Thí sinh thực hiện bài sát hạch

2.1. Trình tự và các bước thực hiện:

2.1.1 Bài sát hạch số 1: Đi qua hình số 8.

2.1.1.1. Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên.

2.1.1.2. Khi có hiệu lệnh xuất phát, điều khiển xe tiến đến cửa vào hình số 8, rẽ phải đi một vòng hình số 8.

2.1.1.3. Tiếp tục điều khiển xe tiến qua nửa hình số 3 đến cửa ra hình số 8.

2.1.1.4. Tiếp tục điều khiển xe đến bài sát hạch số 2.

2.1.2. Bài sát hạch số 2: Đi qua vạch đường thẳng

Thí sinh điều khiển xe qua bài sát hạch tiến qua vạch đường thẳng và điều khiển xe đến bài sát hạch số 3.

2.1.3. Bài sát hạch số 3: Đi qua đường có vạch cản

Thí sinh điều khiển xe qua bài sát hạch tiến qua đường có vạch cản và điều khiển xe đến bài sát hạch số 4.

2.1.4. Bài sát hạch số 4: Đi qua đường gồ ghề

Thí sinh điều khiển xe qua bài sát hạch tiến qua đường gồ ghề và điều khiển xe đến vị trí kết thúc.

2.2. Yêu cầu đạt được của thí sinh

2.2.1. Đi đúng trình tự bài sát hạch;

2.2.2. Bánh xe không được đè lên vạch giới hạn hình sát hạch;

2.2.3. Bánh xe không được đè lên vạch cản;

2.2.4. Hoàn thành các bài sát hạch trong thời gian 10 phút;

2.2.5. Xe không được chết máy trong quá trình thực hiện sát hạch.

2.3. Các lỗi bị trừ điểm

2.3.1. Đi không đúng trình tự bài sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;

2.3.2. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

2.3.3. Bánh xe đè vào vạch cản của hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

2.3.4. Hai bánh xe của xe sát hạch ra ngoài hình sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;

2.3.5. Xe sát hạch bị đổ trong quá trình sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;

2.3.6. Chạm chân xuống đất trong quá trình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

2.3.7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

2.3.8. Thời gian thực hiện các bài sát hạch quá 10 phút, cứ quá 01 phút bị trừ 05 điểm;

2.3.9. Không hoàn thành bài sát hạch bị đình chỉ sát hạch;

2.3.10. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.

3. Công nhận kết quả:

- Thời gian thực hiện các bài sát hạch: 10 phút;

- Thang điểm: 100 điểm;

- Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên.

3.1. Trường hợp sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp

Hai sát hạch viên chấm điểm độc lập, thống nhất kết quả, ghi điểm, nhận xét, ký tên và yêu cầu thí sinh ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch và biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình của thí sinh theo Mẫu số 02 Phụ lục này.

3.2. Trường hợp sát hạch bằng thiết bị chấm điểm tự động

Sát hạch viên ghi điểm, nhận xét và ký xác nhận và yêu cầu thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình được in ra và phần kết quả sát hạch kỹ năng lái xe trong hình trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

C. CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG A1 VÀ A

Mẫu số 01	Bài sát hạch Lý thuyết các hạng A1 và A
Mẫu số 02	Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng A1 và A

Mẫu số 01. Bài sát hạch lý thuyết các hạng A1 và A

SỞ GTVT...
TỔ SÁT HẠCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÀI SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Họ và tên thí sinh:.....	Hạng xe sát hạch:.....
Ngày sinh:.....	
Họ và tên sát hạch viên:.....	

Số câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
Trả lời	1																									
	2																									
	3																									
	4																									

Kết luận:

Số điểm đạt được:.....điểm

Đạt
Thí sinh ký tên

Không đạt
Sát hạch viên ký tên

Mẫu số 02. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng A1 và A

MẪU BIÊN BẢN SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

SỞ GTVT...
TỔ SÁT HẠCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Họ và tên thí sinh:..... Ngày sinh:..... Họ và tên sát hạch viên:.....	Hạng xe sát hạch:.....
--	------------------------

Số TT	Các lỗi bị trừ điểm	Số lần mắc lỗi	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Tổng điểm trừ
1	Bánh xe đè vạch giới hạn hình sát hạch		05	
2	Bánh xe đè vạch cản cửa hình sát hạch		05	
3	Chạm chân xuống đất trong bài sát hạch		05	
4	Xe bị chết máy		05	
5	Đi không đúng trình tự bài sát hạch			Đình chỉ sát hạch
6	Hai bánh xe đi ra ngoài vạch giới hạn hình sát hạch			Đình chỉ sát hạch
7	Xe sát hạch bị đổ			Đình chỉ sát hạch
8	Không hoàn thành bài sát hạch			Đình chỉ sát hạch
9	Điểm sát hạch dưới 80 điểm			Đình chỉ sát hạch
Cộng				

Kết luận:

Số điểm đạt được:.....điểm

Đạt

Không đạt

Thí sinh ký tên

Sát hạch viên ký tên

QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG B SỐ TỰ ĐỘNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG B SỐ TỰ ĐỘNG

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Đối với sát hạch viên: mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết.

2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của học viên; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với trường hợp được miễn sát hạch lý thuyết); ký xác nhận tại phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lý thuyết của thí sinh; sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; Trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận máy tính: nhập số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.1. Thời gian làm bài: 19 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế gồm 25 câu hỏi trắc nghiệm, trong đó: có 24 câu hỏi được tính 01 điểm mỗi câu và có 01 câu nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra đáp án đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết.

2.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định tại điểm 2.1 khoản này, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Điểm đạt yêu cầu đối với hạng B1: từ 23/25 điểm trở lên.

3.2. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.3. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

B. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Đối với sát hạch viên: Mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, có 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tiếp nhận và sắp xếp xe cho thí sinh và 01 sát hạch viên làm việc tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch, gọi thí sinh, sắp xếp xe sát hạch cho thí sinh và phát lệnh sát hạch;

2. Kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu với thí sinh và tên thí sinh kê khai trong biên bản sát hạch thực hành lái xe; ký tên vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch;

3. Phát lệnh sát hạch và theo dõi quá trình thực hiện bài sát hạch của thí sinh, phân tích và chấm điểm độc lập các lỗi vi phạm của thí sinh tại các bài sát hạch theo quy trình;

4. Theo dõi quá trình sát hạch, không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông lên xe sát hạch; không để người không có nhiệm vụ vào sân sát hạch và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trường hợp thí sinh cố tình mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông lên xe sát hạch;

5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận xe sát hạch được giao.

2. Thí sinh thực hiện bài sát hạch

2.1. Trình tự và các bước thực hiện:

2.1.1. Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên;

2.1.2. Khi có hiệu lệnh xuất phát, điều khiển xe tiến qua hình chữ chi cho đến khi bánh xe sau của xe qua vạch kết thúc của hình sát hạch 01m thì dừng lại;

2.1.3. Lùi xe theo hướng ngược lại cho đến khi bánh xe trước của xe qua vạch bắt đầu của hình sát hạch.

2.2. Yêu cầu đạt được của thí sinh

2.2.1. Đi đúng trình tự bài sát hạch;

2.2.2. Bánh xe không được đè lên vạch giới hạn hình sát hạch;

2.2.3. Xe không được chết máy trong quá trình sát hạch;

2.2.4. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 10 phút;

2.2.5. Tốc độ xe chạy không quá 20 km/h.

2.3. Các lỗi bị trừ điểm

2.3.1. Đi không đúng trình tự bài sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;

2.3.2. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 10 điểm;

2.3.3. Bánh xe đi ra ngoài vạch giới hạn hình sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;

2.3.4. Điều khiển xe bị rung giật mạnh, mỗi lần bị trừ 05 điểm;

2.3.5. Thời gian thực hiện bài sát hạch quá 10 phút, cứ quá 01 phút bị trừ 05 điểm;

2.3.6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;

2.3.7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 10 điểm;

2.3.8. Không hoàn thành bài sát hạch bị đình chỉ sát hạch;

2.3.9. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.

III. Công nhận kết quả:

1. Thời gian thực hiện bài sát hạch: 10 phút.

2. Thang điểm: 100 điểm.

3. Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên.

4. Hai sát hạch viên chấm điểm độc lập, thống nhất kết quả, ghi điểm, nhận xét, ký tên và yêu cầu thí sinh ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch và biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình của thí sinh theo Mẫu số 01 Phụ lục này).

C. CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG B1

Mẫu số 01	Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng B1
------------------	--

Mẫu số 01. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng B1

HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Họ và tên thí sinh:..... Ngày sinh:..... Họ và tên sát hạch viên:.....	Hạng xe sát hạch:.....
--	------------------------

Số TT	Các lỗi bị trừ điểm	Số lần mắc lỗi	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Tổng điểm trừ
1	Bánh xe đè vạch giới hạn hình sát hạch		10	
2	Điều khiển xe bị rung giật mạnh		05	
3	Xe bị chết máy		10	
4	Đi không đúng trình tự bài sát hạch			Đình chỉ sát hạch
5	Bánh xe ra ngoài vạch giới hạn hình sát hạch			Đình chỉ sát hạch
6	Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn			Đình chỉ sát hạch
7	Do không hoàn thành bài sát hạch			Đình chỉ sát hạch
8	Điểm sát hạch dưới 80 điểm			Đình chỉ sát hạch
Cộng				

....., ngày tháng năm

Kết luận:

Số điểm đạt được:.....điểm

Đạt

Không đạt

Thí sinh ký tên

Sát hạch viên ký tên

Phụ lục XXIII

QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG B, C1, C, D1, D2 VÀ D

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE CÁC HẠNG B, C1, C, D1, D2 VÀ D

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Đối với sát hạch viên: mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết.

2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của học viên; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với trường hợp được miễn sát hạch lý thuyết); ký xác nhận tại phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lý thuyết của thí sinh; sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận máy tính: nhập số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.1. Đề sát hạch có số lượng câu hỏi và thời gian làm bài như sau:

Nội dung	Hạng B	Hạng C1	Hạng C	Hạng D, D2, D
Số câu hỏi trắc nghiệm	30	35	40	45

Thời gian làm bài (phút)	20	22	24	26
-----------------------------	----	----	----	----

2.2. Mỗi câu hỏi được tính 01 điểm và mỗi đề thi có 01 câu hỏi nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra đáp án đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết.

2.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định tại điểm 2.1 khoản này, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

3. Công nhận kết quả:

Nội dung	Hạng B	Hạng C1	Hạng C	Hạng D, D2, D
Thang điểm	30	35	40	45
Điểm đạt tối thiểu	27	32	36	41

3.1. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.2. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

B. SÁT HẠCH MÔ PHỎNG CÁC TÌNH HUỐNG GIAO THÔNG TRÊN MÁY TÍNH

I. Đối với sát hạch viên: Mỗi khu vực sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; Tiếp nhận và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông;

2. Gọi thí sinh theo danh sách; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với trường hợp nâng hạng, sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe), ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh, sắp xếp máy tính cho thí sinh;

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch;

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý

thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm;

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý theo quy định.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận máy tính: nhập số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.1. Thời gian làm bài sát hạch: không quá 10 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế dưới dạng 10 câu hỏi mô phỏng các tình huống giao thông; mỗi câu hỏi trong đề sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông chứa 01 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Mỗi câu hỏi có số điểm tối đa là 5 điểm và số điểm tối thiểu là 0 điểm.

2.3. Số điểm đạt được của học viên tương ứng với thời điểm học viên nhận biết và xác định tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông thông qua việc tương tác với máy tính có cài đặt phần mềm sát hạch mô phỏng. Điểm tối đa khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính đúng thời điểm xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông; điểm tối thiểu khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính trước khi xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông hoặc không tương tác hoặc tương tác từ thời điểm xảy ra tình huống mất an toàn giao thông.

2.4. Các tình huống mô phỏng được chạy liên tiếp tự động, thí sinh không được lựa chọn lại đáp án cho các câu hỏi đã trả lời hoặc chưa trả lời. Khi hoàn thành bài sát hạch mô phỏng hoặc hết thời gian của câu hỏi cuối cùng, toàn bộ các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tự động chấm điểm, in ra và lưu trữ tại máy chủ.

III. Công nhận kết quả

1. Điểm đạt yêu cầu

Nội dung	Hạng B, C1, C, D1, D2, D
Thang điểm	50
Điểm đạt tối thiểu	35

2. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính được in ra và phần kết quả sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

C. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Sát hạch thực hành lái xe trong hình:

1. Đối với sát hạch viên: Mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, có 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại phòng điều hành thiết bị chấm điểm thực hành lái xe trong hình và 01 sát hạch viên làm việc tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1.1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch, phần mềm điều hành và quản lý sát hạch.

1.2. Kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu với thí sinh và tên thí sinh kê khai trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh; ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh; theo dõi, giám sát thí sinh tiếp nhận ô tô sát hạch được giao.

1.3. Điều hành thiết bị chấm điểm tự động, gọi thí sinh, sắp xếp ô tô sát hạch cho thí sinh, phát lệnh sát hạch. Trường hợp giao nhân viên kỹ thuật của Trung tâm điều hành thì phải giám sát.

1.4. Theo dõi quá trình sát hạch, không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông lên xe sát hạch; không để người không có nhiệm vụ ngồi trên xe sát hạch hoặc vào sân sát hạch và báo cáo Tổ trưởng sát hạch các trường hợp:

1.4.1. Thí sinh cố tình sử dụng điện thoại và thiết bị viễn thông khi thực hiện phần thi sát hạch thực hành lái xe trong hình;

1.4.2. Lỗi kỹ thuật của thiết bị chấm điểm tự động (nếu có);

1.4.3. Phát hiện người thực hiện phần thi sát hạch không phù hợp với thông tin thí sinh trong bài thi sát hạch thực hành lái xe trong hình được in ra;

1.4.4. Đình chỉ sát hạch của thí sinh khi: Lái xe lên vỉa hè, gây tai nạn trong quá trình sát hạch, không thực hiện đúng trình tự các bài sát hạch.

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của ô tô sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận ô tô sát hạch

2.2. Thực hiện bài sát hạch thực hành lái xe trong hình

2.2.1 Trình tự thực hiện và yêu cầu chung

a) Đối với thí sinh dự sát hạch lái xe hạng B số tự động, B: thực hiện liên hoàn 11 bài sát hạch lái xe trong hình gồm:

- Bài sát hạch số 1: Xuất phát;
- Bài sát hạch: Dừng xe nhường đường cho người đi bộ;
- Bài sát hạch: Dừng và khởi hành xe ngang dốc;
- Bài sát hạch: Qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc;
- Bài sát hạch: Qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông;
- Bài sát hạch: Qua đường vòng quanh co;
- Bài sát hạch: Ghép xe dọc vào nơi đỗ;
- Bài sát hạch: Ghép xe ngang vào nơi đỗ;
- Bài sát hạch: Tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua;
- Bài sát hạch: Thay đổi số trên đường bằng;
- Bài sát hạch số 11: Kết thúc.

Từ bài sát hạch số 2 đến bài sát hạch số 10 thực hiện theo thứ tự phù hợp phương án bố trí mặt bằng tổng thể thực tế của Trung tâm sát hạch lái xe đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

b) Đối với thí sinh dự sát hạch lái xe hạng C1, C, D1, D2 và D: thực hiện liên hoàn 10 bài sát hạch lái xe trong hình gồm:

- Bài sát hạch số 1: Xuất phát;
- Bài sát hạch: Dừng xe nhường đường cho người đi bộ;
- Bài sát hạch: Dừng và khởi hành xe ngang dốc;
- Bài sát hạch: Qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc;
- Bài sát hạch: Qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông;
- Bài sát hạch: Qua đường vòng quanh co;
- Bài sát hạch: Ghép xe vào nơi đỗ (ghép dọc đối với hạng C1, C và ghép ngang đối với hạng D2 và D);
- Bài sát hạch: Tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua;
- Bài sát hạch: Thay đổi số trên đường bằng;
- Bài sát hạch số 10: Kết thúc.

Từ bài sát hạch số 2 đến bài sát hạch số 9 thực hiện theo thứ tự phù hợp phương án bố trí mặt bằng tổng thể thực tế của Trung tâm sát hạch lái xe đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

c) Trong quá trình sát hạch, thí sinh phải thực hiện đúng trình tự; chấp hành quy tắc giao thông đường bộ; giữ động cơ hoạt động liên tục; tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút; tốc độ xe chạy (trừ bài thay đổi số trên đường bằng) không quá 20 km/h đối với xe hạng C1, C, D, không quá 24 km/h đối với xe hạng B, D; nếu không thực hiện được sẽ bị trừ điểm như quy định tại các bài sát hạch;

d) Trong sân sát hạch, ngoài khu vực các bài sát hạch, thí sinh sẽ gặp tình huống nguy hiểm; tình huống này xuất hiện ngẫu nhiên, bất ngờ. Kể từ khi có tín hiệu báo tình huống nguy hiểm (tiếng loa báo tín hiệu nguy hiểm và đèn đỏ trên xe bật sáng), nếu không phanh dừng xe trong thời gian 3 giây bị trừ 10 điểm; nếu không ấn nút để bật tín hiệu nguy hiểm trên xe trong thời gian 5 giây bị trừ 10 điểm; khi hết tín hiệu báo tình huống nguy hiểm, nếu không ấn nút tắt tín hiệu nguy hiểm trên xe trước khi đi tiếp bị trừ 10 điểm; nếu không thực hiện được các thao tác trên bị trừ 10 điểm.

2.2.2 Yêu cầu đối với các bài sát hạch lái xe trong hình

a) Bài sát hạch số 1: Xuất phát

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Thí sinh thắt dây an toàn, dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh;</p> <p>2. Khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng, tiếng loa trên xe báo lệnh xuất phát), bật đèn xi nhan trái, lái xe xuất phát;</p> <p>3. Tắt xi nhan trái ở khoảng cách 5 mét sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt);</p> <p>4. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Thắt dây an toàn trước khi xuất phát;</p> <p>2. Khởi hành nhẹ nhàng, không bị rung giật, trong khoảng thời gian 20 giây;</p> <p>3. Bật đèn xi nhan trái trước khi xuất phát;</p> <p>4. Tắt đèn xi nhan trái ở khoảng cách 5 mét sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt);</p> <p>5. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p>	<p>1. Không thắt dây an toàn, bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Không bật đèn xi nhan trái khi xuất phát, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Không tắt đèn xi nhan trái ở khoảng cách 05 mét sau vạch xuất phát (đèn xanh trên xe tắt), bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Không bật và tắt đèn xi nhan trái kịp thời bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Quá 20 giây kể từ khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng) không đi qua vạch xuất phát, bị trừ 05 điểm;</p> <p>6. Quá 30 giây kể từ khi có lệnh xuất phát (đèn xanh trên xe bật sáng) không đi qua vạch xuất phát, bị đình chỉ sát hạch.</p>

	<p>6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>7. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ.</p> <p>8. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D 	<p>7. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>9. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>10. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>11. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 01 điểm.</p>
--	---	--

b) Bài sát hạch: Dừng xe nhường đường cho người đi bộ

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm;</p> <p>2. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm;</p> <p>2. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>4. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ.</p> <p>5. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D 	<p>1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm.</p> <p>4. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>5. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>6. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>7. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 5 điểm;</p> <p>8. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 3 giây bị trừ 01 điểm.</p>

		<p>9. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>10. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p>
--	--	--

c) Bài sát hạch: Dừng và khởi hành xe ngang dốc

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm;</p> <p>2. Khởi hành lên dốc nhẹ nhàng, không bị tụt dốc, bảo đảm thời gian quy định;</p> <p>3. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm;</p> <p>2. Khởi hành xe êm dịu, không bị tụt dốc quá 500mm;</p> <p>3. Xe qua vị trí dừng trong khoảng thời gian 30 giây;</p> <p>4. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>5. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>6. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>7. Tốc độ xe chạy không quá: - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D</p>	<p>1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>4. Quá thời gian 30 giây kể từ khi dừng xe không khởi hành xe qua vạch dừng, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>5. Xe bị tụt dốc quá 500 mm kể từ khi dừng xe, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, đình chỉ sát hạch;</p> <p>7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>9. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p>

		<p>10. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 1 điểm;</p> <p>11. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p>
--	--	--

d) Bài sát hạch: Qua vệt bánh xe và đường vòng vuông góc

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Lái xe để bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ qua vùng giới hạn của hình vệt bánh xe;</p> <p>2. Lái xe qua đường vòng vuông góc trong vùng giới hạn của hình sát hạch trong thời gian 2 phút;</p> <p>3. Lái xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch;</p> <p>2. Bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ qua vùng giới hạn của hình vệt bánh xe;</p> <p>3. Bánh xe không đè vào vạch giới hạn hình sát hạch;</p> <p>4. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút.</p> <p>5. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>7. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D 	<p>1. Đi không đúng hình của hạng xe sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>2. Bánh xe trước và bánh xe sau bên lái phụ không qua vùng giới hạn của hình vệt bánh xe, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, cứ quá 05 giây, bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm.</p> <p>6. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>7. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>8. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>9. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p>

		<p>10. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>11. Tổng thời gian đến bãi sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>12. Điểm thi dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p>
--	--	--

đ) Bài sát hạch: Qua ngã tư có tín hiệu điều khiển giao thông

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Chấp hành theo tín hiệu đèn điều khiển giao thông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đèn tín hiệu màu đỏ phải dừng lại; - Đèn tín hiệu màu xanh hoặc vàng được phép đi. <p>2. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (khoảng cách A) không quá 500mm;</p> <p>3. Bật đèn xi nhan trái khi qua ngã tư rẽ trái;</p> <p>4. Bật đèn xi nhan phải khi qua ngã tư rẽ phải;</p> <p>5. Lái xe qua ngã tư trong thời gian quy định;</p>	<p>1. Chấp hành theo tín hiệu đèn điều khiển giao thông;</p> <p>2. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm;</p> <p>3. Bật đèn xi nhan trái khi rẽ trái;</p> <p>4. Bật đèn xi nhan phải khi rẽ phải;</p> <p>5. Xe qua ngã tư trong thời gian 20 giây;</p> <p>6. Lái xe qua ngã tư không vi phạm quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>7. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>8. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p>	<p>1. Vi phạm tín hiệu đèn điều khiển giao thông (đi qua ngã tư khi đèn tín hiệu màu đỏ), bị trừ 10 điểm;</p> <p>2. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Không bật đèn xi nhan khi rẽ trái hoặc rẽ phải, bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Quá 20 giây từ khi đèn tín hiệu màu xanh bật sáng không lái xe qua được vạch kết thúc ngã tư, bị trừ 05 điểm;</p> <p>6. Quá 30 giây từ khi đèn tín hiệu màu xanh bật sáng không lái xe qua được vạch kết thúc ngã tư, bị đình chỉ sát hạch;</p>

<p>6. Lái xe qua ngã tư không vi phạm vạch kẻ đường;</p> <p>7. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>9. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D 	<p>7. Lái xe vi phạm vạch kẻ đường để thiết bị báo không thực hiện đúng trình tự bài thi, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>8. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>9. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>10. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>11. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>12. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>13. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>14. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p>
---	---	--

e) Bài sát hạch: Qua đường vòng quanh co

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Lái xe qua đường vòng quanh co trong vùng giới hạn của hình sát hạch trong thời gian 2 phút;</p> <p>2. Lái xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch;</p> <p>2. Bánh xe không đè vào vạch giới hạn hình sát hạch;</p> <p>3. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút.</p>	<p>1. Đi không đúng hình của hạng xe sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>2. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, cứ quá 05 giây bị trừ 05 điểm;</p>

	<p>4. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>5. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>6. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D 	<p>4. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm.</p> <p>5. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>9. Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>10. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>11. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p>
--	--	---

g) Bài sát hạch: Ghép xe vào nơi đỗ

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Lái xe tiến vào khoảng cách không chế để lùi vào nơi ghép xe dọc (đối với xe hạng B, C) hoặc khu vực để ghép xe ngang (đối với xe hạng B1 số tự động, B1, B2, D, E);</p> <p>2. Lùi để ghép xe vào nơi đỗ;</p>	<p>1. Đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch;</p> <p>2. Bánh xe không đè vào vạch giới hạn hình sát hạch;</p> <p>3. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>4. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 02 phút.</p>	<p>1. Đi không đúng hình của hạng xe thi, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>2. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, mỗi lần bị trừ 5 điểm;</p> <p>3. Bánh xe đè vào vạch giới hạn hình sát hạch, cứ quá 05 giây bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Ghép xe không đúng vị trí quy định (toàn bộ thân xe</p>

<p>3. Dừng xe ở vị trí đỗ quy định;</p> <p>4. Lái xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>5. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>6. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D 	<p>nằm trong khu vực ghép xe nhưng không có tín hiệu báo kết thúc), bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Chưa ghép được xe vào nơi đỗ (khi kết thúc bài sát hạch, còn một phần thân xe nằm ngoài khu vực ghép xe), bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>6. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm.</p> <p>7. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>9. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>10. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>11. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>12. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>13. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p>
--	--	---

h) Bài sát hạch: Tạm dừng ở chỗ có đường sắt chạy qua

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
--------------------	------------------	---------------------

<p>1. Dừng xe để khoảng cách từ hình chiếu thanh cản phía trước của xe xuống mặt đường đến vạch dừng (Khoảng cách A) không quá 500mm;</p> <p>2. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Dừng xe cách vạch dừng quy định không quá 500mm;</p> <p>2. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>4. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>5. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D 	<p>1. Không dừng xe ở vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Dừng xe chưa đến vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Dừng xe quá vạch dừng quy định, bị trừ 05 điểm.</p> <p>4. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>5. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>6. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>7. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>8. Xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm.</p> <p>9. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>10. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p>
--	--	---

i) Bài sát hạch: Thay đổi số trên đường bằng

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Trên quãng đường 25m kể từ khi bắt đầu vào bài sát hạch, phải thay đổi số và tốc độ như sau:</p>	<p>1. Trên quãng đường 25m kể từ khi bắt đầu vào bài sát hạch, phải thay đổi số và tốc độ như sau:</p>	<p>1. Không thay đổi số theo quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Không thay đổi tốc độ theo quy định, bị trừ 05 điểm;</p>

<p>a) Đối với xe hạng B: từ số 1 lên số 2 và trên 24km/h;</p> <p>b) Đối với xe hạng D: từ số 2 lên số 3 và trên 24km/h;</p> <p>c) Đối với xe hạng C, E: từ số 2 lên số 3 và trên 20km/h;</p> <p>2. Trên quãng đường 25m còn lại của bài sát hạch phải thay đổi số và tốc độ ngược lại.</p> <p>3. Lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>a) Đối với xe hạng B: từ số 1 lên số 2 và trên 24km/h;</p> <p>b) Đối với xe hạng D: từ số 2 lên số 3 và trên 24km/h</p> <p>c) Đối với xe hạng C, E: từ số 2 lên số 3 và trên 20km/h;</p> <p>2. Trên quãng đường 25m còn lại của bài sát hạch phải thay đổi số và tốc độ ngược lại.</p> <p>3. Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 2 phút.</p> <p>4. Lái xe theo quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>5. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p>	<p>3. Không thay đổi đúng số và đúng tốc độ quy định, bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Thời gian thực hiện bài sát hạch, cứ quá 02 phút, bị trừ 05 điểm.</p> <p>5. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>6. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>7. Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>9. Tổng thời gian đến bài sát hạch đang thực hiện quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;</p> <p>10. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p>
---	---	---

k) Bài sát hạch: Kết thúc

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Bật đèn xi nhan phải khi xe qua vạch kết thúc;</p> <p>2. Lái xe qua vạch kết thúc và dừng xe.</p>	<p>1. Bật đèn xi nhan phải khi xe qua vạch kết thúc;</p> <p>2. Lái xe qua vạch kết thúc;</p>	<p>1. Không qua vạch kết thúc, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>2. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p>

	<p>3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>4. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>5. Tốc độ xe chạy không quá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - 24 km/h đối với hạng B, D1, D2 - 20 km/h đối với hạng C1, C, D 	<p>3. Lái xe lên vỉa hè bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>4. Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.</p> <p>5. Khi xe qua vạch kết thúc:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không bật đèn xi nhan phải, bị trừ 05 điểm; b) Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm; c) Tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm; d) Lái xe quá tốc độ quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm. đ) Tổng thời gian thực hiện các bài sát hạch quá quy định, cứ 03 giây bị trừ 01 điểm;
--	--	---

3. Công nhận kết quả:

Nội dung	Hạng B	Hạng D1, D2	Hạng C1, C2, D
Thời gian thực hiện (phút)	18	15	20
Thang điểm	100	100	100
Điểm đạt tối thiểu	80	80	80

3.1. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trong hình được in ra và phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.2. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trong hình được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

II. Sát hạch thực hành lái xe trên đường:

1. Đối với sát hạch viên

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận thiết bị chấm điểm trên ô tô sát hạch; kiểm tra: việc kết nối giữa thiết bị chấm điểm với phần mềm điều

hành và quản lý sát hạch lái xe trên đường, việc lưu trữ hình ảnh và âm thanh của camera lắp trên ô tô sát hạch;

1.2. Gọi thí sinh; sắp xếp ô tô sát hạch cho thí sinh; đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu với thí sinh và tên thí sinh kê khai trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh; nhập khoá sát hạch, số báo danh dự sát hạch của thí sinh;

1.3. Ngồi cạnh thí sinh để thực hiện các công việc:

a) Quan sát tình trạng giao thông trên đường để phát lệnh sát hạch, ra các hiệu lệnh để thí sinh thực hiện (thông qua các phím bấm trên thanh điều khiển hoặc trên màn hình hiển thị);

b) Bảo hiểm tay lái cho thí sinh trong quá trình thực hiện bài sát hạch;

c) Theo dõi tình trạng kỹ thuật của ô tô sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật;

d) Theo dõi quá trình thực hiện bài sát hạch của thí sinh, thông qua các phím bấm trên thanh điều khiển hoặc trên màn hình hiển thị để ghi các lỗi vi phạm của thí sinh khi:

- Xe bị rung giật mạnh;
- Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ;
- Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên;
- Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn;
- Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định.

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận ô tô sát hạch được giao;

2.2. Thực hiện bài sát hạch lái xe trên đường giao thông công cộng, dài tối thiểu 02km, có đủ tình huống theo quy định (đoạn đường do Sở Giao thông vận tải lựa chọn sau khi thống nhất với cơ quan quản lý giao thông có thẩm quyền;

2.2.1. Trình tự thực hiện và yêu cầu chung

Thí sinh thực hiện tối thiểu 04 bài sát hạch lái xe trên đường, gồm:

- a) Bài sát hạch: Xuất phát;
- b) Bài sát hạch: Tăng số, tăng tốc độ;
- c) Bài sát hạch: Giảm số, giảm tốc độ;
- d) Bài sát hạch: Kết thúc.

Trên quãng đường sát hạch, bài sát hạch "tăng số, tăng tốc độ", "giảm số, giảm tốc độ" có thể thực hiện nhiều lần, không theo thứ tự.

2.2.2. Yêu cầu đối với các bài sát hạch lái xe trên đường

a) Bài sát hạch: Xuất phát

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Thí sinh thắt dây an toàn, dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh;</p> <p>2. Khi có lệnh xuất phát (tiếng loa trên xe báo lệnh xuất phát), bật đèn xi nhan trái, lái xe qua vạch xuất phát;</p> <p>3. Nhả phanh tay trước khi khởi hành;</p> <p>4. Điều khiển tăng số từ số 1 lên số 3 và lái xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Thắt dây an toàn trước khi xuất phát;</p> <p>2. Bật đèn xi nhan trái trước khi xuất phát;</p> <p>3. Nhả phanh tay trước khi khởi hành, xe không bị rung giật mạnh và lùi về phía sau quá 500mm;</p> <p>4. Trong khoảng 15 m phải tăng từ số 1 lên số 3;</p> <p>5. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>7. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ;</p> <p>8. Chấp hành quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>9. Thực hiện các yêu cầu theo thông báo của loa trên ô tô sát hạch và hiệu lệnh của sát hạch viên;</p>	<p>1. Không thắt dây an toàn, bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Không bật đèn xi nhan trái khi xuất phát, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Không nhả hết phanh tay khi khởi hành, bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Trong khoảng 15 m không tăng từ số 1 lên số 3, bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Quá 30 giây kể từ khi có lệnh xuất phát, chưa khởi hành xe qua vị trí xuất phát, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>6. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm;</p> <p>7. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>8. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>9. Sử dụng tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm;</p> <p>10. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm;</p>

	<p>10. Lái xe an toàn và không bị choạng lái quá làn đường quy định;</p>	<p>11. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>12. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>13. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ sát hạch;</p>
--	--	---

b) Bài sát hạch: Tăng số, tăng tốc độ

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Thí sinh thực hiện các thao tác để tăng số, tăng tốc độ;</p> <p>2. Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Trong khoảng 100 m phải tăng lên 01 tay số và tốc độ tăng thêm tối thiểu 05km/h;</p> <p>2. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>4. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ;</p> <p>5. Chấp hành quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>6. thực hiện các yêu cầu theo thông báo của loa trên ô tô sát hạch và hiệu lệnh của sát hạch viên;</p> <p>7. Lái xe an toàn và không bị choạng lái</p>	<p>1. Trong khoảng 100 m không tăng được số, tốc độ bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm;</p> <p>6. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm;</p> <p>7. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch;</p>

	<p>quá làn đường quy định;</p>	<p>8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>9. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ sát hạch;</p>
--	--------------------------------	--

c) Bài sát hạch: Giảm số, giảm tốc độ

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Thí sinh thực hiện các thao tác để giảm số, giảm tốc độ;</p> <p>2. Điều khiển xe đến bài sát hạch tiếp theo.</p>	<p>1. Trong khoảng 100 m phải giảm xuống 01 tay số và tốc độ giảm tối thiểu 05km/h;</p> <p>2. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>3. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>4. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ;</p> <p>5. Chấp hành quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>6. thực hiện các yêu cầu theo thông báo của loa trên ô tô sát hạch và hiệu lệnh của sát hạch viên;</p> <p>7. Lái xe an toàn và không bị choạng lái quá làn đường quy định;</p>	<p>1. Trong khoảng 100 m không giảm được số, tốc độ, bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm;</p> <p>6. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm;</p> <p>7. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>8. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>9. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường</p>

		quy định, bị đình chỉ sát hạch;
--	--	---------------------------------

d) Bài sát hạch: Kết thúc

Các bước thực hiện	Yêu cầu đạt được	Các lỗi bị trừ điểm
<p>1. Khi có lệnh kết thúc (tiếng loa trên xe báo lệnh kết thúc), bật đèn xi nhan phải, lái xe sát lề đường bên phải;</p> <p>3. Dừng xe;</p> <p>4. Giảm hết số khi dừng xe</p> <p>5. Kéo phanh tay khi xe dừng hẳn.</p>	<p>1. Bật đèn xi nhan phải trong khoảng 05 m từ khi có lệnh kết thúc;</p> <p>2. Dừng xe sát lề đường bên phải;</p> <p>3. Khi xe dừng hẳn phải về số "không" (đối với xe số sàn), số "P" (đối với xe số tự động);</p> <p>4. Kéo phanh tay khi xe dừng hẳn;</p> <p>5. Giữ động cơ hoạt động liên tục;</p> <p>6. Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;</p> <p>7. Sử dụng tay số phù hợp với tốc độ;</p> <p>8. Chấp hành quy tắc giao thông đường bộ;</p> <p>9. thực hiện các yêu cầu theo thông báo của loa trên ô tô sát hạch và hiệu lệnh của sát hạch viên;</p> <p>10. Lái xe an toàn và không bị choạng lái</p>	<p>1. Không bật đèn xi nhan phải, bị trừ 05 điểm;</p> <p>2. Khi xe dừng hẳn, không về được số "không" (đối với xe số sàn), số "P" (đối với xe số tự động), bị trừ 05 điểm;</p> <p>3. Không kéo phanh tay khi xe dừng hẳn, bị trừ 05 điểm;</p> <p>4. Xe bị rung giật mạnh, bị trừ 05 điểm;</p> <p>5. Lái xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>6. Để tốc độ động cơ quá 4000 vòng/phút, mỗi lần bị trừ 05 điểm;</p> <p>7. Sử dụng từ tay số 3 trở lên khi tốc độ xe chạy dưới 20 km/h, cứ 03 giây trừ 02 điểm;</p> <p>8. Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, bị trừ 10 điểm;</p> <p>9. Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên, bị đình chỉ sát hạch;</p> <p>10. Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;</p>

	quá làn đường quy định.	11. Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định, bị đình chỉ sát hạch.
--	-------------------------	---

3. Công nhận kết quả:

3.1. Thang điểm: 100 điểm.

3.2. Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên.

3.3. Thí sinh ký xác nhận vào phiếu chấm điểm được in từ máy in trên ô tô sát hạch và phần kết quả sát hạch kỹ năng lái xe trên đường giao thông trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

3.4. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

Phụ lục XXIV

QUY TRÌNH SÁT HẠCH HẠNG BE, D1E, D2E, DE

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

QUY TRÌNH SÁT HẠCH HẠNG BE, D1E, D2E, DE

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Đối với sát hạch viên: mỗi phòng khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm việc tại phòng sát hạch lý thuyết và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết.

2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của học viên; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe; ký xác nhận tại phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh; sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; Trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận máy tính: nhập số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.1. Thời gian làm bài: 26 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế gồm 45 câu hỏi trắc nghiệm, trong đó: có 44 câu hỏi được tính 01 điểm mỗi câu và có 01 câu nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm

liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra đáp án đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết.

2.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định tại điểm a khoản này, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

III. Công nhận kết quả:

Nội dung	Hạng FB2, FD, FE
Thang điểm	45
Điểm đạt tối thiểu	41

3.1. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.2. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

B. SÁT HẠCH MÔ PHỎNG CÁC TÌNH HUỐNG GIAO THÔNG TRÊN MÁY TÍNH

I. Đối với sát hạch viên: Mỗi khu vực sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ trong đó 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông;

2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với trường hợp nâng hạng, sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe), ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh, sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình sử dụng

điện thoại và các thiết bị thiết bị viễn thông khi thực hiện nội dung sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý theo quy định.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận máy tính: nhập hạng giấy phép lái xe dự sát hạch và số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.1. Thời gian làm bài sát hạch: không quá 10 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế dưới dạng 10 câu hỏi mô phỏng các tình huống giao thông; mỗi câu hỏi trong đề sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông chứa 01 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Mỗi câu hỏi có số điểm tối đa là 5 điểm và số điểm tối thiểu là 0 điểm.

2.3. Số điểm đạt được của học viên tương ứng với thời điểm học viên nhận biết và xác định tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông thông qua việc tương tác với máy tính có cài đặt phần mềm sát hạch mô phỏng. Điểm tối đa khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính đúng thời điểm xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông; điểm tối thiểu khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính trước khi xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông hoặc không tương tác hoặc tương tác từ thời điểm xảy ra tình huống mất an toàn giao thông.

2.4. Các tình huống mô phỏng được chạy liên tiếp tự động, thí sinh không được lựa chọn lại đáp án cho các câu hỏi đã trả lời hoặc chưa trả lời. Khi hoàn thành bài sát hạch mô phỏng hoặc hết thời gian của câu hỏi cuối cùng, toàn bộ các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tự động chấm điểm, in ra và lưu trữ tại máy chủ.

III. Công nhận kết quả

Nội dung	Hạng FB2, FD, FE
Thang điểm	50
Điểm đạt tối thiểu	35

1. Hai sát hạch viên chấm điểm độc lập, thống nhất kết quả, xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trong hình theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục này và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

2. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trong hình và phân kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

C. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Sát hạch lái xe trong hình

1. Đối với sát hạch viên

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch, gọi thí sinh, sắp xếp ô tô sát hạch cho thí sinh.

1.2. Kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu với thí sinh và tên thí sinh kê khai trong biên bản sát hạch thực hành lái xe; ký tên vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, theo dõi, giám sát thí sinh tiếp nhận ô tô sát hạch được giao.

1.3. Phát lệnh sát hạch và theo dõi quá trình thực hiện bài sát hạch của thí sinh, phân tích và chấm điểm độc lập các lỗi vi phạm của thí sinh tại các bài sát hạch theo quy trình.

1.4. Theo dõi quá trình sát hạch, không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông lên xe sát hạch; không để người không có nhiệm vụ ngồi trên xe sát hạch hoặc vào sân sát hạch và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trường hợp thí sinh cố tình sử dụng điện thoại và thiết bị viễn thông khi thực hiện phần thi sát hạch thực hành lái xe trong hình.

1.5. Sát hạch viên theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận ô tô sát hạch được giao.

2.2. Thực hiện các bài sát hạch

2.2.1. Trình tự và các bước thực hiện:

a) Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên;

b) Khi có hiệu lệnh xuất phát, điều khiển xe tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng quay trở lại cho đến khi bánh xe sau của xe qua vạch kết thúc bài sát hạch.

Cọc chuẩn làm bằng ống thép, gỗ, nhựa ..., cao 1,6m, đường kính tiết diện từ 20mm đến 25mm, sơn hai màu trắng và đỏ, mỗi khoang sơn dài 0,15m.

Chân đế của cọc chuẩn làm bằng gang, sắt ..., có hình vuông, hình tròn hoặc hình tam giác cân đảm bảo giữ được cọc chuẩn cứng vững.

2.2.2. Yêu cầu đạt được của thí sinh

a) Đi đúng trình tự bài sát hạch;

b) Thân xe không được chạm cọc chuẩn;

- c) Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 05 phút;
- d) Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;
- đ) Xe không được chết máy trong quá trình sát hạch;
- e) Tốc độ xe chạy không quá 20 km/h.

2.2.3. Các lỗi bị trừ điểm

- a) Đi không đúng trình tự bài sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;
- b) Chạm 01 cọc chuẩn nhưng không đỗ, mỗi lần bị trừ 15 điểm;
- c) Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn, mỗi lần bị trừ 25 điểm;
- d) Thời gian thực hiện bài sát hạch quá 05 phút, cứ quá 01 phút bị trừ 05 điểm;
- đ) Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;
- e) Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;
- g) Không hoàn thành bài sát hạch bị đình chỉ sát hạch.
- h) Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Thời gian thực hiện bài sát hạch : 05 phút;

3.2. Thang điểm: 100 điểm;

3.3. Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên;

3.4. Hai sát hạch viên chấm điểm độc lập, thống nhất kết quả, ghi điểm, ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch.

3.5. Sát hạch viên và thí sinh ký xác nhận vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình theo Mẫu số 01 Phụ lục này.

II. Sát hạch lái xe trên đường:

1. Đối với sát hạch viên:

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch;

1.2. Kiểm tra tình trạng lưu trữ hình ảnh và âm thanh của camera lắp trên ô tô sát hạch;

1.3. Sắp xếp ô tô sát hạch cho thí sinh, kiểm tra nhận dạng, đối chiếu giấy chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe với thí sinh và tên thí sinh trên biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; ký tên vào biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường của thí sinh;

1.4. Ngồi cạnh thí sinh để phát lệnh sát hạch, ra các hiệu lệnh để thí sinh thực hiện, bảo hiểm tay lái, quan sát, thông báo, ghi và chấm điểm các lỗi vi phạm của thí sinh trong quá trình thực hiện bài sát hạch;

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của ô tô sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật;

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận ô tô sát hạch được giao;

2.2. Thí sinh thực hiện các bài sát hạch

2.2.1. Các bước thực hiện

a) Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, khởi hành theo hiệu lệnh của sát hạch viên;

b) Thí sinh thực hiện bài sát hạch lái xe trên đường giao thông công cộng, dài tối thiểu 02km, có đủ tình huống theo quy định (đoạn đường do Sở Giao thông vận tải lựa chọn sau khi thống nhất với cơ quan quản lý giao thông có thẩm quyền);

c) Thí sinh thực hiện các thao tác dừng xe khi có hiệu lệnh của sát hạch viên.

2.2.2. Yêu cầu đạt được

a) Bật và tắt đèn xi nhan trái khi khởi hành;

b) Nhả phanh tay trước khi khởi hành, xe không bị rung giật mạnh và lùi về phía sau quá 500mm;

c) Trong khoảng 15 m phải tăng từ số 1 lên số 3;

d) Sử dụng số phù hợp với tình trạng mặt đường;

đ) Chấp hành các quy tắc giao thông đường bộ về biển báo hiệu đường bộ, tốc độ và khoảng cách, đèn tín hiệu giao thông, vạch kẻ phân làn đường, nhường đường cho các xe ưu tiên; tránh, vượt xe khác;

e) Thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên;

g) Bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe;

h) Giảm hết số khi dừng xe;

i) Dừng xe đúng vị trí quy định;

k) Kéo phanh tay khi xe dừng hẳn.

2.2.3 Các lỗi bị trừ điểm

a) Không thắt dây an toàn (đối với loại xe có trang bị dây an toàn) bị trừ 02 điểm;

b) Không bật đèn xi nhan trái trước khi khởi hành, bị trừ 02 điểm;

c) Không tắt đèn xi nhan trái khi xe đã hoà nhập vào làn đường, bị trừ 02 điểm;

d) Khởi hành xe bị rung giật mạnh, bị trừ 02 điểm;

đ) Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 02 điểm;

e) Không nhả hết phanh tay khi khởi hành, bị trừ 02 điểm;

g) Trong khoảng 15m không tăng từ số 1 lên số 3, bị trừ 02 điểm;

- h) Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường, bị trừ 02 điểm;
- i) Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, mỗi lần bị trừ 05 điểm;
- k) Thí sinh bị đình chỉ sát hạch khi:
- Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên;
 - Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn;
 - Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định;
- l) Không vào đúng số khi tăng hoặc giảm số, bị trừ 02 điểm;
- m) Không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe, bị trừ 02 điểm;
- n) Không giảm hết số trước khi dừng xe, bị trừ 02 điểm;
- o) Không kéo phanh tay khi dừng xe, bị trừ 02 điểm.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Thang điểm: 20 điểm.

3.2. Điểm đạt: Từ 15 điểm trở lên.

3.3. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục này và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch kỹ năng lái xe trên đường giao thông trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

3.4. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông và phần kết quả sát hạch kỹ năng lái xe trên đường giao thông trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

D. CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG FB2, FD, FE

Mẫu số 01	Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng FB2,FD, FE
Mẫu số 02	Biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường hạng FB2, FD, FE

Mẫu số 01. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình hạng FB2, FD và FE

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI.....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Họ và tên thí sinh:.....	Hạng xe sát hạch:.....
Ngày sinh:.....	
Họ và tên sát hạch viên:.....	

Số TT	Các lỗi bị trừ điểm	Số lần mắc lỗi	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Tổng điểm trừ
1	Chạm 01 cọc chuẩn, nhưng không đỗ		15	
2	Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn		25	
3	Quá thời gian 05 phút đối với 01 bài sát hạch		05	
4	Xe bị chết máy		05	
5	Đi không đúng trình tự bài sát hạch			Đình chỉ sát hạch
6	Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn			Đình chỉ sát hạch
7	Không hoàn thành bài sát hạch tiến qua hình có 05 cọc chuẩn			Đình chỉ sát hạch
8	Điểm sát hạch dưới 80 điểm			Đình chỉ sát hạch
Cộng				

....., ngày tháng năm

Kết luận:

Số điểm đạt được:.....điểm

Đạt

Không đạt

Thí sinh ký tên

Sát hạch viên ký tên

Mẫu số 02. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường hạng FB2, FD, FESỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI.....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BIÊN BẢN SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG**

Họ và tên thí sinh:.....	Hạng xe sát hạch:.....
Ngày sinh:.....	
Họ và tên sát hạch viên:.....	

Số TT	Các lỗi bị trừ điểm	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Số lần mắc lỗi	Tổng điểm trừ
1	Không thắt dây an toàn	2		
2	Không bật đèn xi nhan trái trước khi khởi hành	2		
3	Không tắt đèn xi nhan trái khi đã hòa nhập vào làn đường	2		
4	Khởi hành xe bị rung giật mạnh	2		
5	Xe bị chết máy	2		
6	Không nhả hết phanh tay khi khởi hành	2		
7	Trong khoảng 15m không tăng từ số 1 lên số 3	2		
8	Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường	2		
9	Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ	5		
10	Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên	Đình chỉ sát hạch		
11	Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn	Đình chỉ sát hạch		
12	Khi tăng hoặc giảm số xe bị choạng lái quá làn đường quy định	Đình chỉ sát hạch		
13	Không vào đúng số khi tăng hoặc giảm số	2		
14	Không giảm hết số khi dừng xe	2		
15	Không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe	2		
16	Không kéo phanh tay khi dừng xe	2		
Cộng				

....., ngày tháng năm

Kết luận:

Số điểm đạt được:.....điểm

 Đạt

Thí sinh ký tên

 Không đạt

Sát hạch viên ký tên

Phụ lục XXV

QUY TRÌNH SÁT HẠCH HẠNG C1E, CE

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

QUY TRÌNH SÁT HẠCH HẠNG C1E, CE

A. SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

I. Đối với sát hạch viên: mỗi khu vực sát hạch có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại phòng sát hạch lý thuyết và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận, kiểm tra và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch lý thuyết.

2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào phần thông tin thí sinh của biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của học viên; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe; ký xác nhận tại phần kết quả sát hạch lý thuyết trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh; sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; Trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận máy tính: nhập số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch.

2.1. Thời gian làm bài: 26 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế gồm 45 câu hỏi trắc nghiệm, trong đó: có 24 câu hỏi được tính 01 điểm mỗi câu và có 01 câu nếu lựa chọn đáp án sai được tính là điểm

liệt; mỗi câu có từ 02 đến 04 ý trả lời, thí sinh đọc đề bài và lựa chọn ra đáp án đúng nhất. Trường hợp bị điểm liệt trong bài thi thì không đạt nội dung sát hạch Lý thuyết.

2.3. Khi hoàn thành bài sát hạch hoặc hết thời gian làm bài theo quy định tại điểm 2.1 khoản này, tất cả các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tính tự động chấm điểm và lưu lại trong máy chủ.

3. Công nhận kết quả:

Nội dung	Hạng FC
Thang điểm	45
Điểm đạt tối thiểu	41

3.1. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

3.2. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch lý thuyết được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch lý thuyết tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

B. SÁT HẠCH MÔ PHỎNG CÁC TÌNH HUỐNG GIAO THÔNG TRÊN MÁY TÍNH

I. Đối với sát hạch viên: Mỗi khu vực sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông có tối thiểu 02 sát hạch viên làm nhiệm vụ; trong đó, 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính và 01 sát hạch viên làm nhiệm vụ tại khu vực kiểm tra nhận dạng.

1. Tiếp nhận danh sách, hồ sơ thí sinh dự sát hạch; tiếp nhận và điều hành hệ thống máy tính, máy in tại phòng sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông.

2. Gọi thí sinh theo danh sách; yêu cầu thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe, ký xác nhận vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh, sắp xếp máy tính cho thí sinh.

3. Kiểm tra, đối chiếu tên, ảnh của thí sinh trên màn hình máy tính với số báo danh, danh sách sát hạch, hồ sơ thí sinh và phát lệnh bắt đầu sát hạch.

4. Yêu cầu thí sinh thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế sát hạch. Giám sát quá trình sát hạch: không để người không có nhiệm vụ vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông liên lạc bằng hình ảnh, âm thanh vào phòng sát hạch lý thuyết; không để thí sinh trao đổi, sử dụng tài liệu. Lập biên bản xử lý thí sinh vi phạm và báo cáo báo cáo Tổ trưởng sát hạch trong trường hợp thí sinh cố tình vi phạm.

5. Theo dõi, kiểm tra hoạt động của hệ thống máy tính; trường hợp hư hỏng hoặc lỗi kỹ thuật thì yêu cầu kỹ thuật viên của trung tâm sát hạch vào kiểm tra, xử lý theo quy định.

II. Đối với người dự sát hạch

1. Tiếp nhận máy tính: nhập số báo danh dự sát hạch.

2. Thực hiện nội dung sát hạch

2.1. Thời gian làm bài sát hạch: không quá 10 phút.

2.2. Đề thi được thiết kế dưới dạng 10 câu hỏi mô phỏng các tình huống giao thông; mỗi câu hỏi trong đề sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông chứa 01 tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông. Mỗi câu hỏi có số điểm tối đa là 5 điểm và số điểm tối thiểu là 0 điểm.

2.3. Số điểm đạt được của học viên tương ứng với thời điểm học viên nhận biết và xác định tình huống tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn giao thông thông qua việc tương tác với máy tính có cài đặt phần mềm sát hạch mô phỏng. Điểm tối đa khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính đúng thời điểm xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông; điểm tối thiểu khi học viên nhận biết và tương tác với máy tính trước khi xuất hiện tình huống mất an toàn giao thông hoặc không tương tác hoặc tương tác từ thời điểm xảy ra tình huống mất an toàn giao thông.

2.4. Các tình huống mô phỏng được chạy liên tiếp tự động, thí sinh không được lựa chọn lại đáp án cho các câu hỏi đã trả lời hoặc chưa trả lời. Khi hoàn thành bài sát hạch mô phỏng hoặc hết thời gian của câu hỏi cuối cùng, toàn bộ các câu trả lời của thí sinh (kể cả các câu hỏi chưa trả lời hết) được máy tự động chấm điểm, in ra và lưu trữ tại máy chủ.

III. Công nhận kết quả

Nội dung	Hạng FC
Số lượng tình huống	50
Điểm đạt tối thiểu	35

1. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính được in ra và phần kết quả sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

2. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính được in ra và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận vào phần kết quả sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông trên máy tính tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

C. SÁT HẠCH THỰC HÀNH

I. Sát hạch lái xe trong hình

1. Đối với sát hạch viên:

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch, gọi thí sinh, sắp xếp ô tô sát hạch cho thí sinh;

1.2. Kiểm tra nhận dạng, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe với thí sinh và tên thí sinh ghi trên biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; ký tên vào biên bản tổng hợp kết quả sát hạch; theo dõi, giám sát thí sinh tiếp nhận ô tô sát hạch được giao;

1.3. Phát lệnh sát hạch và theo dõi quá trình thực hiện bài sát hạch của thí sinh, phân tích và chấm điểm độc lập các lỗi vi phạm của thí sinh tại các bài sát hạch theo quy trình;

1.4. Theo dõi quá trình sát hạch, không để người không có nhiệm vụ ngồi trên xe sát hạch hoặc vào sân sát hạch; không để thí sinh mang điện thoại di động, thiết bị viễn thông lên xe sát hạch và báo cáo Tổ trưởng sát hạch trường hợp thí sinh cố tình vi phạm;

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của xe sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận ô tô sát hạch được giao;

2.2. Thí sinh thực hiện 02 bài sát hạch

2.2.1. Trình tự và các bước thực hiện:

a) Bài sát hạch tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng trở lại

- Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, chờ hiệu lệnh của sát hạch viên ;
- Khi có hiệu lệnh xuất phát, điều khiển xe tiến qua hình có 05 cọc chuẩn và vòng quay trở lại cho đến khi bánh xe sau của xe qua vạch kết thúc bài sát hạch.

b) Bài sát hạch ghép xe vào nơi đỗ

- Thí sinh lái xe tiến vào khoảng cách không chế để lùi vào nơi ghép xe dọc;
- Thí sinh lùi để ghép xe vào nơi đỗ;
- Thí sinh dừng xe khi bánh xe sau nằm trên vị trí đỗ quy định;
- Thí sinh điều khiển xe qua vạch kết thúc bài sát hạch và dừng lại.

Cọc chuẩn làm bằng ống thép, gỗ, nhựa ..., cao 1,6m, đường kính tiết diện từ 20mm đến 25mm, sơn hai màu trắng và đỏ, mỗi khoang sơn dài 0,15m.

Chân đế của cọc chuẩn làm bằng gang, sắt ..., có hình vuông, hình tròn hoặc hình tam giác cân đảm bảo giữ được cọc chuẩn cứng vững.

2.2.2 Yêu cầu đạt được của thí sinh

- a) Đi đúng trình tự bài sát hạch;
- b) Thân xe không được chạm cọc chuẩn;
- c) Hoàn thành bài sát hạch trong thời gian 05 phút;
- d) Giữ tốc độ động cơ không quá 4000 vòng/phút;
- đ) Xe không được chết máy trong quá trình sát hạch;
- e) Tốc độ xe chạy không quá 20 km/h.

2.2.3 Các lỗi bị trừ điểm

- a) Đi không đúng trình tự bài sát hạch, bị đình chỉ sát hạch;
- b) Chạm 01 cọc chuẩn nhưng không đổ, mỗi lần bị trừ 10 điểm;
- c) Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn, mỗi lần bị trừ 15 điểm;
- d) Đổ xe không đúng vị trí quy định, bị trừ 05 điểm;
- đ) Chưa ghép được xe vào nơi đỗ (Khi kết thúc bài sát hạch, còn một phần thân xe nằm ngoài khu vực ghép xe), bị đình chỉ sát hạch;
- e) Thời gian thực hiện 01 bài sát hạch quá 05 phút, cứ quá 01 phút bị trừ 05 điểm;
- g) Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn, bị đình chỉ sát hạch;
- h) Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 05 điểm;
- i) Không hoàn thành bài sát hạch bị đình chỉ sát hạch;
- k) Điểm sát hạch dưới 80 điểm, bị đình chỉ sát hạch.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Thời gian thực hiện 01 bài sát hạch : 05 phút;

3.2. Thang điểm: 100 điểm;

3.3. Điểm đạt: Từ 80 điểm trở lên;

- Hai sát hạch viên chấm điểm độc lập, thống nhất kết quả, xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trong hình theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục này và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

- Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trong hình và phần kết quả sát hạch thực hành lái xe trong hình tại biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe của thí sinh.

II. Sát hạch lái xe trên đường:

1. Đối với sát hạch viên:

1.1. Tiếp nhận hồ sơ thí sinh dự sát hạch;

1.2. Kiểm tra tình trạng lưu trữ hình ảnh và âm thanh của camera lắp trên ô tô sát hạch;

1.3. Sắp xếp ô tô sát hạch cho thí sinh, đối chiếu căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy phép lái xe với thí sinh và tên thí sinh ghi trên biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh;

1.4. Ngồi ghế bên cạnh thí sinh để phát lệnh sát hạch, ra các hiệu lệnh để thí sinh thực hiện, bảo hiểm tay lái, quan sát, thông báo và ghi và chấm điểm các lỗi vi phạm của thí sinh trong quá trình thực hiện bài sát hạch;

1.5. Theo dõi tình trạng kỹ thuật của ô tô sát hạch để kịp thời phát hiện các trường hợp không bảo đảm các điều kiện an toàn kỹ thuật.

2. Đối với người dự sát hạch

2.1. Tiếp nhận ô tô sát hạch được giao;

2.2. Thí sinh thực hiện các bài sát hạch

2.2.1. Các bước thực hiện

a) Thí sinh dừng xe trước vạch xuất phát, khởi hành theo hiệu lệnh của sát hạch viên;

b) Thí sinh thực hiện bài sát hạch lái xe trên đường giao thông công cộng, dài tối thiểu 02 km, có đủ tình huống theo quy định (đoạn đường do Sở Giao thông vận tải lựa chọn sau khi thống nhất với cơ quan quản lý giao thông có thẩm quyền);

c) Thí sinh thực hiện các thao tác dừng xe khi có hiệu lệnh của sát hạch viên.

2.2.2. Yêu cầu đạt được

a) Bật và tắt đèn xi nhan trái khi khởi hành;

b) Nhả phanh tay trước khi khởi hành, xe không bị rung giật mạnh và lùi về phía sau quá 500mm;

c) Trong khoảng 15 m phải tăng từ số 1 lên số 3;

d) Sử dụng số phù hợp với tình trạng mặt đường;

đ) Chấp hành các quy tắc giao thông đường bộ về biển báo hiệu đường bộ, tốc độ và khoảng cách, đèn tín hiệu giao thông, vạch kẻ phân làn đường, nhường đường cho các xe ưu tiên; tránh, vượt xe khác;

e) Thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên;

- g) Bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe;
- h) Giảm hết số khi dừng xe;
- i) Dừng xe đúng vị trí quy định;
- k) Kéo phanh tay khi xe dừng hẳn.

2.2.3 Các lỗi bị trừ điểm

- a) Không thắt dây an toàn (đối với loại xe có trang bị dây an toàn) bị trừ 02 điểm;
- b) Không bật đèn xi nhan trái trước khi khởi hành, bị trừ 02 điểm;
- c) Không tắt đèn xi nhan trái khi xe đã hoà nhập vào làn đường, bị trừ 02 điểm;
- d) Khởi hành xe bị rung giật mạnh, bị trừ 02 điểm;
- đ) Xe bị chết máy, mỗi lần bị trừ 02 điểm;
- e) Không nhả hết phanh tay khi khởi hành, bị trừ 02 điểm;
- g) Trong khoảng 15m không tăng từ số 1 lên số 3, bị trừ 02 điểm;
- h) Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường, bị trừ 02 điểm;
- i) Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ, mỗi lần bị trừ 05 điểm;
- k) Thí sinh bị đình chỉ sát hạch sát hạch khi:
 - Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên;
 - Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn;
 - Khi tăng hoặc giảm số, xe bị choạng lái quá làn đường quy định;
- l) Không vào đúng số khi tăng hoặc giảm số, bị trừ 02 điểm;
- m) Không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe, bị trừ 02 điểm;
- n) Không giảm hết số trước khi dừng xe, bị trừ 02 điểm;
- o) Không kéo phanh tay khi dừng xe, bị trừ 02 điểm.

3. Công nhận kết quả:

3.1. Thang điểm: 20 điểm;

3.2. Điểm đạt: Từ 15 điểm trở lên;

3.3. Sát hạch viên ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 Phụ lục này và ghi điểm, nhận xét, ký xác nhận phần kết quả sát hạch kỹ năng lái xe trên đường giao thông trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh;

3.4. Thí sinh ký xác nhận vào bài thi sát hạch thực hành lái xe trên đường giao thông và phần kết quả sát hạch kỹ năng lái xe trên đường giao thông trong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch của thí sinh.

D. CÁC BIỂU MẪU LIÊN QUAN ĐẾN QUY TRÌNH SÁT HẠCH LÁI XE HẠNG FC

Mẫu số 01	Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình các hạng FC
Mẫu số 02	Biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường hạng FC

Mẫu số 01. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trong hình hạng C1E, CESỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI.....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BÀI THI SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH**

Họ và tên thí sinh:..... Ngày sinh:..... Họ và tên sát hạch viên:.....	Hạng xe sát hạch:.....
--	------------------------

Số TT	Các lỗi bị trừ điểm	Số lần mắc lỗi	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Tổng điểm trừ
1	Chạm 01 cọc chuẩn, nhưng không đỗ		10	
2	Chạm làm đổ 01 cọc chuẩn		15	
3	Quá thời gian 05 phút đối với 01 bài sát hạch		05	
4	Xe bị chết máy		05	
5	Đỗ xe không đúng vị trí quy định		05	
6	Chưa ghép được xe vào nơi đỗ			Đình chỉ sát hạch
7	Đi không đúng trình tự bài sát hạch			Đình chỉ sát hạch
8	Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn			Đình chỉ sát hạch
9	Không hoàn thành bài sát hạch tiến qua hình có 05 cọc chuẩn			Đình chỉ sát hạch
10	Điểm sát hạch dưới 80 điểm			Đình chỉ sát hạch
Cộng				

....., ngày tháng năm

Kết luận:

Số điểm đạt được:.....điểm

Đạt

Không đạt

Thí sinh ký tên

Sát hạch viên ký tên

Mẫu số 02. Biên bản sát hạch thực hành lái xe trên đường hạng C1E, CESỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI.....
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**BÀI THI SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG**

Họ và tên thí sinh:..... Ngày sinh:..... Họ và tên sát hạch viên:.....	Hạng xe sát hạch:.....
--	------------------------

Số TT	Các lỗi bị trừ điểm	Điểm trừ (tính cho 1 lần)	Số lần mắc lỗi	Tổng điểm trừ
1	Không thắt dây an toàn	2		
2	Không bật đèn xi nhan trái trước khi khởi hành	2		
3	Không tắt đèn xi nhan trái khi đã hòa nhập vào làn đường	2		
4	Khởi hành xe bị rung giật mạnh	2		
5	Xe bị chết máy	2		
6	Không nhả hết phanh tay khi khởi hành	2		
7	Trong khoảng 15m không tăng từ số 1 lên số 3	2		
8	Sử dụng tay số không phù hợp với tình trạng mặt đường	2		
9	Vi phạm quy tắc giao thông đường bộ	5		
10	Không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên	Đình chỉ sát hạch		
11	Xử lý tình huống không hợp lý gây tai nạn	Đình chỉ sát hạch		
12	Khi tăng hoặc giảm số xe bị choạng lái quá làn đường quy định	Đình chỉ sát hạch		
13	Không vào đúng số khi tăng hoặc giảm số	2		
14	Không giảm hết số khi dừng xe	2		
15	Không bật đèn xi nhan phải trước khi dừng xe	2		
16	Không kéo phanh tay khi dừng xe	2		
Cộng				

....., ngày tháng năm

Kết luận:

Số điểm đạt được:.....điểm

Đạt

Không đạt

Thí sinh ký tên

Sát hạch viên ký tên

Phụ lục XXVI
BIỂU MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm
2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BIỂU MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN

Mẫu số 01	Quyết định công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch
Mẫu số 02	Danh sách thí sinh trúng tuyển được cấp giấy phép lái xe

Mẫu số 01. MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN KỲ SÁT HẠCH

UBND TỈNH...
SỞ GTVT...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-SGTVT

....., ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH
Công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số.....ngày / /..... của
về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở
Giao thông vận tải.....;

Căn cứ Thông tư số/...../TT-BGTVT ngày/...../..... của Bộ trưởng
Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới
đường bộ;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch cho..... học viên lái xe
(ô tô, mô tô) của cơ sở đào tạo lái xe, sát hạch từ ngày
...../...../..... đến ngày/...../..... được cấp giấy phép lái xe, gồm:

*(Ghi rõ số lượng thí sinh từng hạng có danh sách thí sinh trúng tuyển
kèm theo).*

Điều 2. Các Ông (Bà): Trưởng Phòng.....thuộc Sở Giao
thông vận tải..., Thủ trưởng cơ sở đào tạo, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách
nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, BQLSH.

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XXVII
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÁC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Biểu mẫu báo cáo kết quả kỳ sát hạch lái xe

Mẫu số 01	Báo cáo chung kết quả kỳ sát hạch lái xe
Mẫu số 02	Báo cáo chi tiết kết quả kỳ sát hạch lái xe
Mẫu số 03	Báo cáo kết quả các kỳ sát hạch lái xe

Mẫu số 01. BÁO CÁO CHUNG KẾT QUẢ KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

UBND TỈNH....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO CHUNG KẾT QUẢ KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

1. Trung tâm sát hạch:
2. Cơ sở đào tạo:
3. Ngày sát hạch:

Hạng GPLX	Tổng số hồ sơ	Tổng số dự thi	Thi Lý thuyết			Mô phỏng các tình huống giao thông			Thực hành trong hình			Thực hành trên đường giao thông			Kết quả đạt	Tỷ lệ %
			Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt		
B1																
B2																
C																
D																
E																
...																
Cộng																

Nơi nhận :

- Lưu VT,

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. BÁO CÁO KẾT QUẢ KỲ SÁT HẠCH LÁI XE
UBND TỈNH....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO CHI TIẾT KẾT QUẢ KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

1. Trung tâm sát hạch:
2. Cơ sở đào tạo:
3. Ngày sát hạch:

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Số CCCD	Hạng	Kết quả sát hạch									
					LT (1)	Số lần SH	MP THGT (2)	Số lần SH	TH LXTH (3)	Số lần SH	TH LXTĐ (4)	Số lần SH	Tổng hợp (5)	
1														
2														
...														

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận :

- Lưu VT,

- (1): Kết quả nội dung sát hạch lý thuyết
- (2): Kết quả nội dung sát hạch mô phỏng các tình huống giao thông
- (3): Kết quả nội dung sát hạch thực hành lái xe trong hình
- (4): Kết quả nội dung sát hạch thực hành lái xe trên đường
- (5): Kết quả tổng hợp cuối kỳ sát hạch

Mẫu số 03. BÁO CÁO KẾT QUẢ CÁC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

UBND TỈNH....
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÁC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

(Từ ngày... đến ngày...)

TT	Cơ sở đào tạo	Ngày sát hạch	Mô tô	Ô tô	Số thí sinh dự sát hạch	Số thí sinh vắng	Số thí sinh đạt sát hạch	Tỷ lệ %	Ghi chú
1									
2									
3									
....									
Tổng số									

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận :

- Lưu VT,

Phụ lục XXVIII
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN HOÀN THÀNH KHOÁ HỌC
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
4x6
(2)

CHỨNG NHẬN HOÀN THÀNH KHÓA ĐÀO TẠO LÁI XE
(.....(1).....)

Cấp cho:

Ngày tháng năm sinh:

Đã hoàn thành chương trình đào tạo lái xe hạng:.....

Thời gian học:.....(3)... ngày, từ ngày...../...../.... đến ngày...../...../.....

Tại//.....

Số hiệu GCN (4)ngày tháng năm

(.....(1).....)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn ghi:

(1) Giám đốc đơn vị tổ chức đào tạo.

(2) Dán ảnh 4x6 của học viên và đóng dấu giáp lai (nếu có).

(3) Ghi số ngày thực học.

(4) Ghi vào Ô số, ký hiệu Chứng nhận do đơn vị tổ chức đào tạo quy định. Ví dụ: 001/QĐ.135.2015.ĐA (số 001 tại Quyết định cấp chứng chỉ số 135 năm 2024 của Cơ sở đào tạo A)

Phụ lục XXIX
NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH

I. Nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên hội đồng sát hạch

1. Chủ tịch

1.1. Nhiệm vụ

1.1.1. Tổ chức họp hội đồng, tổ sát hạch để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch, thành lập hội đồng sát hạch, tổ sát hạch; phổ biến nội quy và các quy định cần thiết cho sát hạch viên; phân công nhiệm vụ của hội đồng kỳ sát hạch lái xe và lập Biên bản phân công theo mẫu quy định tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Phụ lục này.

1.1.2. Tổ chức khai mạc kỳ sát hạch để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch, phổ biến nội quy và các quy định cần thiết cho người dự sát hạch, thông báo kế hoạch tổ chức kỳ sát hạch phù hợp với năng lực sát hạch lái xe trong ngày.

1.1.3. Chỉ đạo Tổ trưởng sát hạch:

a) Kiểm tra các điều kiện cần thiết trước khi sát hạch quy định tại điểm 1.1 mục 1 phần III Phụ lục này, nếu đủ thì báo cáo Chủ tịch tổ chức sát hạch;

b) Tiếp nhận, sử dụng thiết bị chấm điểm lý thuyết và thực hành. Trường hợp giao nhân viên kỹ thuật của trung tâm vận hành thì phải giám sát trong quá trình sát hạch.

1.1.4. Đôn đốc, kiểm tra các thành viên hội đồng thực hiện nhiệm vụ giao.

1.1.5. Xử lý trường hợp chấm điểm không chính xác do lỗi của thiết bị chấm điểm tự động và các trường hợp đình chỉ sát hạch bắt buộc, các vi phạm và khiếu nại của thí sinh theo báo cáo của Tổ trưởng sát hạch. Khi cần thiết, phải họp hội đồng để xem xét, quyết định.

1.1.6. Tổ chức họp hội đồng sát hạch để nghe Tổ trưởng sát hạch báo cáo kết quả sát hạch. Nhận xét, đánh giá ưu, khuyết điểm kỳ sát hạch và lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, đề nghị công nhận thí sinh trúng tuyển; xác nhận thí sinh vắng, trượt, xác nhận phí và lệ phí phải nộp.

1.2. Quyền hạn

1.2.1. Tạm dừng sát hạch để báo cáo Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định khi: Thiết bị chấm điểm lý thuyết hoặc thực hành bị hỏng, báo lỗi và chấm điểm không đúng quy trình sát hạch; xe sát hạch không đảm bảo an toàn.

1.2.2. Tạm đình chỉ nhiệm vụ của sát hạch viên khi vi phạm quy chế, lập biên bản báo cáo Giám đốc Sở Giao thông vận tải xem xét, quyết định.

2. Thủ trưởng cơ sở đào tạo lái xe (Ủy viên)

2.1. Nhiệm vụ

2.1.1. Chỉ đạo Trưởng phòng (ban) đào tạo phối hợp với Tổ trưởng sát hạch để thực hiện đúng nội dung, quy trình sát hạch.

2.1.2. Giúp Chủ tịch xử lý thí sinh vi phạm nội quy, quy chế và khiếu nại về kết quả sát hạch.

2.1.3. Phối hợp với Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe giải quyết tai nạn xảy ra khi sát hạch thực hành lái xe trong hình; trường hợp do lỗi của thí sinh gây ra, thì phối hợp với thí sinh giải quyết bồi thường (trừ trường hợp Thủ trưởng cơ sở đào tạo lái xe đồng thời là Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe).

2.1.4. Thực hiện công việc khác khi Chủ tịch giao.

2.2. Quyền hạn

2.2.1. Đề nghị Chủ tịch hoặc Tổ trưởng sát hạch (đối với kỳ sát hạch lái xe hạng A1, A2) không tổ chức sát hạch nếu thiết bị chấm điểm hoạt động không chính xác, xe cơ giới dùng để sát hạch không đảm bảo điều kiện an toàn.

2.2.2. Đề nghị Chủ tịch xem xét, xử lý sát hạch viên vi phạm quy chế.

3. Giám đốc trung tâm sát hạch (Ủy viên)

3.1. Nhiệm vụ

3.1.1. Bảo đảm thiết bị chấm điểm lý thuyết, thực hành hoạt động chính xác, ổn định; hệ thống camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch hoạt động ổn định, được kết nối và công khai dữ liệu tại Cục Đường bộ Việt Nam; xe cơ giới dùng để sát hạch đảm bảo điều kiện an toàn, đã được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, chấp thuận đưa vào sử dụng.

3.1.2. Bố trí tủ đựng đồ cá nhân cho học viên khi tham gia sát hạch lý thuyết và thực hành lái xe trong hình.

3.1.3. Bố trí nhân viên bảo vệ, nhân viên kỹ thuật máy tính tại phòng sát hạch lý thuyết, nhân viên kỹ thuật quản lý thiết bị chấm điểm tự động và lái xe phục vụ trong sân sát hạch.

3.1.4. Giúp Chủ tịch xử lý các khiếu nại của thí sinh liên quan đến hoạt động của thiết bị chấm điểm trong quá trình sát hạch.

3.1.5. Phối hợp với Giám đốc cơ sở đào tạo giải quyết tai nạn xảy ra khi sát hạch thực hành lái xe trong hình; chịu trách nhiệm giải quyết nếu tai nạn xảy ra do xe sát hạch không đảm bảo điều kiện an toàn (trừ trường hợp Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe đồng thời là Thủ trưởng cơ sở đào tạo lái xe).

3.1.6. Thực hiện công việc khác khi Chủ tịch giao.

3.2. Quyền hạn

3.2.1. Đề nghị Chủ tịch đình chỉ sát hạch nếu phát hiện thấy thí sinh lái xe không an toàn;

3.2.2. Đề nghị Chủ tịch xem xét, xử lý sát hạch viên vi phạm quy chế.

4. Tổ trưởng sát hạch

4.1. Nhiệm vụ

4.1.1. Tiếp nhận, quản lý danh sách và hồ sơ thí sinh dự sát hạch từ ban Quản lý sát hạch để giao sát hạch viên theo nhiệm vụ được phân công.

4.1.2. Tổ chức khai mạc kỳ sát hạch để công bố quyết định tổ chức kỳ sát hạch (đối với kỳ sát hạch lái xe hạng A1, A2), phổ biến nội quy, quy trình sát hạch và các quy định cần thiết cho người dự sát hạch.

4.1.3. Giao nhiệm vụ cho sát hạch viên thực hiện các công việc quy định tại mục 1 Phần III Phụ lục này; lập Biên bản phân công nhiệm vụ của tổ sát hạch lái xe theo mẫu quy định tại Mẫu số 02 ban hành kèm theo Phụ lục này; lập Biên bản kiểm tra thiết bị sát hạch theo mẫu quy định tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo Phụ lục này).

4.1.4. Đôn đốc, kiểm tra sát hạch viên thực hiện nhiệm vụ giao.

4.1.5. Tổng hợp các khiếu nại của thí sinh, biên bản thí sinh vi phạm nội quy, quy chế do các sát hạch viên lập để báo cáo Chủ tịch quyết định.

4.1.6. Kiểm tra các bài sát hạch lý thuyết, biên bản sát hạch, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch để bàn giao cho Ủy viên thư ký; chuẩn bị các nhận xét ưu, khuyết điểm của kỳ sát hạch để báo cáo Chủ tịch.

4.1.7. Thực hiện phúc tra kết quả sát hạch theo yêu cầu của Chủ tịch.

4.2. Quyền hạn

4.2.1. Từ chối không tổ chức sát hạch khi thấy thiết bị chấm điểm không chính xác, xe sát hạch không đảm bảo an toàn;

4.2.2. Yêu cầu sát hạch viên lập biên bản, xử lý các trường hợp thí sinh vi phạm nội quy, quy chế theo quyền hạn được giao;

4.2.3. Đề nghị Chủ tịch xem xét, xử lý sát hạch viên vi phạm quy chế.

5. Ủy viên thư ký

5.1. Nhiệm vụ

5.1.1. Phối hợp với sát hạch viên lập biên bản thí sinh vi phạm quy chế và giúp Chủ tịch lập biên bản khi sát hạch viên vi phạm quy chế.

5.1.2. Giúp Chủ tịch lập biên bản phân công nhiệm vụ cho các thành viên hội đồng và lập Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch theo mẫu quy định tại Mẫu số 04 ban hành kèm theo Phụ lục này.

5.1.3. Giúp Tổ trưởng lập biên bản phân công nhiệm vụ của tổ sát hạch lái xe.

5.1.4. Kiểm tra các bài sát hạch, biên bản sát hạch, biên bản tổng hợp kết quả sát hạch và tiếp nhận, quản lý hồ sơ do Tổ trưởng sát hạch giao khi kết thúc các nội dung sát hạch.

5.1.5. Gửi các tài liệu của kỳ sát hạch để lưu trữ theo quy định.

5.2. Quyền hạn

Yêu cầu Tổ trưởng sát hạch hoàn thiện các bài sát hạch, biên bản sát hạch và biên bản tổng hợp kết quả sát hạch theo quy định.

II. Nhiệm vụ, quyền hạn của sát hạch viên

1. Nhiệm vụ

1.1. Kiểm tra các điều kiện cần thiết trước khi sát hạch gồm:

1.1.1. Hệ thống camera giám sát lắp đặt tại phòng sát hạch lý thuyết, sát hạch trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông (nếu có), sân sát hạch hoạt động tốt, kết nối ổn định đến Cục Đường bộ Việt Nam.

1.1.2. Phòng sát hạch lý thuyết, sát hạch trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông (nếu có) phải đủ máy tính, máy in và hoạt động tốt, ổn định. Sử dụng phần mềm sát hạch do Cục Đường bộ Việt Nam chuyển giao.

1.1.3. Phòng chờ sát hạch lý thuyết, sát hạch trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông (nếu có) có đủ 02 màn hình, hoạt động tốt, ổn định để công khai quá trình và kết quả sát hạch lý thuyết.

1.1.4. Phòng hội đồng sát hạch có ít nhất 01 màn hình, hoạt động tốt, ổn định để công khai quá trình sát hạch lý thuyết.

1.1.5. Phòng chờ sát hạch lái xe trong hình và trên đường có ít nhất 02 màn hình, hoạt động tốt, ổn định để công khai quá trình sát hạch thực hành lái xe trong hình và trên đường.

1.1.6. Hệ thống loa trên xe sát hạch và loa phóng thanh của trung tâm sát hạch hoạt động tốt, công khai kết quả sát hạch lái xe trong hình.

1.1.7. Xe sát hạch, sân sát hạch không có các dấu vết để chỉ dẫn thí sinh trong quá trình sát hạch.

1.1.8. Thiết bị chấm điểm tự động trong sân sát hạch phải hoạt động ổn định, báo lỗi chấm điểm chính xác; đối với trường hợp sát hạch lái xe trong hình chưa sử dụng thiết bị chấm điểm tự động phải kiểm tra xe sát hạch và kích thước hình các bài sát hạch theo tiêu chuẩn và quy trình sát hạch lái xe.

1.1.9. Thiết bị chấm điểm tự động trên xe sát hạch trên đường phải hoạt động ổn định, báo lỗi chấm điểm chính xác; đối với trường hợp chưa sử dụng thiết bị chấm điểm tự động, camera giám sát, thiết bị chấm điểm trên xe sát hạch trên

đường lắp đặt chắc chắn, hoạt động tốt, ổn định, lưu trữ được âm thanh và hình ảnh trong quá trình sát hạch.

1.1.10. Xe sát hạch phải đảm bảo các điều kiện an toàn.

1.1.11. Xe sát hạch trong hình có đủ các giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự, giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực.

1.1.12. Xe sát hạch trên đường có đủ giấy chứng nhận đăng ký, giấy chứng nhận tham gia bảo hiểm trách nhiệm dân sự, giấy chứng nhận và tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường còn hiệu lực, hệ thống phanh phụ hoạt động hiệu quả.

1.1.13. Phương án đảm bảo an toàn trong quá trình sát hạch.

1.2. Sát hạch lý thuyết: Sát hạch trắc nghiệm trên máy vi tính

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch lý thuyết để cấp giấy phép lái xe bằng phương pháp trắc nghiệm trên máy vi tính.

1.3. Sát hạch trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch trên phần mềm mô phỏng các tình huống giao thông.

1.4. Sát hạch lái xe trong hình

1.4.1. Sát hạch bằng thiết bị chấm điểm tự động trên xe sát hạch (không bố trí sát hạch viên)

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trong hình để cấp giấy phép lái xe bằng thiết bị chấm điểm tự động.

1.4.2. Sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp để cấp giấy phép lái xe hạng A3, A4 và các hạng F (trên xe sát hạch không bố trí sát hạch viên)

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trong hình để cấp giấy phép lái xe bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp.

1.5. Sát hạch lái xe trên đường hạng B1, B2, C, D, E và các hạng F (Trên ô tô sát hạch bố trí 01 sát hạch viên)

1.5.1. Sát hạch bằng thiết bị chấm điểm tự động

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trên đường để cấp giấy phép lái xe bằng thiết bị chấm điểm tự động tại Phụ lục số 35 ban hành kèm theo Thông tư này.

1.5.2. Sát hạch bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp

Thực hiện các nhiệm vụ của sát hạch viên theo quy trình sát hạch thực hành lái xe trên đường để cấp giấy phép lái xe bằng phương pháp chấm điểm trực tiếp tại Phụ lục số 35 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Quyền hạn

2.1. Từ chối sát hạch nếu thấy trung tâm sát hạch không bảo đảm các điều kiện cần thiết quy định tại điểm 1.1 mục 1 phần III của Phụ lục này.

2.2. Yêu cầu thí sinh xuất trình một trong các giấy tờ: căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu và giấy phép lái xe (đối với các trường hợp nâng hạng, sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe) để đối chiếu với hồ sơ.

2.3. Lập biên bản những trường hợp thí sinh vi phạm nội quy, quy chế.

2.4. Đình chỉ sát hạch và báo cáo Tổ trưởng các trường hợp thí sinh lái xe lên vỉa hè, không đi đúng hình quy định của hạng xe sát hạch, gây tai nạn trong quá trình sát hạch, không thực hiện theo hiệu lệnh của sát hạch viên.

III. Biểu mẫu Biên bản

Mẫu số 01	Biên bản họp phân công hội đồng kỳ sát hạch lái xe
Mẫu số 02	Biên bản phân công nhiệm vụ sát hạch viên
Mẫu số 03	Biên bản kiểm tra thiết bị sát hạch
Mẫu số 04	Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch

Mẫu số 01. Biên bản họp phân công hội đồng kỳ sát hạch lái xe
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH/ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỔ SÁT HẠCH (1)

....., ngày..... tháng.....năm

BIÊN BẢN
HỌP PHÂN CÔNG HỘI ĐỒNG KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

Hội đồng sát hạch lái xe ô tô đã họp toàn thể. Thành phần gồm có:

1. Ông (bà)..... - Chức vụ - Chủ tịch,
2. Ông (bà)..... - Chức vụ - Ủy viên,
3. Ông (bà)..... - Chức vụ - Ủy viên,
4. Ông (bà)..... - Ủy viên kiêm Tổ trưởng sát hạch,
5. Ông (bà)..... - Ủy viên thư ký.

Và các sát hạch viên có tên tại Quyết định số/QĐ-SGTVT ngày...tháng...năm..... của Sở Giao thông vận tải.

NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Chủ tịch đã công bố Quyết định số/QĐ-SGTVT ngày...tháng...năm..... của Sở Giao thông vận tải về việc tổ chức kỳ sát hạch, thành lập hội đồng sát hạch, tổ sát hạch và nhắc lại chức năng, nhiệm vụ của hội đồng đã được quy định tại các Điều ... Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và triển khai các nội dung trên tại phần khai mạc kỳ sát hạch.

2. Các thông tin về kỳ sát hạch:

2.1 Số lượng thí sinh:

- Theo hồ sơ được duyệt, tổng số học viên đủ tư cách dự thi là: thí sinh, gồm các hạng:

B1:; B2:; C:; D:; E:; F:

- Sát hạch lại Giấy phép lái xe bị mất, quá hạn tổng số lái xe, gồm các hạng:

B1:; B2:; C:; D:; E:; F:

2.2 Thời gian làm việc: theo Quyết định số/QĐ-SGTVT ngày...tháng...năm..... của Sở Giao thông vận tải, kỳ sát hạch được tổ chức tại Trung tâm sát hạch lái xe.... thực hiện ngày tháng năm

Hội đồng thống nhất thời gian làm việc hàng ngày như sau:

Buổi sáng từ:

Buổi chiều từ:

Các thành viên Hội đồng nhất trí và ký biên bản./.

CÁC ỦY VIÊN

CHỦ TỊCH

Mẫu số 02. Biên bản phân công nhiệm vụ sát hạch viên

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH/
TỔ SÁT HẠCH (1) Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

...., ngày..... tháng.....năm

BIÊN BẢN PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ SÁT HẠCH VIÊN

Tổ sát hạch lái xe đã họp toàn thể. Tổ trưởng sát hạch phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sát hạch viên trong tổ như sau:

1. Kiểm tra các điều kiện cần thiết để thực hiện sát hạch:

- Ông (bà).....: Kiểm tra thiết bị phòng sát hạch lý thuyết.
- Ông (bà).....: Kiểm tra hệ thống Camera đối với phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình, màn hình và hệ thống loa;
- Ông (bà).....: Kiểm tra thiết bị phòng sát hạch Mô phỏng
- Ông (bà).....: kiểm tra thiết bị và ô tô sát hạch lái xe trong hình; kiểm tra thiết bị và ô tô sát hạch lái xe trên đường;
- Ông (bà).....: kiểm tra phương án bảo vệ đảm bảo an toàn trong quá trình sát hạch.

2. Thực hiện sát hạch lý thuyết

- Ông (bà).....

3. Thực hiện sát hạch Mô phỏng

- Ông (bà).....

4. Thực hiện sát hạch trong hình

- Ông (bà).....

5. Thực hiện sát hạch lái xe trên đường

- Ông (bà).....

Các sát hạch viên đã nhất trí với nhiệm vụ do Tổ trưởng phân công và cam kết thực hiện nghiêm túc quy định của Bộ Giao thông vận tải.

CÁC SÁT HẠCH VIÊN

TỔ TRƯỞNG TỔ SÁT HẠCH

Mẫu số 03. Biên bản kiểm tra thiết bị sát hạch

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH/
TỔ SÁT HẠCH (1) **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng.....năm

BIÊN BẢN KIỂM TRA THIẾT BỊ SÁT HẠCH

Căn cứ Điều 24 Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ (được sửa đổi, bổ sung tại ... Thông tư số .../.../TT-BGTVT ngày ... /.../...).

Căn cứ Quyết định số/QĐ-SGTVT ngày tháng năm của Giám đốc Sở Giao thông vận tải về việc tổ chức kỳ sát hạch của

Hôm nay, ngày tháng năm tại trung tâm sát hạch lái xe, chúng tôi gồm:

1. Tổ sát hạch lái xe

Ông (bà).....

2. Đại diện Trung tâm sát hạch lái xe

Ông (bà).....; Chức vụ:

Đã cùng nhau kiểm tra trang thiết bị, xe sát hạch tại trung tâm sát hạch lái xe và thống nhất như sau:

- + Thiết bị sát hạch tại phòng lý thuyết:.....
- + Thiết bị sát hạch tại phòng Mô phỏng:
- + Thiết bị sát hạch thực hành lái xe trong hình:
- + Thiết bị sát hạch thực hành lái xe 2km đường trường:
- + Xe sát hạch và thiết bị báo lỗi trên xe:
- + Hệ thống camera giám sát phòng sát hạch lý thuyết, sân sát hạch lái xe trong hình:

CÁC SÁT HẠCH VIÊN

**TỔ TRƯỞNG
TỔ SÁT HẠCH**

**GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM SHLX**

Mẫu số 04. Biên bản tổng hợp kết quả kỳ sát hạch

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI... CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH/ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỔ SÁT HẠCH

....., ngày..... tháng.....năm

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ KỲ SÁT HẠCH

Ngày ... thángnăm..., vào hồi 17 giờ 30', tại Trung tâm sát hạch lái xe Hội đồng sát hạch lái xe ô tô cho học viên các khóa.....của cơ sở đào tạo....., được thành lập theo Quyết định số/QĐ-SGTVT ngày của Giám đốc Sở Giao thông vận tải, đã họp toàn thể để xét công nhận kết quả kỳ sát hạch. Thành phần gồm có:

1. Chủ tịch: Ông (bà)- Chức vụ...
2. Ủy viên: Ông (bà)- Chức vụ...
3. Ủy viên: Ông (bà)- Chức vụ...
4. Ủy viên kiêm Tổ trưởng sát hạch: Ông (bà)- Chức vụ...
5. Ủy viên thư ký: Ông (bà)- Chức vụ...

NỘI DUNG CUỘC HỌP

I. Thông qua kết quả kỳ sát hạch:

1. Tổng số hồ sơ đăng ký dự thi:.....

Tổng số hồ sơ dự thi:..... Vắng không dự thi:..... (có danh sách kèm theo)

a) Học sinh thuộc cơ sở đào tạo:

Hạng GPLX	Tổng số hồ sơ	Tổng số dự thi	Thi Lý thuyết			Mô phỏng các tình huống giao thông			Thực hành trong hình			Thực hành trên đường giao thông			Kết quả đạt
			Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	
B1															
B2															
C															
D															
E															
F...															
Cộng															

Ghi chú:

- Số thí sinh chỉ tham dự nội dung Mô phỏng, trong hình, đường trường:.....;
- Số thí sinh chỉ tham dự nội dung trong hình, đường trường :.....;
- Số thí sinh chỉ tham dự nội dung đường trường :.....;

....

b) Thí sinh thuộc đối tượng cấp lại giấy phép lái xe:

Hạng GPLX	Tổng số hồ sơ	Tổng số dự thi	Thi Lý thuyết			Mô phỏng các tình huống giao thông			Thực hành trong hình			Thực hành trên đường giao thông			Kết quả đạt
			Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	Tổng số	Đạt	Trượt	
B1															
B2															
C															
D															
E															
F...															
Cộng															

Ghi chú:

- Số thí sinh chỉ tham dự nội dung Mô phỏng, trong hình, đường trường:.....;
- Số thí sinh chỉ tham dự nội dung trong hình, đường trường :.....;
- Số thí sinh chỉ tham dự nội dung đường trường :.....;

....

II. Nhận xét kỳ sát hạch:

III. Tổng hợp số thu phí sát hạch và lệ phí cấp GPLX

TT	Nội dung	Số lượng	Số tiền/1 thí sinh	Thành tiền
I	Phí Sát hạch lái xe			
1	Lý thuyết			
2	Mô phỏng các tình huống giao thông			
3	Thực hành trong hình			
4	Thực hành trên đường giao thông			
II	Lệ phí cấp GPLX			
	Tổng cộng (I + II)			

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO
TẠO

CHỦ TỊCH

ỦY VIÊN
(Giám đốc TTSH)

TỔ TRƯỞNG TỔ SÁT HẠCH

ỦY VIÊN THƯ KÝ

Phụ lục XXX
MẪU THẺ SÁT HẠCH VIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU THẺ SÁT HẠCH VIÊN

1. Mặt trước:

<p>BỘ GTVT CỤC ĐBVN</p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u></p> <p>THẺ SÁT HẠCH VIÊN Số: xxxxx</p> <p>Họ và tên:..... Ngày sinh:..... Cơ quan quản lý:.....</p> <table><tr><td>Được sát hạch hạng</td><td>x</td><td>x</td><td>x</td><td>x</td><td>x</td><td>x</td><td>x</td></tr></table>	Được sát hạch hạng	x	x	x	x	x	x	x
Được sát hạch hạng	x	x	x	x	x	x	x		
<p>Ảnh màu 3 cm x 4 cm (chụp không quá 06 tháng)</p>	<p>Ngày cấp: xx/xx/xxxx Có giá trị đến: xx/xx/xxxx</p> <p>(Chữ ký và dấu của cơ quan quản lý)</p>								

2. Mặt sau:

Ghi chú:

- Được phép sát hạch lý thuyết và thực hành theo hướng dẫn của Cục Đường bộ Việt Nam.
- Chỉ được sử dụng khi Cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải giao nhiệm vụ.
- Khi sát hạch phải mang theo Thẻ sát hạch viên.
- Thẻ sát hạch viên không có giá trị thay giấy phép lái xe.
- Không cho người khác mượn Thẻ sát hạch viên
- Mất Thẻ sát hạch viên phải báo ngay cho Sở Giao thông vận tải và Cục Đường bộ Việt Nam.

3. Quy cách:

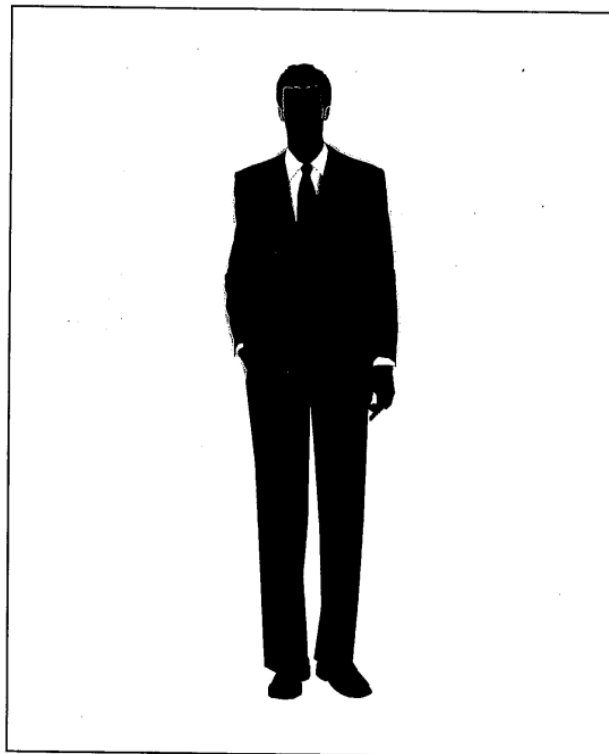
- Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm.
- Tiêu đề "THẺ SÁT HẠCH VIÊN", chữ "Số" và tên hạng được sát hạch có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.
- Ảnh của sát hạch viên được in trực tiếp trên thẻ sát hạch viên.
- Phôi được làm bằng vật liệu PVC hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có logo Cục Đường bộ Việt Nam và các ký hiệu bảo mật.

Phụ lục XXXI
MẪU TRANG PHỤC CỦA SÁT HẠCH VIÊN
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU TRANG PHỤC CỦA SÁT HẠCH VIÊN

I. QUY CÁCH, MÀU SẮC TRANG PHỤC NAM

1. Áo vest nam – quần tây nam



a) Áo veston

Chất liệu: Vải tuytsi pha len.

Màu sắc: Xanh đen.

Kiểu dáng: Kiểu 2 lớp, cổ 2 ve, 2 nút cài; thân trước có 02 túi phía dưới có nắp, 01 túi áo ngực bên trái; 04 nút tay áo; thân sau có sống lưng xẻ dưới được bổ mảnh dọc theo thân; cúc nhựa hợp với màu áo.

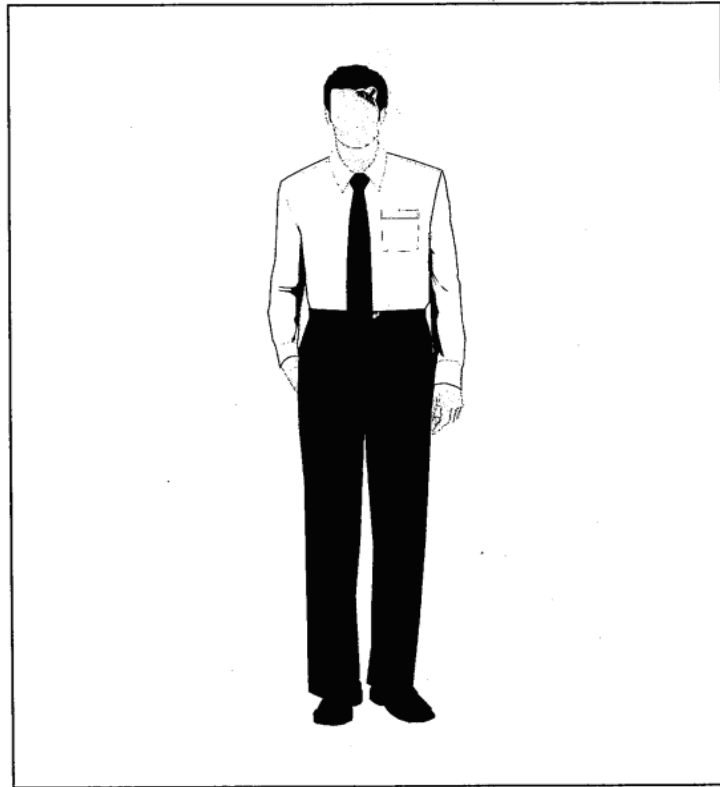
b) Quần

Chất liệu: Vải tuytsi pha len.

Màu sắc: Xanh đen.

Kiểu dáng: Quần âu kiểu cạp rời, hai túi sườn chéo. Thân trước mỗi bên xếp một ly lật về phía dọc quần; thân sau có một túi hậu cài khuy. Cửa quần may khóa kéo; đầu cạp có một móc và một cúc nằm trong.

2. Áo sơ mi dài tay thu - đông

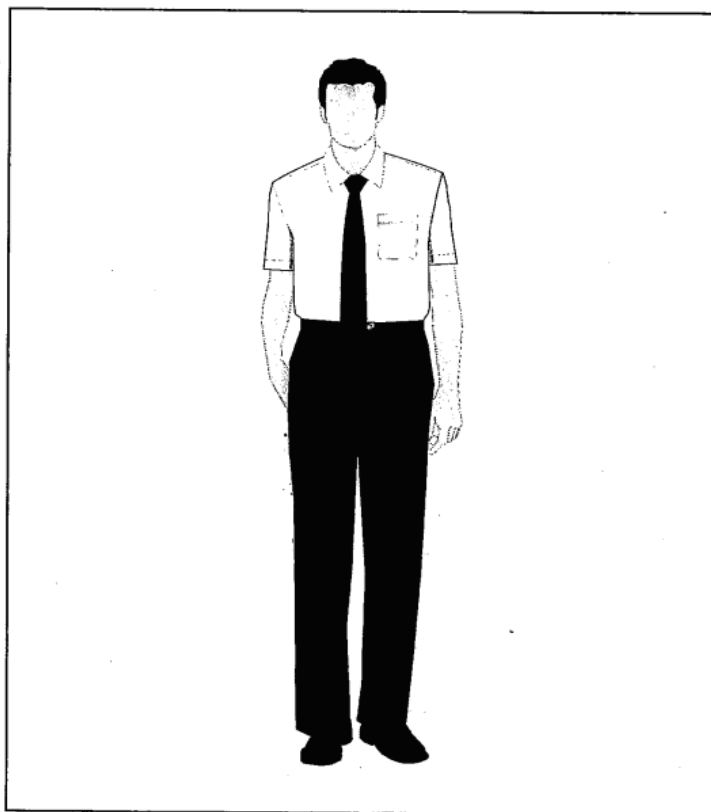


Chất liệu: Vải pôpolin;

Màu sắc: Trắng;

Kiểu dáng: Áo cổ cài (đứng); nẹp bong, tay măng sét có hai cúc; có cúc nhựa cùng màu; gấu áo bằng, có một túi bên trái, bị túi đáy hơi lượn tròn, miệng túi may một đường 30mm, thân sau cầu vai.

3. Áo sơ mi ngắn tay xuân - hè

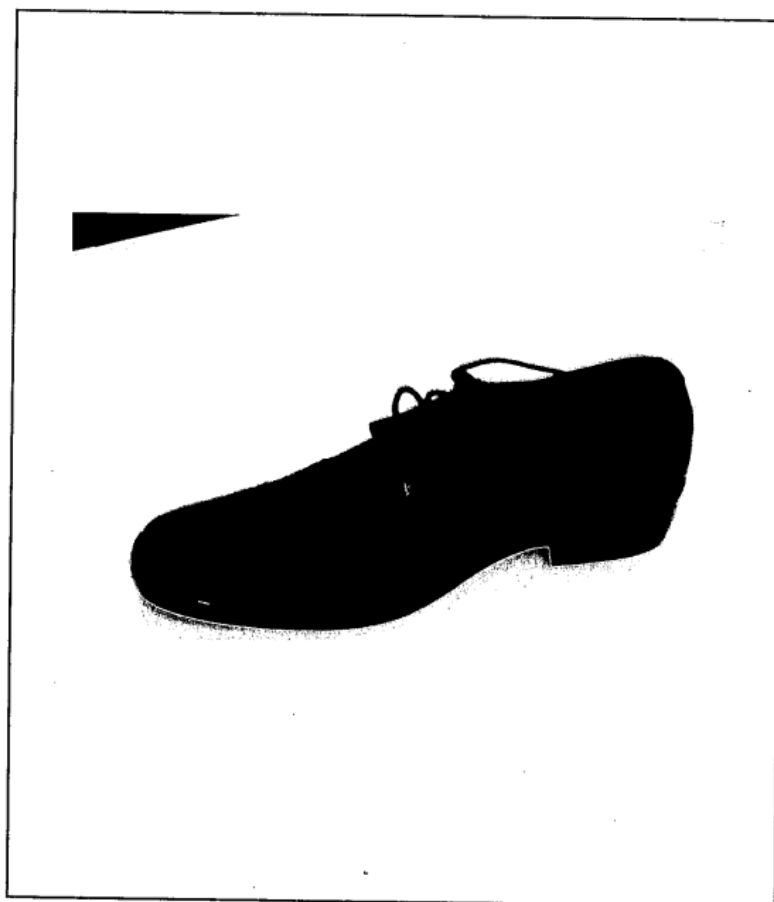


Chất liệu: Vải pôpolin.

Màu sắc: Trắng.

Kiểu dáng: Áo cổ cài (đứng); nẹp bông tay áo, chiều dài tay áo cách khủy tay 2 cm; có cúc nhựa cùng màu; gấu áo bằng, có một túi bên trái, miệng túi may một đường 30mm, thân sau cầu vai.

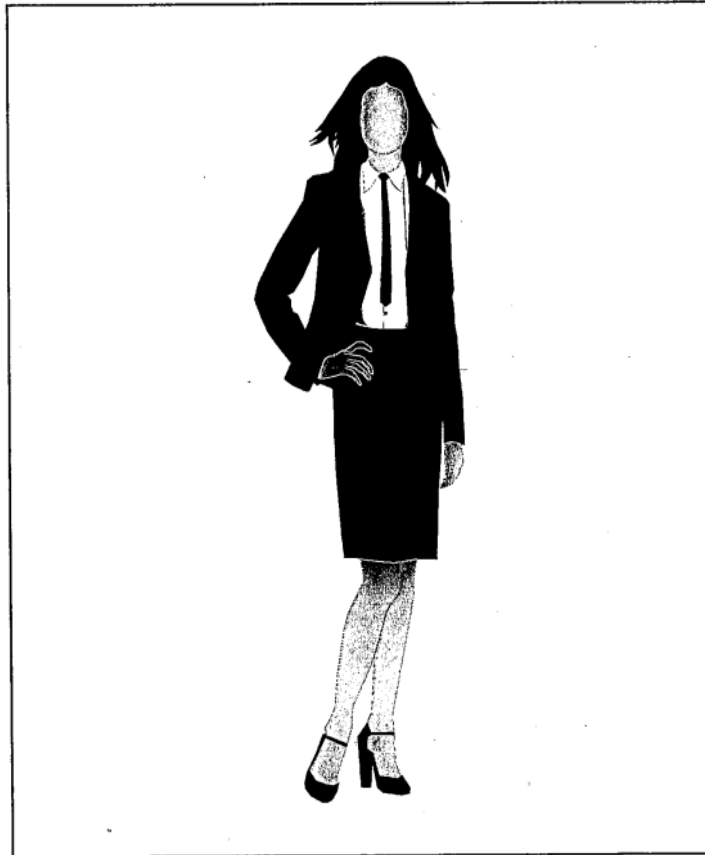
4. Giày nam có dây



Đế PU, da nappa, màu đen, thấp cổ, đế cao 2,5cm, có dây buộc.

II. QUY CÁCH, MÀU SẮC TRANG PHỤC NỮ

1. Áo vest tông nữ

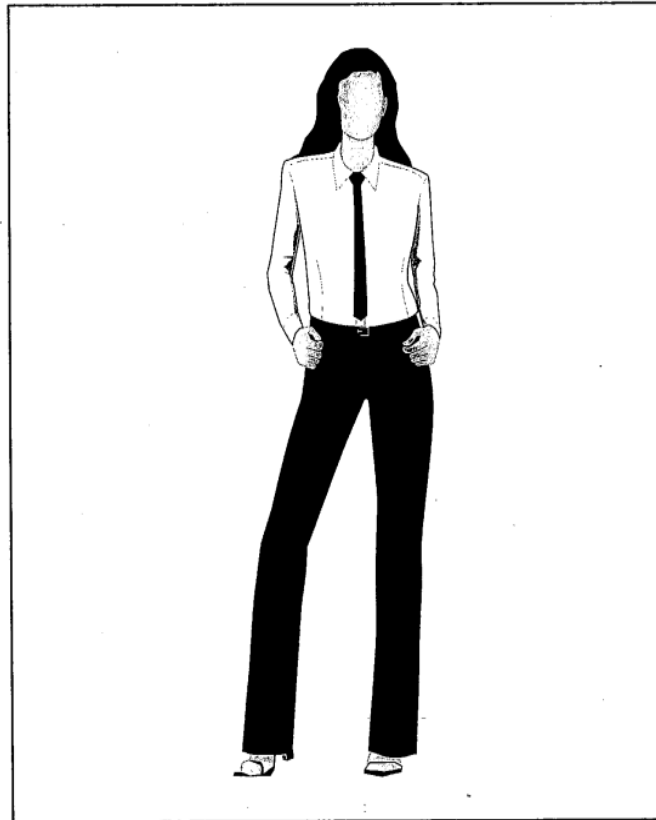


a) Chất liệu: Vải tuytsi pha len.

b) Màu sắc: Xanh đen.

c) Kiểu dáng: Kiểu 2 lớp, cổ 2 ve, có 02 nút cài, thân trước có bỏ 02 túi phía dưới có nắp nẹp áo, thân sau có sống lưng xẻ dưới được bỏ mảnh dọc theo thân và cúc nhựa hợp với màu áo.

2. Áo sơ mi dài tay nữ thu - đông, quần



a) Áo sơ mi dài tay thu đông

Chất liệu: Vải pôpôlin.

Màu sắc: Trắng.

Kiểu dáng: Cổ cứng, vạt áo bằng, có hai ly trước và hai ly sau, nẹp bong, tay măng séc và cúc nhựa cùng màu.

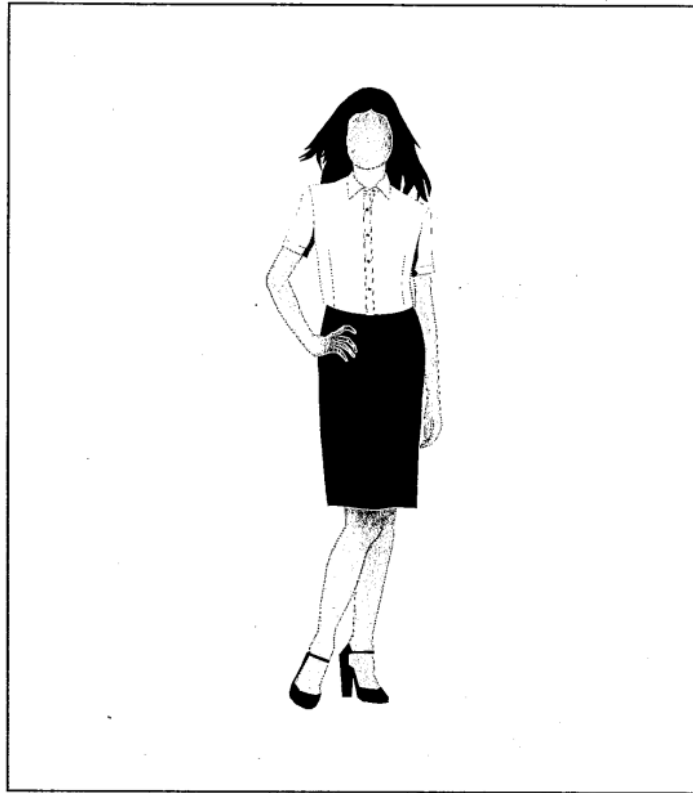
b) Quần

Chất liệu: Vải tuytsi pha len.

Màu sắc: Xanh đen.

Kiểu dáng: Quần âu kiểu cạp rời, hai túi sườn chéo. Thân trước mỗi bên xếp một ly lật về phía dọc quần; thân sau có một túi hậu cài khuy. Cửa quần may khóa kéo; đầu cạp có một móc và một cúc nằm trong.

3. Áo sơ mi ngắn tay nữ, váy



a) Áo sơ mi ngắn tay

Chất liệu: Vải pôpôlin.

Màu sắc: Trắng.

Kiểu dáng: Cổ cứng, vạt áo bằng, có hai ly trước và hai ly sau, nẹp bong, có cúc nhựa cùng màu, chiều dài tay áo cách khuỷu tay 02 cm.

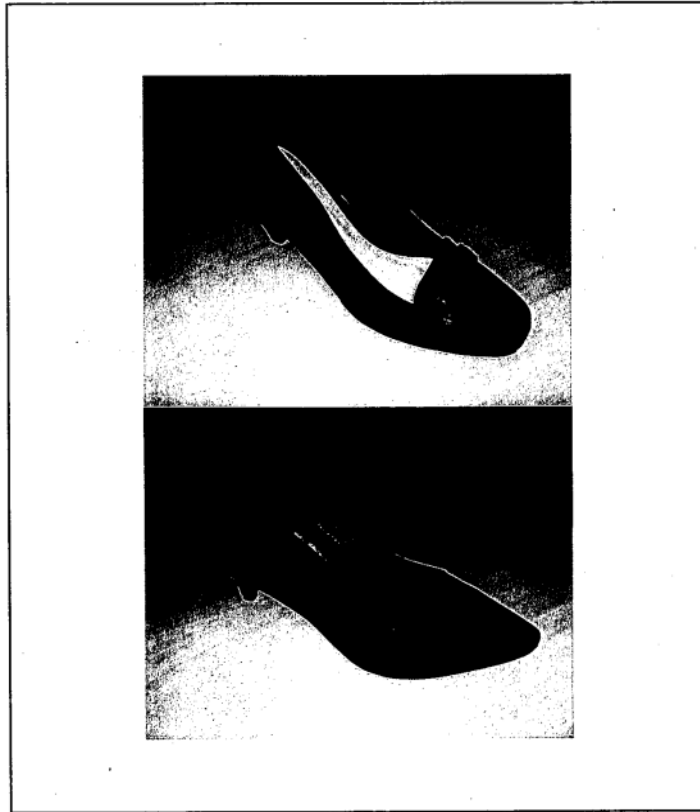
b) Váy

Chất liệu: Tuytsi pha len

Màu sắc: Xanh đen.

Kiểu dáng: Váy hình chữ A, thân sau có khóa kéo hình giọt lệ, thân sau có xẻ, chiết ly hai bên, chiều dài váy chấm đầu gối hoặc ngay dưới đầu gối.

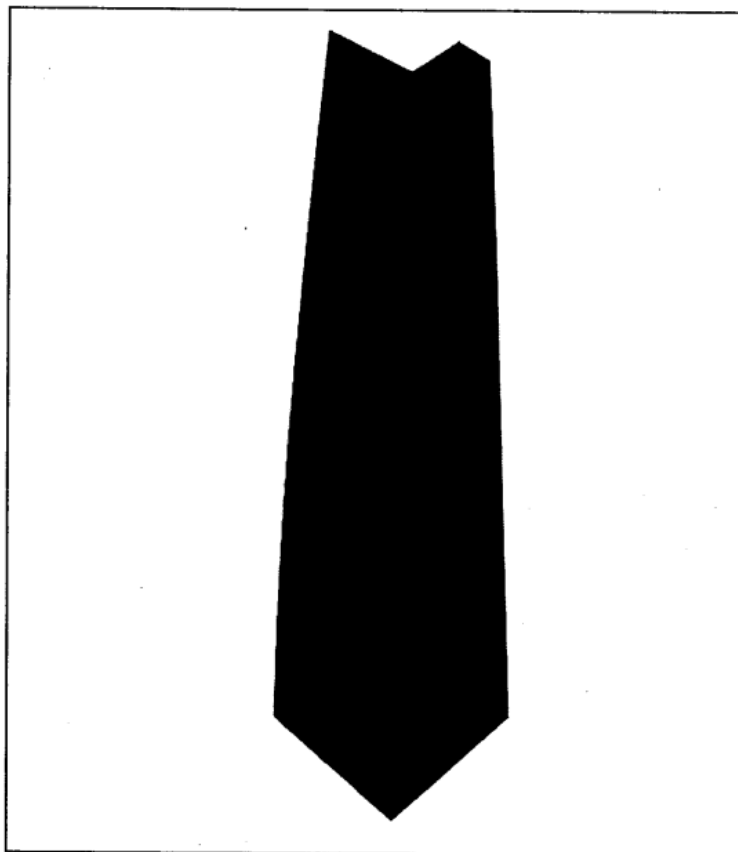
4. Giày da nữ



Đế PU, da nappa, màu đen, thấp cổ, đế cao 2,5cm, có dây buộc.

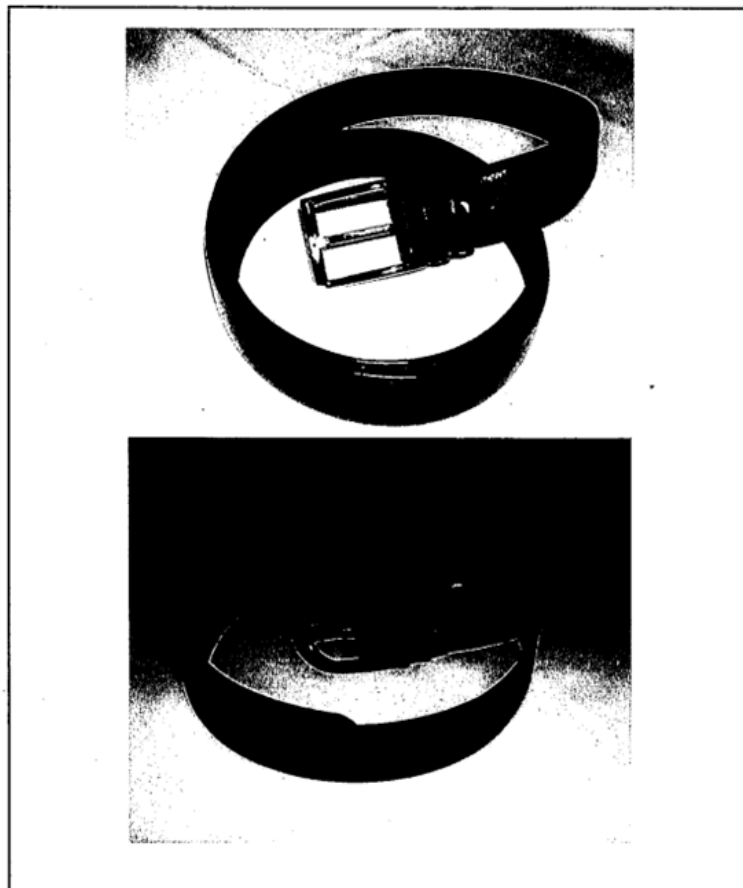
III. TRANG PHỤC QUY ĐỊNH CHUNG

1. Cà vạt



Vải tuytsi pha len, màu xanh đen, dùng cho trang phục thu - đông.

2. Thắt lưng nam, nữ



Chất liệu da, màu đen, có mặt đồng hình chữ nhật, bản rộng 35 mm.

Phụ lục XXXII
SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ SÁT HẠCH VIÊN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm
2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*

SỬ DỤNG VÀ QUẢN LÝ SÁT HẠCH VIÊN

I. Sử dụng sát hạch viên

1. Giám đốc Sở Giao thông vận tải căn cứ cán bộ, công chức, giáo viên được cấp thẻ sát hạch viên

2. Căn cứ vào hạng giấy phép lái xe được phép sát hạch ghi trên thẻ, các Sở Giao thông vận tải cử sát hạch viên đảm bảo điều kiện sau:

2.1. Sát hạch lý thuyết:

2.1.1. Đối với giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3 và A4: Sát hạch viên có thể sát hạch viên hạng A1, A2, A3, A4 và từ hạng B1 đến F.

2.1.2. Đối với giấy phép lái xe hạng B1, B2, C, D, E và các hạng F: Sát hạch viên có thể sát hạch viên từ hạng B1 đến F.

2.2. Sát hạch trên phần mềm mô phỏng các tính huống giao thông: Sát hạch viên có thể sát hạch viên từ hạng B1 đến F.

2.3. Sát hạch thực hành lái xe trong hình:

2.3.1. Đối với giấy phép lái xe hạng A1: Sát hạch viên có thể sát hạch viên hạng A1, A2, A3 và từ hạng B1 đến F.

2.3.2. Đối với giấy phép lái xe hạng A2: Sát hạch viên có thể sát hạch viên hạng A2.

2.3.3. Đối với giấy phép lái xe hạng A3: Sát hạch viên có thể sát hạch viên hạng A3 và từ hạng B1 đến F.

2.3.4. Đối với giấy phép lái xe hạng A4: Sát hạch viên có thể sát hạch viên hạng A4 và từ hạng B1 đến F.

2.3.5. Đối với giấy phép lái xe ô tô các hạng B1, B2, C, D, E và F: Sát hạch viên có thể sát hạch viên từ hạng B1 đến F.

2.4. Đối với sát hạch thực hành lái xe trên đường:

2.4.1. Đối với giấy phép lái xe ô tô các hạng B1, B2, C, D, E, FB2, FD và FE: Sát hạch viên có thể sát hạch viên phù hợp hạng xe được phép sát hạch ghi trên thẻ hoặc hạng xe cao hơn hạng xe sát hạch.

2.4.2. Đối với giấy phép lái xe ô tô hạng FC: Sát hạch viên có thể sát hạch viên hạng FC.

3. Trong mỗi kỳ sát hạch, các Sở Giao thông vận tải phải cử đủ số lượng sát hạch viên theo quy trình (ít nhất là 04 sát hạch viên) để sát hạch đồng thời cả môn thi lý thuyết và thực hành lái xe. Trường hợp không đủ số lượng sát hạch viên phù hợp với hạng giấy phép lái xe dự sát hạch thì không được tổ chức sát hạch hạng giấy phép lái xe đó.

4. Trong trường hợp cần thiết, để đảm bảo đủ số lượng sát hạch viên, Sở Giao thông vận tải có thể đề nghị Sở Giao thông vận tải của tỉnh, thành phố khác hỗ trợ sát hạch viên. Việc điều động sát hạch viên phải được ghi nhận bằng công văn của Sở có nhu cầu và quyết định cử đi làm nhiệm vụ sát hạch của Sở Giao thông vận tải cử sát hạch viên hỗ trợ; các văn bản trên được lưu trữ trong hồ sơ của kỳ sát hạch.

5. Sát hạch viên là giáo viên thuộc cơ sở đào tạo không được tham gia làm thành viên tổ sát hạch lái xe tại các kỳ sát hạch có học viên của cơ sở đào tạo mà sát hạch viên đang công tác.

II. Quản lý sát hạch viên

1. Các Sở Giao thông vận tải phải thường xuyên bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức cho đội ngũ sát hạch viên để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

2. Khen thưởng và kỷ luật

2.1. Khen thưởng: Sát hạch viên trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, có tinh thần trách nhiệm, hoàn thành công việc giao, tùy theo thành tích sẽ được khen thưởng theo quy định.

2.2. Kỷ luật: Sát hạch viên vi phạm kỷ luật, tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý bằng các hình thức kỷ luật theo quy định.

3. Khi sát hạch viên được điều động đi đơn vị khác, không làm nhiệm vụ sát hạch hoặc bị kỷ luật đến mức thu hồi thẻ sát hạch viên, thì Sở Giao thông vận tải (nơi quản lý sát hạch viên) phải báo cáo Cục Đường bộ Việt Nam để thu hồi thẻ sát hạch viên và theo dõi, quản lý.

4. Người bị mất thẻ sát hạch viên phải báo ngay với Sở Giao thông vận tải để theo dõi, quản lý. Nếu muốn cấp lại phải có đơn trình bày và công văn đề nghị của Sở Giao thông vận tải gửi về Cục Đường bộ Việt Nam để xem xét, giải quyết.

Phụ lục XXXIII
BIỂU MẪU CHUẨN BỊ KỲ SÁT HẠCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BIỂU MẪU CHUẨN BỊ KỲ SÁT HẠCH

Mẫu số 01	Biên bản kiểm tra hồ sơ thí sinh dự sát hạch
Mẫu số 02	Văn bản lấy ý kiến về trình độ văn hóa của người dân tộc thiểu số
Mẫu số 03	Mẫu Quyết định tổ chức kỳ sát hạch
Mẫu số 04	Danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe
Mẫu số 05	Danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe
Mẫu số 06	Mẫu Báo cáo đề nghị tổ chức sát hạch lái xe hạng B1 và ô tô
Mẫu số 07	Danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe (gửi kèm báo cáo 2)
Mẫu số 08	Mẫu văn bản đề xuất danh sách thí sinh dự sát hạch để cấp lại giấy phép lái xe

Mẫu số 01. BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA HỒ SƠ THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH LÁI XE

Hôm nay, vào hồi giờ, ngày /..... /....., tại Cơ quan quản lý sát hạch....., Tổ kiểm tra hồ sơ thí sinh dự sát hạch lái xe của cơ sở đào tạo....., gồm:

1. Ông (Bà), Chuyên viên.
2. Ông (Bà), Chuyên viên.
3. Ông (Bà), Đại diện cơ sở đào tạo.

Sau khi đối chiếu báo cáo số 1, báo cáo số 2 và kiểm tra hồ sơ của các thí sinh dự sát hạch.

KẾT QUẢ

Tổng số hồ sơ xin dự sát hạch:

Số hồ sơ xét hợp lệ:, trong đó:

- Số thi mới: - Số hồ sơ thi lại và vắng:

(Theo bảng phân loại dưới đây)

Khóa học	A1	A2	A3	A4	B1	B2	C	D	E	F	Tổng số
Số hồ sơ hợp lệ											

Danh sách hồ sơ thí sinh dự thi sát hạch hợp lệ được sát hạch (có danh sách kèm theo).

Số hồ sơ không hợp lệ:, được phân theo các lý do (theo bảng dưới đây).

Hạng/Lý do	A1	A2	A3	A4	B1	B2	C	D	E	F
Không có trong danh sách báo cáo 1										
Đơn đề nghị dự sát hạch không đúng										
Chưa đủ thời gian đào tạo										
Chưa đủ thâm niên nâng hạng										
Chưa đủ hoặc hết hạn tuổi										
Sai lệch với chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân										
Giấy chứng nhận sức khỏe không đúng										
Giấy phép lái xe hết hạn, không có hồ sơ										

Danh sách hồ sơ thí sinh dự thi sát hạch không hợp lệ (có danh sách kèm theo).

Tổ kiểm tra lập biên bản này báo cáo Cơ quan quản lý sát hạch cho số thí sinh có hồ sơ hợp lệ trên được dự sát hạch.

CÁN BỘ KIỂM TRA HỒ SƠ

(Ký và ghi rõ họ, tên)

CƠ SỞ ĐÀO TẠO LÁI XE

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Mẫu số 02. MẪU VĂN BẢN LẤY Ý KIẾN VỀ TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

UBND TỈNH...
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
Số: /SGTVT...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
....., ngày.....tháng.....năm.....

Vv xác thực trình độ văn hóa

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Căn cứ ... Thông tư số .../2024/TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

Ngày... tháng ... năm ... Sở Giao thông vận tải ... nhận được đề nghị tham dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe của các cá nhân là người dân tộc thiểu số không biết đọc, viết tiếng Việt, để việc sát hạch, cấp giấy phép lái xe được đúng đối tượng theo quy định, đề nghị Ủy ban nhân dân xác thực trình độ văn hóa của các công dân theo danh sách gửi kèm văn bản này.

Đề tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, đề nghị quý cơ quan quan tâm, phối hợp thực hiện và có văn bản xác thực gửi về Sở Giao thông vận tải ... trước ngày... tháng ... năm ... /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cơ sở đào tạo (đề biết);
- Lưu VP, ...

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên)

DANH SÁCH XÁC THỰC TRÌNH ĐỘ VĂN HÓA CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ KHÔNG BIẾT ĐỌC, VIẾT TIẾNG VIỆT
(Kèm theo văn bản số...../SGTVT ngày....tháng....năm)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/CMND/HC	Nơi cư trú	Ghi chú
1					
2					
...					

Mẫu số 03. MẪU QUYẾT ĐỊNH TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

UBND TỈNH...
SỞ GTVT.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :

....., ngày tháng năm 20

QUYẾT ĐỊNH TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI ...

Căn cứ Quyết định số ngày /..... /..... của quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải;

Căn cứ khoản..... Điều..... Thông tư số/...../TT-BGTVT ngày /..... /..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

Xét đề nghị của:,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe..... cho thí sinh khoá của Trường (Trung tâm).....

Tổng số..... thí sinh, gồm các hạng B1:.....thí sinh, B2:..... thí sinh v.v...(Danh sách thí sinh dự thi các hạng kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành từ ngày /..... /..... tại Trung tâm sát hạch lái xe:

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Chủ tịch Hội đồng: Ông (Bà):.....Chức vụ công tác

2. Các Ủy viên:

- Ông (Bà):.....Giám đốc Trung tâm sát hạch lái xe.....;

- Ông (Bà):.....Hiệu trưởng, Giám đốc cơ sở đào tạo

- Ông (Bà):.....Tổ trưởng Tổ sát hạch;

- Ông (Bà):.....Ủy viên thư ký.

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Thành lập Tổ sát hạch gồm các ông, bà có tên dưới đây:

1. Ông (Bà):Tổ trưởng; 3. Ông (Bà):..... Sát hạch viên;

2. Ông (Bà):.....Sát hạch viên; 4.....

Nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên do Tổ trưởng sát hạch phân công.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và Tổ sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại ĐiềuThông tư số/...../TT-BGTVT ngày /..... /..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ và các văn bản hướng dẫn của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

Kết thúc kỳ sát hạch, lập xong biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch và Tổ sát hạch tự giải thể.

Điều 5. Hội đồng sát hạch, Tổ sát hạch, Thủ trưởng cơ sở đào tạo, Giám đốc trung tâm sát hạch lái xe và thí sinh có tên tại các Điều 1, 2, 3 nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06. MẪU BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC SÁT HẠCH LÁI XE

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../

....., ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO ĐỀ NGHỊ TỔ CHỨC SÁT HẠCH LÁI XE

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải...

Tiếp theo công văn số..... ngày /..... /.....

Trường (Trung tâm).....đã có báo cáo khai giảng và đăng ký sát hạch các lớp đào tạo lái xe Khóa.....với Sở GTVT, nay Khóa học đã hoàn thành chương trình học tập và xin tổ chức sát hạch, cụ thể:

Số TT	Khóa - Lớp	Hạng giấy phép lái xe	Số học viên vào học	Số học viên dự sát hạch	Ngày sát hạch	Ghi chú
1	Hệ đào tạo mới					
2						
3						
4	Hệ đào tạo nâng hạng					

(có danh sách học viên các khóa học kèm theo)

Trường (Trung tâm).....đề nghị Sở Giao thông vận tải... xét duyệt và tổ chức kỳ sát hạch cho học viên các khoá - lớp trên.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 07. MẪU DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
CƠ SỞ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH

Cấp giấy phép lái xe hạng:.....

Khóa:.....

(Mỗi hạng lập 1 danh sách riêng)

BÁO CÁO 2

Thời gian đào tạo: tháng

Khai giảng ngày tháng năm.....

Bế giảng ngày tháng năm

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có giấy phép lái xe hạng	Thâm niên lái xe		Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo	Ghi chú
							Số năm lái xe	Số km lái xe an toàn		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
	Tên xếp theo vần A, B, C...									

....., ngày tháng năm 20.....

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 08. MẪU VĂN BẢN ĐỀ XUẤT DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỂ CẤP LẠI GIẤY PHÉP LÁI XE

SỞ GTVT...
PHÒNG QLPT&NL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải...

Phòng Quản lý PT&NL đề nghị Lãnh đạo Sở chấp thuận để các thí sinh có tên dưới đây được dự sát hạch cùng với kỳ sát hạch lái xe của cơ sở đào tạo.....tổ chức ngày / /

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/CC/HC	Nơi cư trú	Hạng giấy phép lái xe	Số giấy phép lái xe	Cơ quan quản lý giấy phép lái xe	Ngày hết hạn	Lý do sát hạch	Nội dung sát hạch	Ghi chú
	Tên xếp theo vần A, B, C...										

NGƯỜI LẬP
(Ký và ghi rõ họ, tên)

....., ngày tháng năm 20

TL. GIÁM ĐỐC)
TRƯỞNG PHÒNG
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XXXIV

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BIỂU MẪU BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH CỦA THÍ SINH

Mẫu số 01	Biên bản tổng hợp kết quả đối với thí sinh dự sát hạch ô tô
Mẫu số 02	Biên bản tổng hợp kết quả đối với thí sinh dự sát hạch mô tô

Mẫu số 01. MẪU BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE

Ảnh chân dung
3 cm x 4 cm
(chụp không
quá
06 tháng)

Họ và tên thí sinh:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Căn cước:.....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Thi lấy giấy phép lái xe hạng:.....

Học lái xe tại cơ sở đào tạo

....., ngày.....tháng.....năm.....

(Thí sinh ký và ghi rõ họ tên)

I. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

II. KẾT QUẢ SÁT HẠCH MÔ PHỎNG CÁC TÌNH HUỐNG GIAO THÔNG TRÊN MÁY TÍNH

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

III. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRONG HÌNH

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

IV. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE TRÊN ĐƯỜNG

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

Kết luận của Tổ trưởng Tổ sát hạch
Hạng..... Đạt Không đạt

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ, tên)

..... ngày..... tháng..... năm 20....

TM. HỘI ĐỒNG SÁT HẠCH
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. MẪU BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÁI XE

Ảnh màu
3 cm x 4 cm
(chụp không
quá 06 tháng)

Họ và tên thí sinh:.....
Ngày tháng năm sinh:
Số Căn cước công dân hoặc Số Chứng minh nhân dân:.....
hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:
Thi lấy giấy phép lái xe.....hạng:.....
Học lái xe tại cơ sở đào tạo

....., ngày tháng năm
(Thí sinh ký và ghi rõ họ tên)

A. KẾT QUẢ SÁT HẠCH LÝ THUYẾT

Lần thứ 1: Ngày..... tháng..... năm.....

Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Thí sinh ký tên		

B. KẾT QUẢ SÁT HẠCH THỰC HÀNH LÁI XE

Lần thứ 1: Ngày..... tháng năm.....

Sát hạch kỹ năng lái xe trong hình	Số điểm tối đa	Số điểm đạt được	Sát hạch viên nhận xét và ký tên
Ngày sát hạch:	Thí sinh ký tên		

Kết luận của Tổ trưởng Tổ sát hạch

....., ngày tháng năm 20

HạngĐạt Không đạt

TỔ TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ, tên)

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN QUẢN LÝ SÁT HẠCH
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XXXV

MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN TRÚNG TUYỂN KỲ SÁT HẠCH

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

UBND TỈNH...
SỞ GTVT...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

....., ngày tháng năm 20.....

QUYẾT ĐỊNH

Công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch

GIÁM ĐỐC SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Quyết định số.....ngày / /..... của về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải.....);

Căn cứ Thông tư số/...../TT-BGTVT ngày/...../..... của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận trúng tuyển kỳ sát hạch cho..... học viên lái xe (ô tô, mô tô) của cơ sở đào tạo lái xe, sát hạch từ ngày/...../..... đến ngày/...../..... được cấp giấy phép lái xe, gồm:

(Ghi rõ số lượng thí sinh từng hạng có danh sách thí sinh trúng tuyển kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà): Vụ trưởng (Trưởng Phòng.....) thuộc Sở Giao thông vận tải..., Thủ trưởng cơ sở đào tạo, cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;

- Lưu: VT, BQLSH.

GIÁM ĐỐC

(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XXXVI
MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

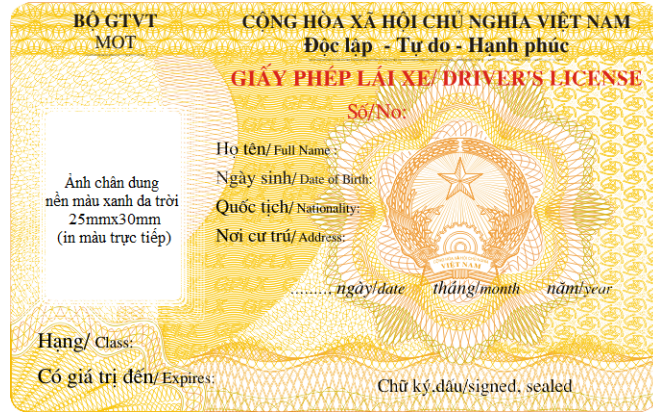
BIỂU MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE

Mẫu số 01	Mẫu giấy phép lái xe thực hiện từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025
Mẫu số 02	Mẫu giấy phép lái xe thực hiện từ ngày ngày 10 tháng 01 năm 2026
Mẫu số 03	Danh mục hạng Giấy phép lái xe và điều kiện hạn chế

Mẫu số 01. MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

Mẫu này áp dụng từ ngày Thông tư này có hiệu lực đến hết ngày 31/12/2025

1. Mặt trước:



2. Mặt sau:



a) In từng lái xe cơ giới đường bộ mà người lái xe được (hiển thị bằng tiếng Anh).

b) Đối với lái xe số tự động, ghi là: Xe ô tô hạng B1 số tự động.

c) Đối với giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật, ghi là: Xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật.

d) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay trái, ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay trái, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay trái.”

đ) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay phải, ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển đèn pha, đèn xi nhan phù hợp với người khuyết tật tay phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật tay phải.”

hạng giấy phép ường bộ mà ng- phép điều khiển tiếng Việt và

hạng giấy phép

e) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật chân phải, ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg có cơ cấu điều khiển ga động cơ, phanh chân phù hợp với người khuyết tật chân phải, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật chân phải.”.

g) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải), ghi là:

“Ô tô tự động chở người đến 9 chỗ ngồi, ô tô tải chuyên dùng số tự động, có trọng tải thiết kế dưới 3500kg, không chuyên nghiệp.

Điều kiện hạn chế: Cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải).”.

h) Đối với một số trường hợp đặc thù được ghi rõ điều kiện hạn chế tại mặt sau của giấy phép lái xe.

3. Quy cách:

a) Kích thước: 85,6 x 53,98 x 0,76 mm (theo Tiêu chuẩn ICAO loại ID-1).

b) Tiêu đề "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và " Ngày trúng tuyển" có màu đỏ, các chữ khác in màu đen.

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.

đ) Phôi được làm bằng vật liệu PET. hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu vàng rom và các ký hiệu bảo mật.

e) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin quản lý giấy phép.

Mẫu số 02. MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE (Phụ lục 6 Công ước Viên)

Mẫu này áp dụng từ ngày 01/12/2026

1. Mặt trước:



2. Mặt sau:



Giấy phép lái xe là một tài liệu (in bằng tiếng Việt và tiếng Anh) bao gồm các thông tin như:

a) Phôi giấy phép lái xe được làm bằng vật liệu PET. hoặc vật liệu có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, có hoa văn màu hồng và các ký hiệu bảo mật, có kích thước 54x86mm.

b) Trên mặt trước của giấy phép lái xe có dòng chữ "GIẤY PHÉP LÁI XE/ DRIVER'S LICENSE", "CÁC LOẠI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ ĐƯỢC ĐIỀU KHIỂN", chữ "Số/No." và "Ngày trúng tuyển" có màu đen, được in đậm, các chữ khác màu đen, in thường.

c) Ảnh của người lái xe chụp trên nền màu xanh da trời được in trực tiếp trên giấy phép lái xe.

d) Có lớp màng phủ bảo an trên hai mặt của giấy phép lái xe.














e) Có mã hai chiều (QR) để đọc, giải mã nhanh thông tin trên Giấy phép lái xe và liên kết với hệ thống thông tin quản lý giấy phép.



g) Mặt trước của giấy phép lái xe được đánh số, mỗi số hiển thị những thông tin sau:

1. Họ của người lái xe
2. Tên của người lái xe
3. Ngày tháng năm sinh và quốc gia nơi sinh của người lái xe
- 4a . Ngày cấp giấy phép lái xe
- 4b . Ngày hết hạn giấy phép lái xe
- 4c . Cơ quan cấp giấy phép lái xe
5. Số giấy phép lái xe
6. Ảnh chân dung (không đánh số)
7. Chữ ký của người lái xe
8. Địa chỉ cư trú của người lái xe
9. Các hạng giấy phép lái xe được phép lái được quy định tại Mục 1, Mẫu số 03, Phụ lục XXXVI
 - h) Mặt sau của giấy phép lái xe được đánh số, gồm bốn cột, mỗi cột được đánh số, hiển thị những thông tin sau:
 1. Cột 9 hiển thị các loại xe (hạng xe) được phép điều khiển
 2. Cột 10 hiển thị ngày cấp giấy phép lái xe
 3. Cột 11 hiển thị ngày hết hạn của giấy phép lái xe
 4. Cột 12 hiển thị mã code giấy phép lái xe đối với một số trường hợp đặc thù.
 5. Điều kiện hạn chế: Hiển thị điều kiện hạn chế của giấy phép lái xe, được quy định tại Mục 2, Mẫu số 03, Phụ lục XXXVI

Mẫu số 03. DANH MỤC HẠNG GIẤY PHÉP LÁI XE VÀ ĐIỀU KIỆN HẠN CHẾ

1. Danh mục hạng Giấy phép lái xe như sau:

TT	Ký hiệu	Nội dung
1		Hạng A1 cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh đến 125 cm ³ hoặc có công suất động cơ điện đến 11 kW;
2		Hạng A cấp cho người lái xe mô tô hai bánh có dung tích xi-lanh trên 125 cm ³ hoặc có công suất động cơ điện trên 11 kW và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1;
3		Hạng B1 cấp cho người lái xe mô tô ba bánh và các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng A1;
4		Hạng B cấp cho người lái xe ô tô chở người đến 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 3.500 kg; các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B có kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg;
5		Hạng C1 cấp cho người lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 3.500 kg đến 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 có kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B;
6		Hạng C cấp cho người lái xe ô tô tải và ô tô chuyên dùng có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 7.500 kg; các loại xe ô tô tải quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe hạng B và hạng C1;
7		Hạng D1 cấp cho người lái xe ô tô chở người trên 08 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C;
8		Hạng D2 cấp cho người lái xe ô tô chở người (kể cả xe buýt) trên 16 chỗ (không kể chỗ của người lái xe) đến 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe), các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D2 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1;
9		Hạng D cấp cho người lái xe ô tô chở người (kể cả xe buýt) trên 29 chỗ (không kể chỗ của người lái xe); xe ô tô chở người giường nằm; các loại xe ô tô chở người quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế đến 750 kg; các loại xe quy định cho giấy phép lái xe các hạng B, C1, C, D1, D2;
10		Hạng BE cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng B kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;
11		Hạng C1E cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;
12		Hạng CE cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng C kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô đầu kéo kéo sơ mi rơ moóc;
13		Hạng D1E cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D1 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;

14		Hạng D2E cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D2 kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg;
15		Hạng DE cấp cho người lái các loại xe ô tô quy định cho giấy phép lái xe hạng D kéo rơ moóc có khối lượng toàn bộ theo thiết kế trên 750 kg; xe ô tô chở khách nối toa.

2. Điều kiện hạn chế

a) Đối với người có giấy phép lái xe hạng B số tự động ghi là: *“người có giấy phép lái xe này chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động”*.

b) Đối với giấy phép lái xe hạng A1 cấp cho người khuyết tật điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật, ghi là: *“người có giấy phép lái xe này chỉ điều khiển xe mô tô ba bánh dùng cho người khuyết tật”*.

d) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay trái, ghi là: *“người có giấy phép lái xe này chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động, cấp cho người khuyết tật tay trái.”*

đ) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật tay phải, ghi là: *“người có giấy phép lái xe này chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động, cấp cho người khuyết tật tay phải.”*

e) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật chân phải, ghi là: *“người có giấy phép lái xe này chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động, cấp cho người khuyết tật chân phải.”*

g) Đối với giấy phép lái xe hạng B1 số tự động cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải), ghi là:

“người có giấy phép lái xe này chỉ điều khiển xe ô tô hạng B số tự động, cấp cho người khuyết tật nói chung (trừ khuyết tật tay trái, tay phải, chân phải).”

Phụ lục XXXVII

MẪU BẢN XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm
2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BIỂU MẪU XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

Mẫu số 01	Bản đề nghị xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ
Mẫu số 02	Bản xác minh giấy phép lái xe cơ giới đường bộ

Mẫu số 01. BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

(UBND TỈNH.....)
(SỞ GTVT.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGTVT-...., ngày..... tháng..... năm 20.....

BẢN ĐỀ NGHỊ XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: Sở GTVT.....

Sở Giao thông vận tải đề nghị xác minh giấy phép lái xe theo các nội dung sau:

Họ và tên: Quốc tịch:.....

Sinh ngày: thángnăm.....

Số CCCD (hoặc CC hoặc hộ chiếu): ...cấp ngày....tháng....năm.....,

Nơi cấp:.....

Đã học lái xe tại.....năm

Hiện có giấy phép lái xe hạng:, số:....., do Sở GTVT..... cấp ngày..... tháng năm.....

CÁN BỘ ĐỀ NGHỊ XÁC MINH
(ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN QUẢN LÝ GPLX
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. BẢN XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

(UBND TỈNH.....)
(SỞ GTVT.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGTVT-...., ngày..... tháng..... năm 20.....

BẢN XÁC MINH GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: Sở GTVT.....

Sở Giao thông vận tải trả lời xác minh giấy phép lái xe theo các nội dung sau:

Họ và tên: Quốc tịch:

Sinh ngày: tháng.....năm.....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Nơi cư trú:

Số CCCD (hoặc CC hoặc hộ chiếu): ...cấp ngày....tháng....năm....,

Nơi cấp:

Đã học lái xe tạinăm

Hiện có giấy phép lái xe hạng:, số:....., do Sở GTVTcấp ngày tháng năm

KẾT QUẢ XÁC MINH

1. Các thông tin có trong Hồ sơ' quản lý sát hạch:

Tên của người lái xe ; Ngày tháng năm sinh ; Nơi thường trú

Nơi cư trú ; Số CMND (HC) ; Ngày cấp ; Nơi cấp ; Tên cơ sở đào tạo

GPLX hạng ; Số GPLX ; Cơ quan cấp ; Ngày tháng năm

2. Kiến nghị, đề xuất:

Đổi, cấp lại, đưa vào danh sách dự sát hạch lại

CÁN BỘ XÁC MINH
(ký, ghi rõ họ và tên)

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN QUẢN LÝ GPLX
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XXXVIII

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI (CẤP LẠI) GIẤY PHÉP LÁI XE (1)

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số căn cước:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đã học lái xe tại:.....năm.....

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:.....số:.....

do:..... cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi, cấp lại giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:.....

Lý do:.....

Vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ với hình thức tước quyền sử dụng giấy phép lái xe: có không

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

....., ngày tháng năm 20

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.

Phụ lục XXXIX

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence- Freedom – Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ
APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER'S LICENCE
(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Sở Giao thông vận tải...
(Transport Department...)

Tôi là (Full name):.....
Ngày tháng năm sinh (date of birth)
Số hộ chiếu (Passport No.) cấp ngày (Issuing date): ngày (date):
tháng (month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):.....
Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driver's Licence No.):.....
Cơ quan cấp (Issuing Office):.....
Tại (Place of issue):.....
Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):..... tháng (month).....năm (year).....
Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):.....
.....

Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam).

Ghi chú (note): Gửi kèm theo đơn (Documents enclosed as follows)

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)] (Đối với trường hợp chưa có số định danh cá nhân (In case there is no personal identification No.).

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

....., ngày (date) tháng (month) năm (year).....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)

(Ký và ghi rõ họ, tên)

(Signature and Full name)

Phụ lục XXXX

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ TRANG SỐ 1 (Mặt ngoài của trang bìa trước)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ
INTERNATIONAL MOTOR TRAFFIC

GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
INTERNATIONAL DRIVING PERMIT

Số:.....
Number

Công ước về Giao thông đường bộ ngày 8/11/1968
Convention on International Road Traffic of 8 November 1968

Có giá trị đến:.....
Valid until

Cơ quan cấp:.....
Issued by

Nơi cấp:..... Ngày:.....
At Date

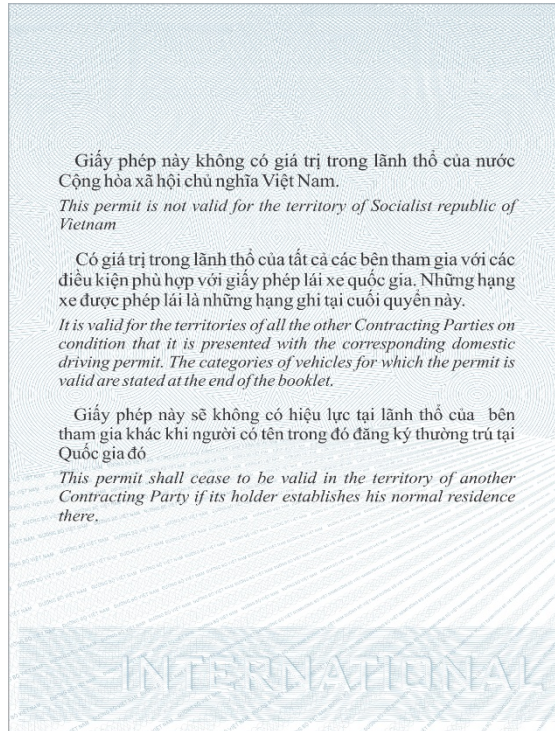
Số giấy phép lái xe quốc gia:.....
Number of domestic driving permit

(1)

1. Chữ ký dấu của cơ quan cấp IDP

TRANG SỐ 2

(Mặt trong của trang bìa trước)









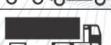






TRANG SỐ 3

Phân khai về người lái xe bằng tiếng Việt

PHÂN KHAI VỀ NGƯỜI LÁI XE

Họ và tên:
Tên khác:
Nơi sinh:
Ngày sinh:
Địa chỉ thường trú:

GIẤY PHÉP CÓ GIÁ TRỊ VỚI CÁC HẠNG XE VÀ CÁC CẤP HẠNG XE CÓ MÃ TƯƠNG ỨNG, CÓ GIÁ TRỊ TRÊN GIẤY PHÉP LÁI XE			
Mã hạng phương tiện/hình vẽ		Mã cấp phương tiện/hình vẽ	
A		A1	
B		B1	
C		C1	
D		D1	
BE			
CE		C1E	
DE		D1E	

NHỮNG ĐIỀU KIỆN HẠN CHẾ SỬ DỤNG














DRIVING PERMIT

TRANG SỐ 5

Phần khai về người lái xe bằng tiếng Anh

PARTICULARS CONCERNING THE DRIVER

Family name:
 Given name, other names:
 Place of birth:
 Date of birth:
 Place of normal residence:

CATEGORIES AND SUBCATEGORIES OF VEHICLES, WITH THE CORRESPONDING CODES, FOR WHICH THE PERMIT IS VALID			
Category code/Pictogram		Subcategory code/Pictogram	
A		A1	
B		B1	
C		C1	
D		D1	
BE			
CE		C1E	
DE		D1E	

RESTRICTIVE CONDITIONS OF USE














DRIVING PERMIT

TRANG SỐ 6

Phần khai về người lái xe bằng tiếng Nga

ЗАПИСИ, ОТНОСЯЩИЕСЯ К ВОДИТЕЛЮ

Фамилия:
 Имя другие имена:
 Место рождения:
 Дата рождения:
 Обычное местожительство:

КАТЕГОРИИ И ПОДКАТЕГОРИИ ТРАНСПОРТНЫХ СРЕДСТВ С УКАЗАНИЕМ СООТВЕТСТВУЮЩИХ КОДОВ, НА УПРАВЛЕНИЕ КОТОРЫМИ ВЫДАНО УДОСТОВЕРЕНИЕ			
Код категории/Пиктограмма		Код подкатегории/Пиктограмма	
A		A1	
B		B1	
C		C1	
D		D1	
BE			
CE		C1E	
DE		D1E	

УСЛОВИЯ, ОГРАНИЧИВАЮЩИЕ ИСПОЛЬЗОВАНИЕ

INTERNATIONAL














TRANG SỐ 7

Phần khai về người lái xe bằng tiếng Tây Ban Nha

INDICACIONES RELATIVAS AL CONDUCTOR

Apellidos:
 Nombres:
 Lugar de nacimiento:
 Fecha de nacimiento:
 Lugar de residencia normal:

CATEGORÍAS Y SUBCATEGORÍAS DE VEHÍCULOS, CON LOS CÓDIGOS CORRESPONDIENTES, PARA LAS CUALES ES VÁLIDO EL PERMISO

Código de la categoría/Pictograma	Código de la subcategoría/Pictograma
A 	A1 
B 	B1 
C 	C1 
D 	D1 
BE 	
CE 	C1E 
DE 	D1E 

CONDICIONES RESTRICTIVAS

INTERNATIONAL














TRANG SỐ 8

Phần khai về người lái xe bằng tiếng Pháp

INDICATIONS RELATIVES AU CONDUCTEUR

Nom:
 Prénom(s) ou autre(s) nom(s):
 Lieu de naissance:
 Date de naissance:
 Lieu de résidence normale:

CATÉGORIES ET SOUS-CATÉGORIES DE VÉHICULES, AVEC LES CODES CORRESPONDANTS, POUR LESQUELLES LE PERMIS EST VALABLE

Code de la catégorie/Pictogramme	Code de la sous-catégorie/Pictogramme
A 	A1 
B 	B1 
C 	C1 
D 	D1 
BE 	
CE 	C1E 
DE 	D1E 

RESTRICTIONS À L'UTILISATION

DRIVING PERMIT

TRANG SỐ 9

Quy định hạng xe được điều khiển

INDICATIONS RELATIVES AU CONDUCTEUR

Nom:
Prénom(s) ou autre(s) nom(s):
Lieu de naissance:
Date de naissance:
Lieu de résidence normale:

CACHET	CACHET
A (1)	A1
B	B1
C	C1
D	D1
BE	
CE	C1E
DE	D1E

Photographie

2

Signature du titulaire..... (3)

EXCLUSIONS
Le titulaire est privé du droit de conduire sur le territoire de Jusqu'au.....
Le
À

Le titulaire est privé du droit de conduire sur le territoire de Jusqu'au.....
Le
À

- (1) Vị trí đóng dấu hạng xe điều khiển được cấp
- (2) Vị trí đóng dấu giáp lai
- (3) Vị trí chữ ký của người được cấp IDP

Phụ lục XXXXI

BẢNG CHUYỂN ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BẢNG CHUYỂN ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

Áp dụng đối với giấy phép lái xe do Chính phủ Việt Nam cấp trước ngày
01/10/2025

GIẤY PHÉP LÁI XE VIỆT NAM	GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ
Hạng A1	Hạng A1
Hạng A2	Hạng A
Hạng A3	Hạng B1
Hạng B1, B2	Hạng B
Hạng C	Hạng C và C1
Hạng D	Hạng D1
Hạng E	Hạng D
Hạng FB2	Hạng BE
Hạng FC	Hạng CE và C1E
Hạng FD	Hạng D1E
Hạng FE	Hạng DE

Phụ lục XXXXII

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Phụ lục IV

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

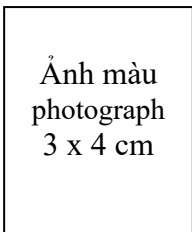
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independent – Freedom – Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE QUỐC TẾ

APPLICATION FORM FOR ISSUANCE OF INTERNATIONAL DRIVING PERMIT



Kính gửi (To):.....

Tôi là (Full name):

Ngày tháng năm sinh (date of birth)

Số hộ chiếu (Passport No.) cấp ngày (Issuing date): ngày (date):

tháng (month)..... năm (year)..... nơi cấp (Place of issue):.....

hoặc Số định danh cá nhân (personal identification No.):.....

Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current driving licence No.):

Cơ quan cấp (Issuing Office):

Tại (Place of issue):

Cấp ngày (Issuing date): ngày (date): tháng (month)..... năm (year).....

Lý do xin cấp giấy phép lái xe (Reason of application for International driving permit):

.....

....., date..... month..... year.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT)

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Signature and Full name)

Phụ lục XXXXIII
MẪU BÁO CÁO NHU CẦU PHÔI CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

SỞ GTVT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BCXMCD , ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO NHU CẦU PHÔI CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: Cục Đường bộ Việt Nam

Thực hiện Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày // của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng, Sở Giao thông vận tải báo cáo kết quả thực hiện sử dụng phôi Chứng chỉ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng như sau:

- Số lượng phôi Chứng chỉ của kỳ trước, tổng số: chiếc.
- Số lượng phôi Chứng chỉ đã sử dụng: chiếc, trong đó:
 - Cấp mới: chiếc;
 - Cấp lại: chiếc;
 - Bị hỏng: chiếc;
 - Còn lại: chiếc.
- Đề nghị Cục Đường bộ Việt Nam cấp phôi Chứng chỉ cho Sở Giao thông vận tải để sử dụng trong thời gian là: chiếc.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT,

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XXXXIV

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC , ngày tháng năm 20.....

BÁO CÁO MỞ LỚP BỒI DƯỠNG
KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải

Thực hiện Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày // của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; đào tạo, kiểm tra cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng, Trường (hoặc Trung tâm) báo cáo mở lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật giao thông đường bộ như sau:

TT	Khóa, lớp	Số lượng	Địa điểm học	Ngày khai giảng	Ngày kiểm tra

Xin gửi kèm theo báo cáo này danh sách trích ngang học viên dự học.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XXXXV
MẪU SỔ QUẢN LÝ CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC
PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU SỔ QUẢN LÝ CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC
PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

1. Trang bìa

CƠ QUAN CHỦ QUẢN TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO
SỔ QUẢN LÝ CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
....., ngày.....tháng.....năm.....

2. Nội dung

QUẢN LÝ CẤP CHỨNG CHỈ

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Nơi cư trú	Số Chứng chỉ, ngày, tháng, năm cấp	Cấp lại Chứng chỉ, số, ngày, tháng, năm cấp lại	Ký nhận

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG
KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

1. Hình thức

Mặt trước:

BỘ GTVT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----- XXXXXX/MT (1) CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
Ảnh 2x3 cm	Họ và tên Ngày sinh Nơi cư trú
Không thời hạn	..., ngày ... tháng ... năm 20 ... THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ (Ký tên, đóng dấu)

Mặt sau:

NGƯỜI ĐIỀU CẦN CHÚ Ý

- Phải xuất trình Chứng chỉ để kiểm tra khi người làm nhiệm vụ trật tự an toàn giao thông yêu cầu.
- Nghiêm cấm hành vi tẩy xóa Chứng chỉ.
- Trường hợp mất, hỏng phải làm thủ tục cấp đổi, cấp lại tại nơi cấp Chứng chỉ lần đầu hoặc Sở Giao thông vận tải.

2. Quy cách

a) Kích thước: Chiều dài: 86 mm; Chiều rộng: 54 mm.

b) Màu sắc: nền màu vàng nhạt; vó viền đỏ xung quanh rộng 1mm và cách mép ngoài của giấy chứng nhận là 1 mm.

c) Bảo mật chống làm giả: loại giấy tốt, có hoa văn chống làm giả,

3. Cách ghi

3.1. Tại vị trí (1): Số cấp Chứng chỉ gồm 6 chữ số tự nhiên từ nhỏ đến lớn. Hai ký tự cuối MT là mã số cấp đăng ký quy định cho các tỉnh, thành phố tại Thông tư quy định về cấp, thu hồi đăng ký, biên số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ.

3.2. In Chứng chỉ dùng phông chữ Times New roman, màu của chữ và số là màu đen; họ và tên người được cấp Chứng chỉ kiểu chữ in đậm màu đen.

3.3. Dấu đóng trên Chứng chỉ có hai dấu: dấu thu nhỏ loại dấu nổi đóng giáp lai với ảnh của người được cấp Chứng chỉ và dấu mực đỏ đóng vào vị trí người ký cấp Chứng chỉ.

Phụ lục XXXVII
MẪU BÁO CÁO
PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG
KIẾN THỨC PHÁP LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CHO NGƯỜI
ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CƠ SỞ ĐÀO TẠO Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO
PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO CẤP CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG
KIẾN THỨC PHÁP LUẬT GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ CHO NGƯỜI
ĐIỀU KHIỂN XE MÁY CHUYÊN DÙNG

I. GIỚI THIỆU CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo (Trường hoặc Trung tâm):

Giám đốc, Phó Giám đốc, các phòng ban:.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

2. Cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp:.....

3. Quyết định thành lập số..... ngày / / của.....

4. Giới thiệu tóm tắt cơ sở, các nghề đào tạo, quy mô đào tạo/năm.

II. BÁO CÁO VỀ ĐÀO TẠO LÁI XE

1. Đào tạo lái xe từ năm.....loại xe (xe mô tô) theo văn bản số.....ngày / /
..... của.....

Từ khi thành lập đến nay đã đào tạo được..... học sinh, lái xe loại.....

2. Hiện nay đào tạo lái xe loại....., thời gian đào tạo.....tháng (đối với từng loại, số học sinh mỗi loại).

(Trường hợp chưa đào tạo không nêu các điểm 1, 2 phần II)

3. Tổng số phòng học hiện có, số phòng học chuyên môn, diện tích (m²), đủ hay thiếu phòng học.

Đánh giá cụ thể từng phòng học chuyên môn và các thiết bị dạy học: mô hình vật thực, phim, đèn chiếu hoặc thiết bị, (đối chiếu với quy định để báo cáo); chất lượng từng phòng học.

4. Mục tiêu, kế hoạch giảng dạy và từng mục: giáo trình, giáo án, hệ thống bài ôn luyện và thiết bị kiểm tra (thống kê và trình bày hiện vật).

5. Đội ngũ giáo viên

- Số lượng giáo viên dạy lý thuyết:.....

DANH SÁCH TRÍCH NGANG GIÁO VIÊN DẠY

Số TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số CCCD/CC	Đơn vị công tác	Hình thức tuyển dụng		Trình độ			Thâm niên dạy HỌC	Ghi chú
					Biên chế	Hợp đồng	Văn hóa	Chuyên môn	Sư phạm		

						(thời hạn)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	13	14
1											
2											
3											
...											

6. Đánh giá chung:

.....
.....

7. Đăng ký đào tạo:

- Lưu lượng:

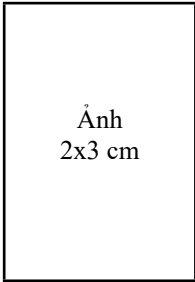
8. Thời gian đào tạo: từ ngày.....

XÁC NHẬN
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI
(GIÁM ĐỐC)
(Ký tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục XXXXVIII
MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ DỰ HỌC BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ DỰ HỌC BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi:

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc Số Căn cước:.....

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Đề nghị cho tôi được dự học lớp bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

....., ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục XXXIX

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN KẾT QUẢ KIỂM TRA
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Căn cứ Quyết định số /QĐ-.... ngày tháng năm của
..... về việc thành lập Tổ Kiểm tra bồi dưỡng kiến thức pháp luật về
giao thông đường bộ khóa của Thủ trưởng cơ sở đào tạo

Hôm nay, ngày tháng năm tại

I. Thành phần Tổ Kiểm tra:

- Chức vụ Tổ trưởng.
- Chức vụ Thư ký.
- Chức vụ Tổ viên.
- Chức vụ Tổ viên.

II. Kết quả kiểm tra khóa học bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ khai giảng ngày .../.../....., kết thúc ngày .../.../....., như sau:

- Tổng số thí sinh dự kiểm tra (có danh sách kèm theo), trong đó:
 - Thí sinh đạt yêu cầu: (có danh sách kèm theo);
 - Thí sinh không đạt yêu cầu: (có danh sách kèm theo).

2. Nhận xét đánh giá:

III. Kết luận của Tổ Kiểm tra:

Đề nghị Thủ trưởng cơ sở đào tạo ra quyết định cấp Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người đạt yêu cầu.

Biên bản được lập thành 2 bản: 01 gửi Sở Giao thông vận tải; 01 lưu tại cơ sở đào tạo.

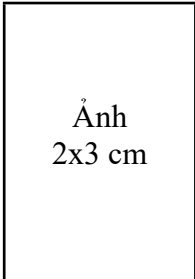
TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ và tên)

THƯ KÝ

Phụ lục XXXXX

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải



Ảnh
2x3 cm

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI, CẤP LẠI CHỨNG CHỈ
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG
ĐƯỜNG BỘ**

Kính gửi:

Tôi là:.....

Ngày tháng năm sinh:

Số Căn cước công dân hoặc căn cước:

hoặc Hộ chiếu số..... ngày cấp..... nơi cấp:

Hiện tôi đã có Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ do cấp

Số Chứng chỉ: cấp ngày tháng năm

Lý do xin đổi, cấp lại:

Đề nghị đổi, cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ để điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng năm 20.....

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký, ghi rõ họ tên)